

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI**



**BÁO CÁO KẾT QUẢ
TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI NĂM 2025**

Phù Thọ, tháng 12 năm 2025

MỤC LỤC

TT	Nội dung	Trang
PHẦN I.	GIỚI THIỆU TỔNG QUÁT VỀ TRƯỜNG	5
1	Thông tin chung về trường	5
2	Thành tích nổi bật của trường	5
3	Cơ cấu tổ chức và nhân sự của trường	7
4	Các nghề đào tạo và quy mô đào tạo của trường	11
5	Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính	13
PHẦN II.	KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP	15
1	Đặt vấn đề	15
2	Tổng quan chung	17
2.1	Căn cứ tự đánh giá	17
2.2	Mục đích tự đánh giá	17
2.3	Yêu cầu tự đánh giá	17
2.4	Phương pháp tự đánh giá	18
2.5	Các bước tiến hành tự đánh giá	18
3	Tự đánh giá	19
3.1	Tổng hợp kết quả tự đánh giá ¹	19
3.2	Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn ²	29
3.2.1	Tiêu chí 1: Sứ mạng, mục tiêu, tổ chức và quản lý	29
3.2.2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	37
3.2.3	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động	48
3.2.4	Tiêu chí 4: Chương trình đào tạo, giáo trình	58
3.2.5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo	67
3.2.6	Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế	78
3.2.7	Tiêu chí 7: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	85
3.2.8	Tiêu chí 8: Giám sát, đánh giá chất lượng	93
PHẦN III.	TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP	103
PHẦN IV.	ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ	104
PHỤ LỤC	1. Kế hoạch tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp	105
	2. Quyết định thành lập Hội đồng Tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp	110
	3. Bảng mã minh chứng ³	112

¹ Tổng hợp kết quả tự đánh giá theo Mẫu 1

² Báo cáo đánh giá chi tiết Tiêu chí theo Mẫu 2

³ Bảng mã minh chứng theo Mẫu 3

CÁC TỪ VIẾT TẮT

TT	Chữ viết tắt	Ý nghĩa
1	BCH	Ban chấp hành
2	BCN	Bộ công nghiệp nặng
3	BCSD	Ban cán sự đảng
4	BCT	Bộ công thương
5	BG&ĐT	Bộ giáo dục và đào tạo
6	BGH	Ban giám hiệu
7	BLĐTB&XH	Bộ lao động - Thương binh và Xã hội
8	BNV	Bộ nội vụ
9	CBGV	Cán bộ giáo viên
10	CBQL	Cán bộ quản lý
11	CBVC	Cán bộ viên chức
12	CĐCN&TM	Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại
13	CĐCNPY	Cao đẳng Công nghiệp Phúc Yên
14	CĐN	Cao đẳng nghề
15	CNTT	Công nghệ thông tin
16	CP	Chính phủ
17	CSVC	Cơ sở vật chất
18	CTĐT	Chương trình đào tạo
19	CTHSSV	Công tác học sinh sinh viên
20	ĐBCLGD	Đảm bảo chất lượng giáo dục
21	ĐCCT	Đề cương chi tiết
22	ĐT	Đào tạo
23	ĐTN	Đoàn thanh niên
24	ĐTNCSHCM	Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
25	ĐVTN	Đoàn viên thanh niên
26	GDNN	Giáo dục nghề nghiệp
27	GDPT	Giáo dục phổ thông
28	GDTX	Giáo dục thường xuyên
29	GTVL	Giới thiệu việc làm
30	GV	Giáo viên

31	GVCN/CVHT	Giáo viên chủ nhiệm cố vấn học tập
32	HSSV	Học sinh - sinh viên
33	HSV	Hội sinh viên
34	TĐG	Tự đánh giá
35	KĐCL	Kiểm định chất lượng
36	TĐGCLGDNN	Tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp
37	KH	Kế hoạch
38	KHCN	Khoa học công nghệ
39	KHCN-ĐN	Khoa học công nghệ - Đối ngoại
40	KTX	Ký túc xá
41	LĐTBXH	Lao động Thương binh và Xã hội
42	NCKH	Nghiên cứu khoa học
43	NSNN	Ngân sách Nhà nước
44	NV - KTV	Nhân viên - Kỹ thuật viên
45	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
46	QĐ	Quyết định
47	QLGD	Quản lý giáo dục
48	QTDN	Quản trị doanh nghiệp
49	QT-TB	Quản trị - Thiết bị
50	SPDN	Sư phạm dạy nghề
51	TB	Thông báo
52	TCCB	Tổ chức cán bộ
53	TCĐC	Tổng cục địa chất
54	TCGDNN	Tổng cục giáo dục Nghề nghiệp
55	TCHC	Tổ chức - Hành chính
56	TCKT	Tài chính - Kế toán
57	TCN	Trung cấp nghề
58	TĐKT	Thi đua khen thưởng
59	THCS	Trung học cơ sở
60	TN	Tốt nghiệp
61	TT	Thông tư
62	TTTS & GTVL	Trung tâm Tuyển sinh và Giới thiệu việc làm
63	UBND	Ủy ban nhân dân
64	XKLD	Xuất khẩu lao động

PHẦN I. GIỚI THIỆU TỔNG QUÁT VỀ TRƯỜNG

1. Thông tin chung về trường

1.1. Tên trường: Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại

1.2. Tên tiếng Anh: COLLEGE OF INDUSTRY AND TRADE

1.3. Cơ quan chủ quản: Bộ Công Thương

1.4. Địa chỉ trường:

Trụ sở chính: *Cơ sở 1*: Phường Phúc Yên - Tỉnh Phú Thọ.

Cơ sở 2: Xã Kim Anh - Thành phố Hà Nội.

Cơ sở 3: Phường Phúc Yên - Tỉnh Phú Thọ.

1.5. Số điện thoại: 0211 3 873 910

1.6. Số Fax: 0211 3 873 910

1.7. Email: Coit@pci.edu.vn

1.8. Website: www.coit.edu.vn

1.9. Năm thành lập trường:

Năm thành lập trường: 1960 theo quyết định số 255/TCĐC ngày 15 tháng 10 năm 1960 của Tổng cục Địa chất. Trường mang tên Trường Trung cấp Địa chất.

Năm 2006 nâng cấp lên thành trường cao đẳng theo Quyết định số 2832/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 05 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường mang tên Trường Cao đẳng Công nghiệp Phúc Yên.

Năm 2018 nhà trường được đổi tên thành Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại theo Quyết định số 599/QĐ-LĐTĐ, ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

1.10. Loại hình trường: Công lập

2. Thành tích nổi bật của trường

Trong 65 năm xây dựng và trưởng thành, được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND Tỉnh Vĩnh Phúc, Bộ công thương, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, cùng với sự nỗ lực của tập thể cán bộ, viên chức và người lao động, Nhà trường đã không ngừng phát triển cả về quy mô và chất lượng đào tạo; từng bước đầu tư và hoàn thiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học; đội ngũ cán bộ giáo viên tăng cả về số lượng cũng như chất lượng. Đến nay, Nhà trường đã mở được nhiều ngành nghề đào tạo; quy mô tuyển sinh của trường tương đối ổn định qua các năm. Học sinh sinh viên tốt nghiệp ra trường có kỹ năng tốt, đáp ứng được yêu cầu của xã hội.

Những thành tích nổi bật đáng ghi nhận:

Dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, BGH nhà trường và sự phối hợp của các Đoàn thể, Nhà trường đã tổ chức tốt nhiều hoạt động thi đua dạy tốt, học tốt, hoàn thành nhiệm vụ đào tạo và phát triển nhà trường. Với những thành tích hoạt động trong thời gian qua, Nhà trường đã được Bộ Công thương, Bộ GD&ĐT, UBND tỉnh Vĩnh Phúc tặng nhiều Bằng khen.

Đảng ủy nhà trường đã lãnh đạo đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị. Đảng bộ nhiều năm liền đạt danh hiệu “*Trong sạch vững mạnh*” được Đảng ủy Khối Công nghiệp công nhận và tặng Giấy khen.

Tổ chức Công đoàn hoạt động có hiệu quả cao, phát huy vai trò làm chủ tập thể của người lao động, tham gia tích cực vào việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; tổ chức các hoạt động phong trào nhằm thúc đẩy công tác giảng dạy và học tập, góp phần hoàn thành nhiệm vụ chính trị tại đơn vị. Công đoàn đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tổ chức và thực hiện Nghị quyết hội nghị Cán bộ - Viên chức hàng năm. Thực hiện các phong trào thi đua sôi nổi có hiệu quả, đời sống của CBVC ngày càng được nâng lên cả về vật chất lẫn tinh thần. Nhiều năm liền Công đoàn trường đạt danh hiệu: “*Công đoàn cơ sở vững mạnh xuất sắc*”; nhiều đoàn viên được tặng Giấy khen Công đoàn Công thương, Liên đoàn Lao động tỉnh, Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam.

Đoàn trường đã tập hợp được đông đảo đoàn viên, thanh niên tham gia các hoạt động khơi dậy tính sáng tạo và lý tưởng cách mạng. Với đặc điểm phần lớn đoàn viên, thanh niên là HSSV nên các hoạt động của Đoàn đều hướng về chủ đề học tập, rèn luyện để ngày mai lập thân lập nghiệp. Thông qua các hoạt động nhằm giúp HSSV có định hướng đúng trong học tập, rèn luyện phẩm chất đạo đức để sau khi tốt nghiệp ra trường có thể tìm việc làm hoặc tự tạo việc làm. Đoàn trường cũng đã tổ chức tốt các hoạt động ngoại khóa cho ĐVTN như văn hóa văn nghệ, TDTT; tham gia tốt các hoạt động tình nguyện hè, hiến máu nhân đạo hàng năm... Công tác tập hợp thanh niên, giáo dục truyền thống có những chuyển biến tích cực. Đoàn trường luôn đạt thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên do Trung ương Đoàn, Tỉnh đoàn Vĩnh Phúc và Thành Đoàn phát động.

*** Một số thành tích cụ thể:**

Ghi nhận những thành tích đóng góp của Nhà trường đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nhà trường đã được Đảng, Nhà nước tặng thưởng các danh hiệu

cao quý:

Cờ thi đua của UBND Tỉnh Vĩnh Phúc, QĐ số 2229/QĐ-UBND, ngày 12/9/2019.

Tập thể lao động xuất sắc Bộ Công Thương: QĐ số 33/QĐ-BCT, ngày 7 tháng 1 năm 2020.

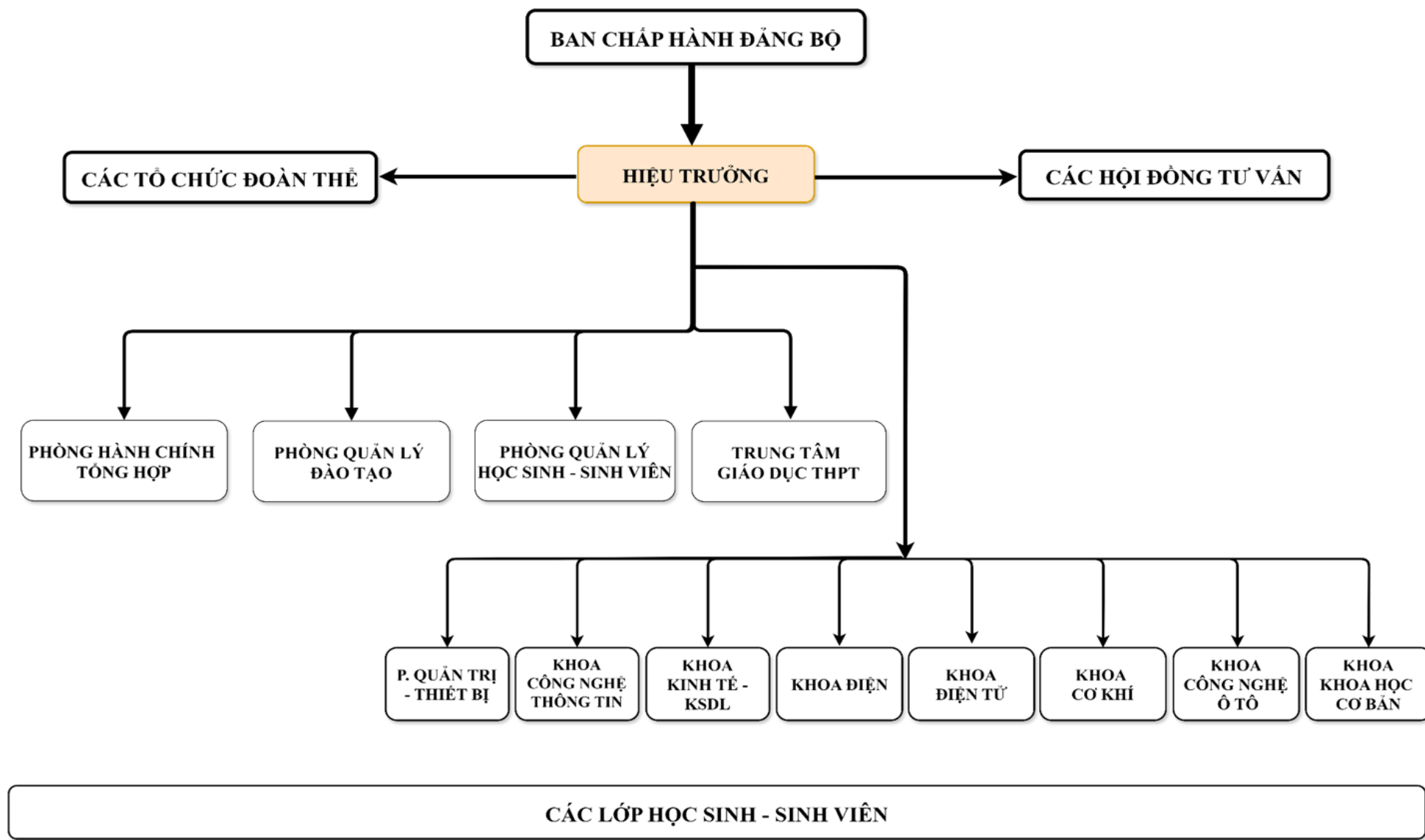
Tổ chức cơ sở đảng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2020, Quyết định số 378-QĐ/ĐUK ngày 05 tháng 01 năm 2021 về Đánh giá xếp loại tổ chức cơ sở đảng năm 2020;

Tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2021, Quyết định số 1177-QĐ/ĐUK ngày 24 tháng 12 năm 2021 về Đánh giá xếp loại tổ chức cơ sở đảng năm 2021;

Tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2022, Quyết định số 2080-QĐ/ĐUK ngày 28 tháng 12 năm 2022 về Đánh giá xếp loại tổ chức cơ sở đảng năm 2022).

3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của trường

3.1. Cơ cấu tổ chức (sơ đồ trang bên)



3.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của trường

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
1. Ban Giám hiệu				
	Nguyễn Hải Bằng	1975	Thạc sĩ Khoa học máy tính	Hiệu trưởng
2. Các tổ chức Đảng, Đoàn Thanh niên, Công đoàn				
Đảng ủy	Nguyễn Hải Bằng	1975	Thạc sĩ Khoa học máy tính	Bí thư
Công Đoàn	Nguyễn Quốc trí	1977	Thạc sĩ Kinh tế	Chủ tịch
Đoàn Thanh niên	Vũ Thị Thùy Linh	1986	Thạc sĩ	Bí thư
3. Trưởng các Phòng, Ban chức năng				
Phòng Quản lý Đào tạo	Vũ Cao Điền	1972	Thạc sĩ kỹ thuật	Trưởng phòng
Phòng Hành chính tổng hợp	Hoàng Trung Việt	1977	Thạc sĩ Quản lý giáo dục	Trưởng phòng
Phòng Quản lý Học sinh - Sinh viên	Nguyễn Thế Hưng	1982	Thạc sĩ tự động hóa	Trưởng phòng
Phòng Quản trị - Thiết bị	Lý Hồng Thắng	1978	Thạc sĩ chuyên ngành lý luận và Phương pháp DH	Trưởng phòng
4. Trưởng các khoa				

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
Khoa Điện	Trần Quốc Hoàn	1979	Tiến sĩ Điện khí hóa mỏ	Trưởng khoa
Khoa Cơ khí	Nguyễn Đức Minh	1983	Thạc sĩ CN cơ khí	Trưởng khoa
Khoa Điện tử	Lưu Văn Hải	1976	Thạc sĩ KT điện tử	Trưởng khoa
Khoa KHCB	Trần Hoài Thu	1979	Thạc sĩ Triết học	Trưởng khoa
Khoa Kinh tế - KSDL	Nguyễn Quốc Trí	1977	Thạc sĩ kinh tế	Trưởng khoa
Khoa CNTT	Phù Xuân Vĩnh	1973	Thạc sĩ Khoa học máy tính	Trưởng khoa
Khoa CN ô tô	Nguyễn Thái Hà	1977	Thạc sĩ Kỹ thuật ô tô	Phó Trưởng khoa phụ trách khoa
5. Trưởng các Trung tâm				
TT GD THPT	Nguyễn Minh Tú	1978	Thạc sĩ Toán	Giám đốc

3.3. Cán bộ, giáo viên và nhân viên của trường

Nội dung	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1. Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường	133	134	127
2. Tổng số giáo viên cơ hữu theo trình độ đào tạo	122	122	115
- Tiến sĩ	02	02	3
- Thạc sĩ	102	100	93
- Đại học	18	20	19
- Cao đẳng	0	0	0

Nội dung	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
- Trung cấp	0	0	0
- Trình độ khác	0	0	0
3. Tổng số giáo viên dạy được cả lý thuyết và thực hành trên tổng số giáo viên của trường	74/122 Chiếm tỷ lệ 60,6%	74/122 Chiếm tỷ lệ 60,6%	72/115 Chiếm tỷ lệ 62,6%

4. Các nghề đào tạo và quy mô đào tạo của trường

STT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025	
			Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên	Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên	Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên
1	Điện công nghiệp	Cao đẳng	80	56	80	93	80	95
		Trung cấp	370	231	405	421	405	321
		Sơ cấp	20		20	4	20	2
2	Công nghệ ô tô	Cao đẳng	25	35	25	47	25	25
		Trung cấp	130	210	95	163	95	144
		Sơ cấp	20		20		20	
3	Hàn	Cao đẳng						
		Trung cấp	50	47	25	49	25	25
		Sơ cấp	40		40		40	1
4	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	Trung cấp	100	18	70		70	
5	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cao đẳng	40	40	40	28	40	41
		Trung cấp	60	85	60	57	60	43
6	Điện tử công nghiệp	Cao đẳng	60	34	60	34	60	39
		Trung cấp	195	538	230	452	230	354
7	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	Cao đẳng	80					
		Trung cấp						
8	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Cao đẳng	30		30		30	
10	Kế toán doanh	Cao đẳng	30	80	30	83	30	56

	ng nghiệp	Trung cấp	40	94	40	56	40	70
		Sơ cấp	60		60		60	1
10	Khoan thăm dò địa chất	Cao đẳng						
		Trung cấp	30		30		30	
		Sơ cấp	20	65	20		20	2
11	Khai thác mỏ	Sơ cấp	200	28	200		200	17
12	Tiện	Sơ cấp	40	1	40		40	
13	Tin học ứng dụng	Trung cấp	25	46	25	88	25	83
		Cao đẳng						
14	Quản trị mạng máy tính	Cao đẳng	25		25	12	25	
		Trung cấp	155	397	95	220	95	169
		Sơ cấp	25		25		25	
15	Tiếng Hàn Quốc	Cao đẳng	30		30		30	
16	Phiên dịch tiếng Nhật kinh tế, thương mại	Cao đẳng	100	149	100	163	100	204
17	Nghiệp vụ lưu trú	Sơ cấp	40					
18	Nghiệp vụ nhà hàng	Sơ cấp	40					
19	Tin học văn phòng	Sơ cấp	25	1	25		25	4
20	Trắc địa - Địa chính	Sơ cấp	40		40		40	2
21	Nghiệp vụ lễ tân	Cao đẳng	25					
		Trung cấp	50	162	50	125	50	84
		Sơ cấp	40					

* **Quy mô tuyển sinh:** Theo nội dung ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề.

5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

Nội dung	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1. Diện tích hạng mục công trình (diện tích đang sử dụng- m ²)	18682	18682	18682
- Khu hiệu bộ	1000	1000	1000
- Phòng học lý thuyết	4346	4346	4346
- Xưởng thực hành	4246	4246	4246

Nội dung	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
- Khu phục vụ	9090	9090	9090
+ Thư viện	360	360	360
+ Ký túc xá	2950	2950	2950
+ Nhà ăn	400	400	400
+ Trạm y tế	80	80	80
+ Khu thể thao	5000	5000	5000
- Hội trường - giảng đường	300	300	300
2. Tổng số đầu sách của trường	7456	7456	7456
<i>Trong đó, đầu sách chuyên ngành:</i>	3298	3298	3298
3. Tổng số máy tính của trường	276	276	276
- Dùng cho văn phòng	46	46	46
- Dùng cho học sinh học tập	230	230	230
4. Tổng nguồn kinh phí của trường	23.824.715.042	30.000.000.000	
5. Tổng thu học phí	1.528.465.0000	1.700.000.000	
6. Tổng kinh phí quyết toán	18.604.226.000	19.393.024.800	Chưa quyết toán

PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Đặt vấn đề

1.1. Sự cần thiết của hoạt động tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp

Chất lượng giáo dục nghề nghiệp là một vấn đề được Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại hết sức quan tâm. Ngày nay xu thế toàn cầu hoá, hội nhập kinh tế quốc tế đang tác động đến tất cả các lĩnh vực của đời sống, mang lại cả cơ hội và thách thức đối với không chỉ mỗi quốc gia mà ngay cả đối với mỗi cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Trong đó, sự cạnh tranh giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngày càng trở nên quyết liệt, gay gắt. Lợi thế cạnh tranh sẽ thuộc về cơ sở giáo dục nghề nghiệp nào có chất lượng cao

Chất lượng giáo dục nghề nghiệp đang là vấn đề thu hút được sự quan tâm của các nhà quản lý, các doanh nghiệp, của phụ huynh, cũng như người học và toàn xã hội.

Ý thức được vấn đề đó, Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại đã tiến hành thực hiện tự đánh giá qua đó có thể đưa ra được các mặt mạnh, mặt yếu để từ đó xây dựng kế hoạch và các biện pháp cải tiến nhằm đáp ứng mục tiêu giáo dục nghề nghiệp mà Nhà trường đã đề ra. Tự đánh giá không chỉ tạo cơ sở cho công tác đánh giá mà qua đó Nhà trường còn thể hiện được tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm, thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp mục tiêu của Nhà trường.

1.2. Vai trò của hoạt động tự đánh giá chất lượng dạy nghề

Hoạt động tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp là một hoạt động có vai trò và ý nghĩa to lớn đối với xã hội, người có nhu cầu học nghề, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở sử dụng lao động và cơ quan quản lý nhà nước về dạy nghề. Nói cụ thể hơn, tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp có vai trò quan trọng trên các phương diện sau:

1.2.1. Đối với xã hội, hoạt động tự đánh giá thường mang tính xã hội rất cao, thể hiện ở chỗ:

Đó là sự đảm bảo trước xã hội về chất lượng “sản phẩm” của cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc của chương trình giáo dục nghề nghiệp.

Xác nhận chất lượng và hiệu quả đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Là cơ sở cho việc tuyển dụng, xem xét tư cách hành nghề của người học.

Là cơ sở cho việc trao đổi và di chuyển lao động giữa các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ sử dụng lao động trong và ngoài nước.

Thông qua quá trình tự đánh giá, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp luôn chủ động và có ý thức trong việc không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo của mình, nâng cao hiệu quả của đầu tư cho đào tạo.

1.2.2. Đối với người học:

Mục đích của các dịch vụ cho người học là nhằm đáp ứng những đòi hỏi, sự ham muốn và phát huy các khả năng tiềm tàng của người học đối với các chương trình giáo dục nghề nghiệp. Dịch vụ nhân sự cho người học phải xây dựng các chương trình định hướng và lập hệ thống hồ sơ nhân sự phù hợp gồm: dịch vụ tư vấn cá nhân; chương trình định hướng cho học sinh - sinh viên; dịch vụ lưu giữ các hồ sơ của người học; dịch vụ tài chính cho người học; dịch vụ ăn và ở; dịch vụ giới thiệu việc làm, ...

Vì thế, tự đánh giá chất lượng sẽ đảm bảo độ tin cậy đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp mà người học đó đang theo học, họ có thể yên tâm vì nhu cầu học tập của họ được đáp ứng một cách tốt nhất. Giúp cho người học chuyển đổi việc học tập giữa các trường hoặc được công nhận khi họ có nhu cầu bồi dưỡng, nâng cao trình độ. Điều quan trọng hơn là nếu được học ở những cơ sở giáo dục nghề nghiệp có uy tín và những chương trình giáo dục nghề nghiệp phù hợp đã được khẳng định qua tự đánh giá chất lượng thì người học sẽ dễ tìm được việc hoặc tự tạo việc làm khi ra trường, là tiền đề giúp cho người học được công nhận trong việc hành nghề.

1.2.3. Đối với bản thân các cơ sở giáo dục nghề nghiệp:

Tự đánh giá chất lượng có vai trò như là một động lực bên trong với sự hỗ trợ, khuyến khích từ bên ngoài giúp cơ sở giáo dục nghề nghiệp có điều kiện đánh giá lại mình một cách toàn diện, đầy đủ thông qua việc xem xét và xây dựng báo cáo tự đánh giá, nâng cao năng lực hoạt động của mình để tiến tới xây dựng một cơ sở giáo dục nghề nghiệp có chất lượng cao. Hay nói cách khác thông qua tự đánh giá chất lượng, thương hiệu, uy tín của một cơ sở giáo dục nghề nghiệp sẽ được Xã hội biết đến và thừa nhận.

1.2.4. Đối với cơ quan quản lý các cấp:

Tự đánh giá chất lượng được coi là một công cụ đảm bảo đánh giá một cách khách quan về cơ sở giáo dục nghề nghiệp, nhằm phát hiện những nhân tố mới trong số các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã thực hiện tốt các giải pháp cải tiến, tự hoàn thiện mình để nâng cao chất lượng đào tạo. Việc các cơ quan tự đánh giá áp dụng các "tiêu

chuẩn tự đánh giá chất lượng" sẽ tránh được những tác động bên ngoài có hại tới uy tín của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Hơn nữa, nếu tự đánh giá chất lượng nói chung và tự kiểm tra, tự đánh giá nói riêng được tiến hành tốt sẽ thúc đẩy các cơ sở giáo dục nghề nghiệp cải tiến nâng cao chất lượng.

1.2.5. Đối với người sử dụng lao động:

Giáo dục nghề nghiệp là một hoạt động dịch vụ. Chất lượng hoạt động dịch vụ này không nằm ngoài những vấn đề chung về chất lượng và quản lý chất lượng. Bởi vậy, tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp thông qua việc đánh giá và chứng nhận các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt “chất lượng” là một việc làm cần thiết để hoạt động giáo dục nghề nghiệp đi vào nề nếp, nâng cao chất lượng, đáp ứng ứng cầu đào tạo thông qua đó đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

2. Tổng quan chung

2.1. Căn cứ tự đánh giá

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về ban hành quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 14/2024/TT-BLĐTB&XH ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành quy định tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

2.2. Mục đích tự đánh giá

Đánh giá, xác định mức độ thực hiện mục tiêu, chương trình, nội dung đào tạo, cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hành, dịch vụ cho người học của Nhà trường và các điều kiện học tập của học sinh, giảng dạy của giáo viên so với bộ tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá.

Xác định mức độ đạt được của Nhà trường thông qua việc đối chiếu, so sánh với các yêu cầu của bộ tiêu chí (bao gồm các tiêu chuẩn) tự đánh giá chất lượng Giáo dục nghề nghiệp Trường Cao đẳng.

Phát hiện các điểm không phù hợp cần cải thiện trong thời gian ngắn, trung, dài hạn và qua đó giúp trường hoạch định Chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường trở thành đơn vị Giáo dục nghề nghiệp đạt chất lượng cao.

2.3. Yêu cầu tự đánh giá

Thể hiện sự bình đẳng, khách quan, trung thực và minh bạch trong quá trình tự đánh giá.

Hợp tác, trao đổi, thảo luận công khai với tất cả các thành viên trong trường.

Đảm bảo đúng thời gian theo kế hoạch.

2.4. Phương pháp tự đánh giá

- Mô tả, làm rõ thực trạng Nhà trường

Căn cứ từng tiêu chuẩn của 9 tiêu chí trong bộ tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng trường cao đẳng, từng nhóm tự đánh giá thực hiện thu thập thông tin và minh chứng có đủ độ tin cậy, tính chính xác và phải phù hợp với từng tiêu chuẩn. Thông tin và minh chứng phải được chỉ rõ nguồn gốc, đồng thời phải được lưu trữ và bảo vệ.

- Phân tích, giải thích, so sánh và đưa ra những nhận định, chỉ ra những điểm mạnh, yếu, từ đó đưa ra biện pháp khắc phục

Các thông tin và minh chứng thu được phải được xử lý để mô tả ngắn gọn nhất về các hoạt động của trường liên quan đến mỗi tiêu chuẩn. Qua phân tích, so sánh,... để thấy được thực trạng hiện nay của Nhà trường và đưa ra những nhận định về các điểm mạnh, yếu, tìm ra nguyên nhân, xác định mức độ đạt được qua mỗi tiêu chuẩn. Xác định những vấn đề cần cải tiến, đề ra biện pháp giải quyết.

- Lên kế hoạch hành động để cải tiến nâng cao chất lượng Giáo dục nghề nghiệp

Kế hoạch hành động của trường để tiếp tục duy trì các mặt mạnh và có biện pháp cải tiến hoặc khắc phục các điểm yếu. Kế hoạch này phải cụ thể và thực tế (*có các giải pháp khắc phục, cải tiến, thời gian phải hoàn thành và các biện pháp giám sát*). Kế hoạch hành động của Nhà trường phải thể hiện quyết tâm cải tiến chất lượng trong các lĩnh vực còn có những tồn tại, yếu kém.

2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá

Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng của Nhà trường (Quyết định số 220/QĐ-CDCN&TM ngày 18/7/2023 của Hiệu trưởng Nhà trường);

Xác định mục đích, phạm vi tự đánh giá;

Xây dựng kế hoạch tự đánh giá;

Thu thập thông tin và những chứng cứ để minh chứng;

Xử lý phân tích các thông tin và những chứng cứ thu được để minh chứng;
 Đánh giá mức độ mà Nhà trường đã đạt được theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn tự
 đánh giá chất lượng dạy nghề;

Viết báo cáo kết quả tự đánh giá;

Công bố công khai kết quả tự đánh giá trong Nhà trường.

3. Tự đánh giá

3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC	94	Đạt chuẩn chất lượng
	Tổng điểm	100	94
1	Tiêu chí 1: Sứ mạng, mục tiêu, tổ chức và quản lý	10	10
1	Tiêu chuẩn 1.1: Sứ mạng, mục tiêu của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, định hướng phát triển của trường, phù hợp với yêu cầu nhân lực trong các chiến lược phát triển ngành/chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương và được công bố công khai.	2	2
2	Tiêu chuẩn 1.2: Trường có quy chế về tổ chức và hoạt động, trong đó có phân công rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc trường, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu, cơ cấu ngành, nghề, quy mô đào tạo của trường.	2	2
3	Tiêu chuẩn 1.3: Trường đã xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng.	2	2
4	Tiêu chuẩn 1.4: Hằng năm, hệ thống bảo đảm chất lượng của trường được đánh giá và có biện pháp cải tiến nhằm tăng hiệu lực, hiệu quả quản lý.	2	2
5	Tiêu chuẩn 1.5: Hội đồng quản trị hoặc hội đồng	2	2

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	trường (đảng ủy, ban giám hiệu đối với các trường thuộc lực lượng vũ trang), tổ chức đảng, đoàn thể và các hội đồng tư vấn khác được thành lập theo quy định; thiết lập định hướng chiến lược phù hợp với sứ mạng, mục tiêu của trường.		
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	16	16
1	Tiêu chuẩn 2.1: Quy chế tuyển sinh và các kế hoạch, chính sách tuyển sinh được xây dựng, triển khai phù hợp chương trình đào tạo các ngành, nghề đào tạo của trường.	2	2
2	Tiêu chuẩn 2.2: Trường tuyển sinh theo kế hoạch bảo đảm công bằng, khách quan và theo hướng nâng cao chất lượng đầu vào. Công tác tuyển sinh được kiểm tra, giám sát và cải tiến, bảo đảm tính phù hợp, hiệu quả.	2	2
3	Tiêu chuẩn 2.3: Trường xây dựng, ban hành quy chế đào tạo, kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp. Hình thức, phương thức, phương pháp đào tạo đa dạng, phù hợp với mục tiêu, nội dung của từng chương trình đào tạo.	2	2
4	Tiêu chuẩn 2.4: Trường xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo cho từng lớp, khóa học, học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến mô-đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với hình thức đào tạo để người học đáp ứng chuẩn đầu ra.	<u>2</u>	<u>2</u>
5	Tiêu chuẩn 2.5: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động hoặc các tổ chức, cá nhân trong việc tổ chức, hướng	<u>2</u>	<u>2</u>

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	dẫn cho người học thực hành, thực tập.		
6	Tiêu chuẩn 2.6: Trường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo, bao gồm cả hình thức đào tạo từ xa (nếu có).	<u>2</u>	<u>2</u>
7	Tiêu chuẩn 2.7: Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động dạy, học theo đúng kế hoạch. Thực hiện biện pháp điều chỉnh kịp thời các hoạt động dạy và học theo đề xuất của báo cáo kiểm tra, giám sát để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.	<u>2</u>	<u>2</u>
8	Tiêu chuẩn 2.8: Các hình thức, phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của người học được thiết kế phù hợp; được rà soát, đánh giá, cải tiến để bảo đảm độ chính xác, công bằng, khách quan và định hướng người học đạt chuẩn đầu ra.	<u>2</u>	<u>2</u>
3	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động	14	14
1	Tiêu chuẩn 3.1: Quy trình tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý của trường được ban hành và đưa vào áp dụng; hằng năm được rà soát, đánh giá để cải tiến.	<u>2</u>	<u>2</u>
2	Tiêu chuẩn 3.2: Trường thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động. Hằng năm, trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để chuẩn hóa và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.	<u>2</u>	<u>2</u>
3	Tiêu chuẩn 3.3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác, bảo đảm về số lượng, cơ	2	2

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	cấu ngành, nghề đáp ứng yêu cầu đào tạo của trường		
4	Tiêu chuẩn 3.4: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu, yêu cầu của chương trình đào tạo và thực hiện các quy định về tổ chức đào tạo có liên quan.	<u>2</u>	<u>2</u>
5	Tiêu chuẩn 3.5: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.	<u>2</u>	<u>2</u>
6	Tiêu chuẩn 3.6: Nhà giáo định kỳ được học tập, bồi dưỡng, thực tập để cập nhật kiến thức, công nghệ, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp hoặc theo yêu cầu đặc thù của ngành, nghề đào tạo.	<u>2</u>	<u>2</u>
7	Tiêu chuẩn 3.7: Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đáp ứng các tiêu chuẩn và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao. Đội ngũ viên chức, người lao động đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao. Cán bộ quản lý, viên chức, người lao động định kỳ được bồi dưỡng, cập nhật nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.	<u>2</u>	<u>2</u>
4	Tiêu chí 4 - Chương trình đào tạo, giáo trình	14	14
1	Tiêu chuẩn 4.1: Trường ban hành và áp dụng quy trình bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo. Quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan.	2	2
2	Tiêu chuẩn 4.2: Trường ban hành đầy đủ các chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo mà trường được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt	2	2

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	động giáo dục nghề nghiệp.		
3	Tiêu chuẩn 4.3: Chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục nghề nghiệp, phù hợp với mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp, yêu cầu của ngành, nghề đào tạo và được công bố công khai.	2	2
4	Tiêu chuẩn 4.4: Các chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến chất lượng để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và sự phát triển của ngành, địa phương.	2	2
5	Tiêu chuẩn 4.5: Trường ban hành và áp dụng quy trình bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung giáo trình đào tạo. Quá trình xây dựng và thẩm định giáo trình đào tạo có sự tham gia của chuyên gia, cán bộ quản lý có kinh nghiệm của ngành, nghề đào tạo và các bên liên quan.	2	2
6	Tiêu chuẩn 4.6: Trường ban hành đầy đủ giáo trình các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo. Các giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo và phù hợp với phương pháp dạy học.	2	2
7	Tiêu chuẩn 4.7: Các giáo trình định kỳ được rà soát, đánh giá và cập nhật theo quy định, đáp ứng sự thay đổi của chương trình đào tạo.	2	2
5	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	14	14
1	Tiêu chuẩn 5.1: Trường ban hành và áp dụng quy trình, công cụ quản lý thiết bị, xưởng thực hành,	2	2

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	phòng học, các phòng công năng khác đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu, dịch vụ người học và các hoạt động khác của trường.		
2	Tiêu chuẩn 5.2: Quy hoạch tổng thể các khuôn viên của trường phù hợp với công năng, bền vững về môi trường. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường theo quy chuẩn và tiêu chuẩn hiện hành, đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt.	2	2
3	Tiêu chuẩn 5.3: Khu hiệu bộ, khu học lý thuyết, khu học thực hành, khu rèn luyện thể chất, khu phục vụ và các hạng mục khác phục vụ sinh hoạt cho người học, nhà giáo có cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo phù hợp với nghề, quy mô, trình độ đào tạo, bảo đảm các yêu cầu công nghệ và bảo vệ môi trường.	2	2
4	Tiêu chuẩn 5.4: Các tiêu chuẩn về môi trường, an toàn, sức khỏe nghề nghiệp được trường xác định và triển khai, bao gồm cả các nhu cầu, các điều kiện thiết yếu cho người khuyết tật (nếu có) và không phân biệt đối xử về giới.	2	2
5	Tiêu chuẩn 5.5: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo đáp ứng yêu cầu tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo và được quản lý, bảo trì, bảo dưỡng, bố trí hợp lý, bảo đảm các yêu cầu sư phạm, an toàn sức khỏe, vệ sinh môi trường.	0	0
6	Tiêu chuẩn 5.6: Trường ban hành và áp dụng quy trình quản lý, cấp phát nguyên, nhiên, vật liệu. Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí hợp lý, đáp ứng đầy đủ nhu cầu theo kế hoạch, tiến độ đào tạo và được tái sử dụng hiệu quả.	2	2

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
7	Tiêu chuẩn 5.7: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc điện tử; phòng đọc của cán bộ, nhà giáo; phòng đọc của người học; kho sách bảo đảm tiêu chuẩn thiết kế và định mức diện tích sử dụng.	2	2
8	Tiêu chuẩn 5.8: Thư viện, nguồn học liệu đầy đủ và phù hợp, được cập nhật, áp dụng những tiến bộ về công nghệ thông tin trong quản lý, sử dụng, bảo đảm hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy, học, nghiên cứu của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động và người học.	2	2
6	Tiêu chí 6 - Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế	4	4
1	Tiêu chuẩn 6.1: Trường ban hành quy định và thực hiện chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động và người học tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến, chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo và phục vụ cộng đồng.	2	2
2	Tiêu chuẩn 6.2: Hằng năm, trường có tổ chức thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên, được ứng dụng, phục vụ trực tiếp công tác đào tạo của trường và phục vụ cộng đồng.	0	0
3	Tiêu chuẩn 6.3: Hằng năm, trường có các bài báo của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các tạp chí chuyên ngành hoặc ấn phẩm tương đương.	0	0
4	Tiêu chuẩn 6.4: Có hoạt động hợp tác với các trường hoặc các tổ chức, cá nhân nước ngoài góp phần nâng	2	2

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	cao chất lượng đào tạo của trường.		
7	Tiêu chí 7: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	10	10
1	Tiêu chuẩn 7.1: Các thông tin về ngành, nghề, chương trình đào tạo và việc tổ chức thực hiện quy chế đào tạo, kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường và các chế độ, chính sách đối với người học được mô tả rõ ràng, đầy đủ và công khai.	2	2
2	Tiêu chuẩn 7.2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định, bảo đảm quyền lợi của người học, tạo điều kiện cho người học thuộc đối tượng chính sách có cơ hội tiếp cận học nghề, lập nghiệp. Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.	2	2
3	Tiêu chuẩn 7.3: Trường có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện; hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	2	2
4	Tiêu chuẩn 7.4: Người học được tạo điều kiện tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, nghiên cứu khoa học và các hoạt động xã hội khác để phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực.	2	2
5	Tiêu chuẩn 7.5: Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát, quản lý người học được định kỳ rà soát và cải tiến để đáp ứng nhu cầu của người học và các bên liên quan.	2	2
8	Tiêu chí 8 - Giám sát, đánh giá chất lượng	12	12

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
1	Tiêu chuẩn 8.1: Tỷ lệ tốt nghiệp của người học và tỷ lệ bỏ học được xác lập, giám sát, đối sánh (nếu có) để cải tiến.	2	2
2	Tiêu chuẩn 8.2: Trường triển khai hệ thống khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm cơ sở để đánh giá và cải tiến các chính sách liên quan nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ của trường.	2	2
3	Tiêu chuẩn 8.3: Trường ban hành và áp dụng quy trình, công cụ khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo; sử dụng kết quả khảo sát để thực hiện đánh giá và cải tiến các chính sách liên quan nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo.	2	2
4	Tiêu chuẩn 8.4: Trường ban hành và áp dụng quy trình, công cụ khảo sát người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức đào tạo, về chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường; sử dụng kết quả khảo sát để thực hiện đánh giá và cải tiến các chính sách liên quan nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo.	2	2
5	Tiêu chuẩn 8.5: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng, có kế hoạch thực hiện kiểm định chất lượng trường; có kế hoạch và biện pháp để thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở	2	2

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).		
6	Tiêu chuẩn 8.6: Trong vòng 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp, ít nhất 80% người học tốt nghiệp có việc làm.	2	2

3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

TIÊU CHÍ 1: MỤC TIÊU, SỨ MẠNG, TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ

Đánh giá tổng quát:

Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại đã xác định sứ mạng, mục tiêu phát triển rõ ràng, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, định hướng phát triển ngành Công Thương và chiến lược phát triển kinh tế – xã hội của quốc gia, địa phương. Sứ mạng, mục tiêu được công bố công khai, lan tỏa đến cán bộ, giảng viên, HSSV và cộng đồng. Bộ máy tổ chức quản lý được xây dựng đầy đủ theo quy định, có phân công rõ ràng chức năng, nhiệm vụ, bảo đảm hoạt động hiệu quả. Hệ thống bảo đảm chất lượng được thiết lập, vận hành định kỳ, có hoạt động đánh giá nội bộ và cải tiến thường xuyên. Các tổ chức Đảng, đoàn thể, hội đồng tư vấn hoạt động nề nếp, góp phần nâng cao năng lực quản trị. Nhìn chung, tiêu chí này cơ bản đạt yêu cầu, phản ánh sự ổn định, minh bạch và phát triển đúng định hướng của nhà trường.

Những tồn tại:

- Việc giám sát và đánh giá kết quả thực hiện sứ mạng, mục tiêu còn thiếu hệ thống chỉ số định lượng cụ thể.
- Hoạt động đánh giá hiệu quả của các đơn vị đôi khi còn hình thức, chưa gắn chặt với kết quả đầu ra.
- Một số hoạt động cải tiến chất lượng chưa đồng bộ, dẫn đến hiệu quả chưa bền vững.
- Công tác truyền thông sứ mạng, mục tiêu tới cộng đồng, doanh nghiệp bên ngoài trường còn hạn chế.

Kế hoạch nâng cao chất lượng:

- Xây dựng và áp dụng bộ chỉ số đo lường kết quả thực hiện sứ mạng, mục tiêu, gắn với kế hoạch chiến lược phát triển trường.
- Nâng cao chất lượng kiểm tra, đánh giá nội bộ, áp dụng KPI cho các đơn vị và gắn với thi đua khen thưởng.
- Tiếp tục kiện toàn, số hóa hệ thống bảo đảm chất lượng, xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý đồng bộ.
- Đẩy mạnh truyền thông về sứ mạng, mục tiêu, tăng cường kết nối với doanh nghiệp, cựu HSSV và cộng đồng.
- Bồi dưỡng năng lực quản trị hiện đại, đổi mới sáng tạo cho cán bộ quản lý các cấp.

Điểm đánh giá tiêu chí 1

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 1	10
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2

Tiêu chuẩn 1. *Sứ mạng, mục tiêu của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, định hướng phát triển của trường, phù hợp với yêu cầu nhân lực trong các chiến lược phát triển ngành/chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương và được công bố công khai.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường có cơ sở pháp lý và văn bản khung xác định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức làm nền tảng cho việc xác định sứ mạng, mục tiêu và định hướng phát triển theo Quyết định số 2226/QĐ-BCT ngày 27/6/2018 của Bộ Công thương về quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại. Quyết định của Bộ làm rõ phạm vi, chức năng, nhiệm vụ khiến mọi nội dung sứ mạng/mục tiêu phải bám sát khung pháp lý; đây là căn cứ pháp lý quan trọng khi soạn thảo Chiến lược và các kế hoạch thực hiện.

Trường có quy chế tổ chức và hoạt động, trong đó thể hiện các định hướng quản trị, tầm nhìn và trách nhiệm thực hiện sứ mạng, tạo mối liên hệ giữa văn bản quản lý và mục tiêu chiến lược được ban hành kèm theo Quyết định số 528/QĐ-CĐCN&TM ngày 12 tháng 3 năm 2020. Quy chế này cụ thể hóa phân công nhiệm vụ, quy trình vận hành, giúp triển khai mục tiêu chiến lược vào hoạt động thực tế của Nhà trường. Trường đã xây dựng các văn bản chiến lược dài hạn và ngắn hạn làm cơ sở cho sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu phát triển như Chiến lược phát triển trường Cao đẳng Công nghiệp Phúc Yên đến năm 2025 và tầm nhìn 2035 kèm theo Quyết định số 438/QĐ-CĐCNPY ngày 24/12/2015; Chiến lược phát triển trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại thành trường cao đẳng chất lượng cao đến năm 2025 và tầm nhìn 2035 kèm theo quyết định số 356/QĐ-CĐCN&TM ngày 28/8/2018). Các chiến lược này xác định rõ định hướng (chất lượng cao, gắn DN, chuyển đổi số...), là khung để lập kế hoạch hàng năm; Chiến lược đã được cụ thể hóa ở một số mục tiêu (quy mô

ngành nghề, hợp tác doanh nghiệp), nhưng cần tiếp tục đo lường kết quả theo chỉ số cụ thể.

Trường chủ động liên kết dữ liệu thị trường lao động và quy hoạch địa phương khi thiết lập mục tiêu (chứng cứ là quyết định/phê duyệt quy hoạch địa phương), và thu thập thông tin từ doanh nghiệp, khảo sát nhu cầu để điều chỉnh mục tiêu đào tạo. Việc đối chiếu với quy hoạch tỉnh và thông báo tuyển dụng của DN giúp mục tiêu nhà trường bám sát nhu cầu thực tế; tuy vậy, việc cập nhật khảo sát chưa thật thường xuyên, cần cơ chế cập nhật liên tục để đảm bảo mục tiêu luôn phù hợp.

Công tác công bố, truyền thông sứ mạng, mục tiêu đến HSSV, CBVC và công chúng được thực hiện (website, tuần sinh hoạt công dân, báo cáo công khai). Thông tin sứ mạng/mục tiêu được đưa vào hoạt động đầu khóa và báo cáo hàng năm, giúp người học nắm được định hướng trường; cần mở rộng truyền thông sang doanh nghiệp, cựu HS để tăng đối tác thực tập/việc làm.

Các văn bản pháp lý của Bộ, Quy chế nội bộ, Chiến lược dài hạn, Quyết định/Quy hoạch địa phương, dữ liệu doanh nghiệp, khảo sát và hoạt động truyền thông chứng tỏ sứ mạng và mục tiêu của Trường được xác định rõ ràng, có cơ sở khoa học và pháp lý, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu nhân lực của địa phương, ngành. Việc công bố công khai và phổ biến đến HSSV, CBVC đã được thực hiện nhưng cần nâng cao tần suất cập nhật khảo sát nhu cầu lao động và đo lường kết quả thực hiện mục tiêu bằng các chỉ số định lượng rõ ràng (KPI) (1.1.01. *Quyết định số 2226/QĐ-BCT ngày 27/6/2018 của Bộ Công thương về quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại; 1.1.02. Quyết định số 528/QĐ-CĐCN&TM ngày 12 tháng 3 năm 2020 về việc Ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại; 1.1.03. Chiến lược phát triển trường Cao đẳng Công nghiệp Phúc Yên đến năm 2025 và tầm nhìn 2035 kèm theo Quyết định số 438/QĐ-CĐCNPY ngày 24/12/2015; 1.1.04. Chiến lược phát triển trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại thành trường cao đẳng chất lượng cao đến năm 2025 và tầm nhìn 2035 kèm theo quyết định số 356/QĐ-CĐCN&TM ngày 28/8/2018; 1.1.05. Quyết định số 1448/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2020 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về Phê duyệt Đề án phát triển kinh tế xã hội tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021 - 2025; 1.1.06. Các “Thông báo tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp 2022, 2023, 2024”;* 1.1.07. <http://coit.edu.vn>; 1.1.08. Kế hoạch tổ

chức “Tuần sinh hoạt công dân - HSSV” đầu khóa - Năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 1.1.09. Hình ảnh giao diện Website về quy hoạch nguồn nhân lực của Vĩnh Phúc; 1.1.10. Kế hoạch và báo cáo khảo sát các đối tượng; 1.1.11. Báo cáo Tổng kết năm học (Báo cáo thực hiện QC công khai)).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 1: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 2. Trường có quy chế về tổ chức và hoạt động, trong đó có phân công rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc trường, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu, cơ cấu ngành, nghề, quy mô đào tạo của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại có hệ thống văn bản pháp lý đầy đủ để quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của từng đơn vị. Quyết định số 65/QĐ-CĐCN&TM ngày 24/01/2019 quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ và mối quan hệ công tác giữa các đơn vị, đảm bảo sự phân công rõ ràng, không chồng chéo. Bên cạnh đó, Quyết định số 528/QĐ-CĐCN&TM ngày 12/3/2020 ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường đã cụ thể hóa nguyên tắc điều hành, quy định trách nhiệm, quyền hạn và cơ chế phối hợp giữa các đơn vị, phù hợp với định hướng phát triển và sứ mạng của trường.

Cơ cấu tổ chức của Trường được minh họa bằng sơ đồ rõ ràng, khoa học, thể hiện mối quan hệ giữa Ban Giám hiệu, các phòng, khoa, trung tâm. Hệ thống các quyết định thành lập đơn vị, điều chuyển, bổ nhiệm cho thấy việc kiện toàn tổ chức được thực hiện thường xuyên, kịp thời, phù hợp với yêu cầu phát triển đào tạo và nghiên cứu. Mặt khác, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp khẳng định Trường đủ điều kiện pháp lý trong hoạt động đào tạo, đồng thời chứng minh sự thống nhất giữa cơ cấu ngành nghề đăng ký và tổ chức quản lý. Đặc biệt, Bảng phân tích, đánh giá và đưa ra nhận định về ngành nghề, số lượng cần tuyển sinh cho thấy Trường chủ động gắn kết hoạt động quản lý tổ chức với nhu cầu nhân lực và quy mô đào tạo, từ đó điều chỉnh cơ cấu tổ chức phù hợp.

Nhìn chung, cơ cấu tổ chức và quy chế hoạt động của Trường được thiết kế hợp lý, có sự phân công, phân cấp rõ ràng, minh bạch, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, để nâng cao hiệu quả quản lý, Trường cần định kỳ rà soát, cập nhật sơ đồ cơ cấu, bổ sung quy định mới nhằm kịp thời thích ứng với sự thay đổi về quy mô và ngành nghề đào tạo.

(1.2.01. Quyết định số 65/QĐ-CĐCN&TM ngày 24/01/2019; 1.1.02. Quyết định số 528/QĐ-CĐCN&TM ngày 12/3/2020; 1.2.02. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Trường; 1.2.03. Các Quyết định thành lập các đơn vị, điều chuyển, bổ nhiệm; 1.2.04. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp; 1.2.05. Bảng phân tích, đánh giá và đưa ra nhận định về ngành nghề, số lượng cần tuyển sinh).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 2: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 3. Trường đã xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng.

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại xác định công tác bảo đảm chất lượng (BĐCL) là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và chất lượng đào tạo. Ngay từ năm 2019, Trường đã ban hành Quyết định số 89/QĐ-CĐCN&TM ngày 21/02/2019 quy định về hệ thống BĐCL, làm cơ sở pháp lý để tổ chức triển khai các hoạt động.

Tiếp đó, Trường ban hành Chính sách chất lượng giai đoạn 2021–2026 theo Quyết định số 121/QĐ-CĐCN&TM ngày 18/6/2021, thể hiện rõ định hướng chiến lược, cam kết duy trì và cải tiến liên tục chất lượng trong đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng. Chính sách này được cụ thể hóa bằng các Quyết định về Mục tiêu chất lượng hằng năm, tạo ra hệ thống chỉ tiêu cụ thể, đo lường được, giúp nhà trường đánh giá hiệu quả từng giai đoạn.

Để chuẩn hóa quy trình, Trường đã ban hành Quyết định số 274/QĐ-CĐCN&TM ngày 01/10/2021 về việc ban hành 27 quy trình/công cụ BĐCL. Đây là bước quan trọng nhằm xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý đồng bộ, hạn chế sự chồng chéo, bảo đảm minh bạch trong quản lý đào tạo, khảo thí, nghiên cứu và phục vụ.

Năm 2023, Trường thành lập Trung tâm Khảo thí – Đảm bảo chất lượng theo Quyết định số 123/QĐ-CĐCN&TM ngày 24/4/2023, với chức năng tham mưu, tổ chức các hoạt động tự đánh giá, khảo thí, khảo sát, qua đó nâng cao tính chuyên nghiệp, đưa BĐCL trở thành hoạt động thường xuyên.

Hằng năm, Trường xây dựng và triển khai Kế hoạch và Báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục. Các báo cáo này không chỉ phản ánh kết quả hoạt động mà còn chỉ ra những điểm mạnh, hạn chế, đề xuất giải pháp cải tiến. Đồng thời, Trường tổ chức khảo sát các đối tượng liên quan (người học, giảng viên, cán bộ quản lý, doanh

nghiệp) và có báo cáo tổng hợp, làm cơ sở khách quan cho việc điều chỉnh kế hoạch và mục tiêu chất lượng.

Như vậy, Trường đã thiết lập hệ thống BĐCL đầy đủ, có cơ sở pháp lý, cơ chế, chính sách, quy trình vận hành và đơn vị chuyên trách. Hệ thống được triển khai bài bản, có đánh giá định kỳ, có sự tham gia của các bên liên quan, bước đầu hình thành văn hóa chất lượng trong toàn trường. Tuy nhiên, để phát huy hiệu quả hơn nữa, Trường cần tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thu thập, phân tích dữ liệu chất lượng và mở rộng phạm vi khảo sát ra các tổ chức, doanh nghiệp đối tác (1.3.01. Quyết định số 89/QĐ-CĐCN&TM ngày 21/02/2019; 1.3.02. Quyết định số 121/QĐ-CĐCN&TM ngày 18/6/2021; 1.3.03. Các Quyết định ban hành Mục tiêu chất lượng Trường các năm học 2022–2023, 2023–2024, 2024–2025; 1.3.04. Quyết định số 274/QĐ-CĐCN&TM ngày 01/10/2021; 1.3.05. Quyết định số 123/QĐ-CĐCN&TM ngày 24/4/2023; 1.3.06. Kế hoạch và Báo cáo tự đánh giá chất lượng CSGD các năm 2022, 2023, 2024; 1.1.10. Kế hoạch và báo cáo khảo sát các đối tượng).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 3: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 4. Hàng năm, hệ thống bảo đảm chất lượng của trường được đánh giá và có biện pháp cải tiến nhằm tăng hiệu lực, hiệu quả quản lý.

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường đã thiết lập chu trình đánh giá nội bộ theo kế hoạch hằng năm, có lộ trình, đầu mối chịu trách nhiệm và báo cáo kết quả. Việc lập kế hoạch đánh giá nội bộ được thực hiện bằng các văn bản kế hoạch cụ thể, thể hiện sự chủ động của Nhà trường trong tổ chức đánh giá. Quá trình đánh giá nội bộ được ghi nhận bằng các Báo cáo đánh giá nội bộ có nội dung phân tích tương đối đầy đủ: mô tả hiện trạng, so sánh với tiêu chuẩn/tiêu chí, xác định điểm mạnh, chỉ ra tồn tại và đề xuất giải pháp. Các báo cáo nội bộ là nguồn thông tin chính để ra quyết định cải tiến. Tuy nhiên, phân tích cho thấy nhiều báo cáo dừng ở mức nhận diện vấn đề và khuyến nghị chung, mức độ định lượng kết quả và việc gắn kết khuyến nghị với chỉ tiêu, nguồn lực và tiến độ thực hiện chưa sâu.

Từ kết quả đánh giá, Nhà trường đã triển khai rà soát, điều chỉnh các quy chế, quy định nội bộ nhằm khắc phục hạn chế và hoàn thiện cơ chế vận hành. Việc có “Kế hoạch rà soát, điều chỉnh Quy chế nội bộ” cho các năm 2023–2025 cho thấy trường coi việc cập nhật quy chế là giải pháp đầu tay để cải tiến quản trị; các bước xây dựng (họp, thảo luận, lấy ý kiến) được ghi chép bằng biên bản. Các văn bản thực tế đã được

rà soát, điều chỉnh và lưu trữ làm bằng chứng cho chu trình cải tiến, cho thấy Nhà trường thực hiện PDCA (Plan–Do–Check–Act) một cách liên tục: có lập kế hoạch, thực hiện đánh giá, rà soát/điều chỉnh quy chế, và lưu hồ sơ kết quả. Tuy nhiên chưa có cơ chế theo dõi, đánh giá việc thực thi các biện pháp cải tiến theo chỉ tiêu định lượng và nguồn lực/kinh phí cho triển khai các cải tiến có khi chưa được phân bổ rõ ràng, dẫn đến một số giải pháp chưa được triển khai triệt để (1.4.01. Kế hoạch số 171/KH-CĐCN&TM và 190/KH-CĐCN&TM về chương trình đánh giá nội bộ các năm 2022, 2023, 2024; 1.4.02. Báo cáo số 269/BC-CĐCN&TM và 275/BC-CĐCN&TM báo cáo đánh giá nội bộ các năm 2022, 2023, 2024; 1.4.03. Kế hoạch rà soát, điều chỉnh Quy chế nội bộ năm 2023, 2024, 2025; 1.4.04. Biên bản cuộc họp xây dựng quy chế nội bộ; 1.4.05. Các văn bản được rà soát điều chỉnh).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 4: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 1.5. Hội đồng trường, tổ chức Đảng, đoàn thể và các hội đồng tư vấn khác được thành lập theo quy định; thiết lập định hướng chiến lược phù hợp với sứ mạng, mục tiêu của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại đã thành lập và vận hành đầy đủ các cơ quan quản trị, tổ chức chính trị – xã hội và hội đồng tư vấn, bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành. Điều này thể hiện sự minh bạch trong quản trị và sự đồng bộ trong hệ thống tổ chức của nhà trường. Tờ trình số 128/TTr-ĐCN&TM ngày 17/03/2023 về việc đề nghị thành lập Hội đồng Trường nhiệm kỳ 2023–2028 là minh chứng quan trọng cho việc kiện toàn cơ quan quyền lực cao nhất trong trường, bảo đảm sự lãnh đạo tập thể và vai trò giám sát, quyết nghị các vấn đề chiến lược.

Bên cạnh đó, các Quyết định, Nghị quyết, Báo cáo về hoạt động của tổ chức Đảng và các Quyết định, Kế hoạch, Báo cáo về hoạt động của tổ chức Công đoàn chứng minh Trường có hệ thống chính trị – xã hội vững mạnh, góp phần quan trọng trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, chăm lo quyền lợi chính đáng của cán bộ, giảng viên, người lao động và người học.

Trong lĩnh vực chuyên môn, Trường ban hành Quyết định của Hiệu trưởng về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh, bảo đảm công tác tuyển sinh được thực hiện công khai, minh bạch, có sự giám sát tập thể. Đồng thời, Quyết định thành lập Hội đồng lương và Quyết định thành lập Hội đồng thi đua, khen thưởng các năm cho thấy sự đầy

đủ của hệ thống hội đồng tư vấn, thực hiện tốt chức năng tham mưu, đánh giá, xét duyệt quyền lợi, nghĩa vụ của viên chức, người lao động, tạo động lực khuyến khích và giữ chân nhân lực.

Đặc biệt, Chiến lược phát triển Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại thành trường cao đẳng chất lượng cao đến năm 2025 và tầm nhìn 2035 thể hiện rõ định hướng chiến lược dài hạn của trường, gắn kết với sứ mạng, mục tiêu và phù hợp với nhu cầu phát triển nhân lực quốc gia và địa phương.

Như vậy, hệ thống hội đồng, tổ chức Đảng, đoàn thể trong Trường được xây dựng đầy đủ, hoạt động đồng bộ, góp phần quan trọng vào việc định hướng phát triển và nâng cao hiệu quả quản lý. Tuy nhiên, mức độ tham gia của các hội đồng tư vấn vào việc hoạch định các giải pháp đổi mới dài hạn còn hạn chế; trong thời gian tới, Trường cần phát huy mạnh hơn vai trò phản biện và giám sát của các hội đồng, gắn kết chặt chẽ hơn với doanh nghiệp và các bên liên quan để triển khai hiệu quả Chiến lược phát triển đến năm 2025 và tầm nhìn 2035. (1.5.01. Tờ trình số 128/TTr-ĐCN&TM ngày 17/03/2023; 1.5.02. Các Quyết định, Nghị quyết, Báo cáo về hoạt động của tổ chức Đảng; 1.5.03. Các Quyết định, Kế hoạch, Báo cáo về hoạt động của tổ chức Công đoàn; 1.5.04. Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh; 1.5.05. Quyết định thành lập Hội đồng lương các năm 2023, 2024, 2025; 1.5.06. Quyết định thành lập Hội đồng thi đua, khen thưởng các năm 2023, 2024, 2025; 1.5.07. Chiến lược phát triển trường đến năm 2025, tầm nhìn 2035).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 5: 2 điểm.

TIÊU CHÍ 2: HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

Đánh giá tổng quát

Công tác đào tạo của Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại được triển khai theo đúng quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường. Quy chế đào tạo, kế hoạch giảng dạy – học tập, kế hoạch kiểm tra – đánh giá, kế hoạch thực tập, thực hành, tốt nghiệp... đều được ban hành, phổ biến và thực hiện thống nhất. Các phương thức đào tạo đa dạng, kết hợp linh hoạt giữa lý thuyết và thực hành, học tập tại trường và thực tập tại doanh nghiệp. Nhà trường chú trọng gắn đào tạo với nhu cầu thị trường lao động, tăng cường mối quan hệ hợp tác với doanh nghiệp, tạo điều kiện cho sinh viên được rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, tác phong công nghiệp. Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy đảm bảo chuẩn, hoạt động giảng dạy được quản lý bằng kế hoạch, hồ sơ chuyên môn, sổ đầu bài và hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến.

Những tồn tại

- Công tác xây dựng kế hoạch đào tạo hàng năm còn chậm ở một số khoa, việc điều chỉnh kế hoạch chưa kịp thời.
- Một số phương pháp dạy học tích cực, ứng dụng công nghệ số trong giảng dạy chưa được áp dụng rộng rãi.
- Liên kết với doanh nghiệp trong hoạt động đào tạo, đặc biệt là tổ chức thực tập, còn chưa đồng đều giữa các ngành nghề.
- Công tác giám sát, đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên đôi khi chưa thực hiện đầy đủ, thiếu phản hồi từ người học và doanh nghiệp.

Kế hoạch nâng cao chất lượng

- Rà soát, hoàn thiện quy trình và kế hoạch đào tạo, bảo đảm tiến độ ban hành trước mỗi năm học.
- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, phương pháp dạy học tích cực, phát triển học liệu điện tử trong giảng dạy.
- Mở rộng hợp tác với doanh nghiệp, đảm bảo tất cả ngành nghề đều có kế hoạch thực tập phù hợp và có sự tham gia hỗ trợ từ doanh nghiệp.
- Nâng cao chất lượng hoạt động dự giờ, đánh giá giảng viên, đồng thời thu thập ý kiến phản hồi của người học, doanh nghiệp để cải tiến hoạt động đào tạo.

- Phát triển đội ngũ giảng viên theo hướng vừa giỏi chuyên môn, vừa am hiểu thực tiễn sản xuất – kinh doanh, đáp ứng yêu cầu đào tạo gắn với thị trường lao động.

Điểm đánh giá tiêu chí 2

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 2	16
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2

Tiêu chuẩn 1: Quy chế tuyển sinh và các kế hoạch, chính sách tuyển sinh được xây dựng, triển khai phù hợp chương trình đào tạo các ngành, nghề đào tạo của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại luôn chú trọng công tác tuyển sinh, coi đây là hoạt động đầu vào quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng đào tạo và uy tín của nhà trường. Hằng năm, theo quy định của Bộ LĐTBXH, Nhà trường xây dựng và ban hành Quy chế tuyển sinh các năm căn cứ vào Thông tư 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 7/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Quy chế tuyển sinh làm căn cứ pháp lý và nguyên tắc thực hiện, trong đó quy định rõ đối tượng, phương thức, tiêu chí xét tuyển, bảo đảm công bằng và minh bạch.

Căn cứ chỉ tiêu được giao và nhu cầu nhân lực, Trường xây dựng Kế hoạch tuyển sinh và công bố rộng rãi Thông báo tuyển sinh trên các phương tiện thông tin đại chúng và website của trường, giúp thí sinh và xã hội dễ dàng tiếp cận thông tin. Việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh được thực hiện công khai, minh bạch, thể hiện qua Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định chỉ tiêu, trong đó có sự thảo luận, thống nhất của các thành viên hội đồng. Đồng thời, Trường gửi Công văn đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh của Trường đến cơ quan quản lý để được thẩm định và phê duyệt, bảo đảm đúng quy định.

Hoạt động tuyển sinh của Trường gắn với năng lực đào tạo đã được cấp phép. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp khẳng định tính pháp lý cho các ngành, nghề đào tạo, là cơ sở để Trường xây dựng kế hoạch và triển khai tuyển sinh phù hợp với điều kiện thực tế, đáp ứng yêu cầu đào tạo nhân lực cho địa phương và xã hội (2.1.01. Quy chế tuyển sinh; 2.1.02. Kế hoạch tuyển sinh; 2.1.03. Thông báo tuyển sinh; 2.1.04. Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định chỉ tiêu; 2.1.05. Công văn đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh của Trường; 1.2.03. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp).

Như vậy, công tác xây dựng Quy chế tuyển sinh và triển khai các kế hoạch, chính sách tuyển sinh của Trường được thực hiện bài bản, bám sát quy định, phù hợp với năng lực đào tạo và nhu cầu nhân lực. Tuy nhiên, trong bối cảnh cạnh tranh tuyển sinh gay gắt, Trường cần tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động tư vấn hướng nghiệp, ứng dụng công nghệ thông tin trong truyền thông tuyển sinh để tiếp cận đa dạng đối tượng người học.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 2: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 2: Trường tuyển sinh theo kế hoạch bảo đảm công bằng, khách quan và theo hướng nâng cao chất lượng đầu vào. Công tác tuyển sinh được kiểm tra, giám sát và cải tiến, bảo đảm tính phù hợp, hiệu quả.

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại xác định công tác tuyển sinh là nhiệm vụ quan trọng, quyết định chất lượng đầu vào và góp phần nâng cao uy tín, thương hiệu của nhà trường. Công tác tuyển sinh được thực hiện theo đúng quy định, có kế hoạch cụ thể, bảo đảm công bằng, minh bạch và khách quan.

Hàng năm, Trường ban hành Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh, quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn của từng thành viên, bảo đảm việc tuyển sinh diễn ra đúng quy chế, khách quan và có sự giám sát. Căn cứ vào chỉ tiêu được giao, nhà trường tiếp nhận và lưu giữ đầy đủ Hồ sơ xét tuyển, phản ánh quy trình xét tuyển minh bạch, chính xác.

Kết quả tuyển sinh được tập thể Hội đồng thảo luận, thông qua và lưu lại tại Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh công nhận kết quả trúng tuyển. Sau đó, Hiệu trưởng ban

hành Quyết định công nhận trúng tuyển cho thí sinh đủ điều kiện, bảo đảm đúng quy trình, công bằng, khách quan.

Ngoài việc thực hiện tuyển sinh, nhà trường đặc biệt chú trọng công tác kiểm tra, giám sát và cải tiến. Kế hoạch và Báo cáo kết quả hậu kiểm công tác tuyển sinh cho thấy Trường thường xuyên rà soát, đánh giá công tác tuyển sinh, phát hiện những điểm còn hạn chế để kịp thời điều chỉnh. Đồng thời, hoạt động tổng kết hằng năm được ghi nhận trong Báo cáo tổng kết tuyển sinh, qua đó phân tích, đánh giá toàn diện tình hình, xác định những thuận lợi, khó khăn và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tuyển sinh cho các năm tiếp theo (1.5.04. *Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh*; 2.2.01. *Hồ sơ xét tuyển*; 2.2.02. *Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh công nhận kết quả trúng tuyển*; 2.2.03. *Quyết định công nhận trúng tuyển*; 2.2.04. *Kế hoạch và Báo cáo kết quả hậu kiểm công tác tuyển sinh*; 2.2.05. *Báo cáo tổng kết tuyển sinh*).

Nhìn chung, công tác tuyển sinh của Trường được tổ chức bài bản, khách quan, minh bạch và có sự cải tiến liên tục. Tuy nhiên, trong bối cảnh cạnh tranh tuyển sinh ngày càng gay gắt, Trường cần đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động truyền thông, tư vấn hướng nghiệp, đồng thời phát triển các hình thức tuyển sinh trực tuyến để tiếp cận rộng rãi hơn với người học.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 2: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 3: *Trường xây dựng, ban hành quy chế đào tạo, kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp. Hình thức, phương thức, phương pháp đào tạo đa dạng, phù hợp với mục tiêu, nội dung của từng chương trình đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Trên cơ sở Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ lao động - Thương binh và Xã hội, quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; Thông tư số 33/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ lao động - Thương binh và Xã hội, quy định về đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp theo hình thức đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn; Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015; Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 của Bộ LĐ - TB&XH sửa đổi một số điều của Thông tư 42. Nhà trường đã ban hành Quy chế thực hiện tổ chức chương trình đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng theo tích lũy mô-đun, tín chỉ theo Quyết định số 68/QĐ-CĐCN&TM ngày 18/5/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp

và Thương mại và được rà soát điều chỉnh lại vào năm 2024 theo Quyết định số 430/QĐ-CĐCN&TM ngày 31/12/2024; Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp theo hình thức đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn theo Quyết định số 180/QĐ-CĐCN&TM ngày 27/6/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại; Quy chế đào tạo trình độ sơ cấp theo Quyết định số 121/QĐ-CĐCN&TM-ĐT ngày 11/03/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại.

Quy chế đào tạo quy định rõ tổ chức giảng dạy, đánh giá, điều kiện dự thi, công nhận tốt nghiệp. Quy định về thi kết thúc môn học, mô đun được triển khai nghiêm túc bảo đảm sự công bằng, khách quan. Quy chế đào tạo được ban hành riêng cho từng trình độ: Đối với cao đẳng, trung cấp, quy chế quy định rõ phương thức đào tạo theo tín chỉ, cách đăng ký học phần, cách tính điểm, điều kiện học tiếp, điều kiện xét tốt nghiệp. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng đảm bảo tính thống nhất và công bằng trong quản lý đào tạo. Đối với sơ cấp, quy chế tập trung vào đặc thù đào tạo ngắn hạn, chú trọng rèn luyện kỹ năng thực hành, thời lượng ngắn, và đánh giá kết quả học tập qua các bài kiểm tra thực hành. Điều này đảm bảo phù hợp với mục tiêu đào tạo sơ cấp, đáp ứng nhu cầu học nhanh – làm ngay của thị trường.

Phương pháp giảng dạy của giáo viên đa dạng và được đổi mới theo hướng phát triển năng lực người học. Các đợt hội giảng, dự giờ giúp đánh giá và cải tiến phương pháp giảng dạy. Việc kiểm tra, đánh giá giảng dạy được tiến hành thường xuyên, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. (2.3.01. Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp hệ chính quy; 2.3.02. Quy chế đào tạo trình độ sơ cấp; 2.3.03. Quy định về việc tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun; 2.3.04. Hồ sơ hội giảng và Phiếu đánh giá bài giảng).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 2: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 4: Trường xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo cho từng lớp, khóa học, học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến mô-đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với hình thức đào tạo để người học đáp ứng chuẩn đầu ra.

Mô tả, phân tích, nhận định: Căn cứ theo chương trình đào tạo đã được phê duyệt, phòng Quản lý đào tạo phối hợp với các khoa xây dựng kế hoạch đào tạo hằng năm, chi tiết cho từng lớp, từng khóa, từng học kỳ; kế hoạch đào tạo cho từng môn

học, mô đun, giờ học lý thuyết, giờ học thực hành, giờ kiểm tra, giờ thực tập cho từng khóa học, từng lớp của mỗi ngành/ngành đào tạo theo phương thức đào tạo theo tích lũy tín chỉ để người học đáp ứng chuẩn đầu ra. Kế hoạch đào tạo được chi tiết hóa thành Thời khóa biểu cho từng lớp học. Các tiến độ giảng dạy, thời khóa biểu được ban hành đúng thời hạn và triển khai đến từng giảng viên, lớp học.

Vào đầu học kỳ, phòng Quản lý đào tạo căn cứ vào kế hoạch đào tạo toàn khóa của từng lớp, kế hoạch đào tạo năm học phối hợp với các khoa xây dựng tiến độ đào tạo học kỳ cho từng lớp, trình Hiệu trưởng phê duyệt để thực hiện. Căn cứ vào đó, các khoa phối hợp với phòng Quản lý đào tạo lên thời khóa biểu triển khai đến giáo viên để thực hiện giảng dạy. Các giáo viên được phân công giảng dạy các môn học, mô đun, căn cứ theo mục tiêu, nội dung chi tiết trong chương trình đào tạo xây dựng kế hoạch giảng dạy cho từng môn học, mô đun và thông qua tổ trưởng chuyên môn và trưởng Khoa phê duyệt trước khi áp dụng. Trong quá trình giảng dạy, giáo viên ghi nhật ký vào Sổ lên lớp. Sổ lên lớp được sử dụng để kiểm soát việc thực hiện giảng dạy của các giáo viên. Các chương trình đào tạo được ban hành đảm bảo chuẩn đầu ra, nội dung phù hợp với nhu cầu xã hội và sự phát triển của nghề nghiệp.

Như vậy, hoạt động xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo của Nhà trường được thực hiện nghiêm túc, minh bạch, đúng quy định (2.4.01. Kế hoạch đào tạo các năm học; 2.4.02. Tiến độ giảng dạy các năm học; 2.4.03. Thời khóa biểu các năm học; 2.4.04. Sổ lên lớp các năm học; 2.4.05. Các chương trình đào tạo của trường; 2.4.06. Kế hoạch giảng dạy môn học, mô đun).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 2: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 5: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động hoặc các tổ chức, cá nhân trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập.

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại luôn chú trọng gắn kết giữa đào tạo lý thuyết và thực hành, bảo đảm người học được trải nghiệm môi trường thực tế tại doanh nghiệp nhằm nâng cao kỹ năng nghề nghiệp. Các hoạt động thực hành, thực tập được tổ chức định kỳ, tuân thủ đúng mục tiêu, nội dung của chương trình đào tạo đã được phê duyệt, đồng thời có sự phối hợp chặt chẽ với đơn vị sử dụng lao động.

Đề tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động này, Trường đã ký kết Hợp đồng, Thỏa thuận hợp tác về việc sinh viên thực tập với nhiều doanh nghiệp, cơ sở sản xuất. Đây là cơ sở để triển khai chương trình thực tập, đồng thời bảo đảm quyền lợi, nghĩa vụ của các bên. Tiếp đó, Quyết định của Hiệu trưởng về việc sinh viên thực tập được ban hành hằng năm, phân công cụ thể nhiệm vụ cho các đơn vị, giảng viên hướng dẫn và người học, bảo đảm hoạt động thực tập diễn ra có tổ chức, đúng kế hoạch.

Trong quá trình triển khai, Trường lập Danh sách sinh viên đi thực tập các năm nhằm theo dõi, quản lý người học tham gia, đồng thời bảo đảm đủ số lượng, đúng đối tượng. Nội dung thực tập được quy định rõ ràng trong Chương trình mô đun thực tập doanh nghiệp, giúp hoạt động thực tập bám sát mục tiêu đào tạo, đồng thời phù hợp với yêu cầu công việc tại doanh nghiệp.

Kết quả thực tập được đánh giá minh bạch, khách quan thông qua Báo cáo thực tập và Bảng nhận xét thực tập. Đây là cơ sở để giảng viên và doanh nghiệp cùng đánh giá năng lực thực tế của sinh viên, đồng thời phản ánh mức độ gắn kết giữa chương trình đào tạo và nhu cầu sử dụng lao động. Ngoài ra, Trường còn ban hành Quy định về việc thực tập kết hợp sản xuất tại doanh nghiệp nhằm chuẩn hóa quy trình, bảo đảm việc thực tập không chỉ là trải nghiệm mà còn gắn với năng suất lao động, tạo thêm giá trị thực tiễn cho cả người học và doanh nghiệp.

Nhìn chung, Trường đã triển khai đầy đủ, có hệ thống các hoạt động thực hành, thực tập, bảo đảm đúng mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo, đồng thời tăng cường sự phối hợp với doanh nghiệp. Tuy nhiên, quy mô hợp tác với doanh nghiệp lớn còn hạn chế; cần mở rộng thêm số lượng doanh nghiệp đối tác để đa dạng lĩnh vực thực tập, đặc biệt là các ngành công nghệ cao (2.5.01. *Hợp đồng, Thỏa thuận hợp tác về việc sinh viên thực tập*; 2.5.02. *Quyết định của Hiệu trưởng về việc sinh viên thực tập kết hợp sản xuất và danh sách sinh viên đi thực tập*; 2.5.03. *Chương trình mô đun thực tập doanh nghiệp*; 2.5.04. *Báo cáo thực tập và Bảng nhận xét thực tập*; 2.5.05. *Quy định về việc thực tập kết hợp sản xuất tại doanh nghiệp*).

Như vậy, các hoạt động đào tạo của Nhà trường được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động hoặc các tổ chức, cá nhân trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 2: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 6: *Trường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo, bao gồm cả hình thức đào tạo từ xa (nếu có).*

Mô tả, phân tích, nhận định: Nhà trường đã chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và tổ chức đào tạo, coi đây là một trong những giải pháp quan trọng để hiện đại hóa giáo dục nghề nghiệp, nâng cao hiệu quả đào tạo, quản lý và đáp ứng xu thế chuyển đổi số trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0.

Trong quản lý đào tạo, Trường sử dụng phần mềm quản lý đào tạo ESSoft, cho phép quản lý toàn diện từ khâu lập kế hoạch, đăng ký môn học, phân công giảng dạy đến theo dõi kết quả học tập của người học. Hệ thống này giúp giảm tải thủ tục hành chính, tăng tính chính xác, minh bạch trong công tác quản lý, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho người học và giảng viên trong việc tiếp cận thông tin đào tạo.

Bên cạnh đó, Trường đã đầu tư và khai thác hệ thống phần mềm E-Learning, tạo điều kiện để giảng viên và người học có thể tham gia các hoạt động giảng dạy – học tập trực tuyến, đặc biệt hữu ích trong bối cảnh dịch bệnh và nhu cầu học tập linh hoạt. Việc ký kết hợp đồng thuê hệ thống E-Learning thể hiện cam kết lâu dài của Trường trong việc ứng dụng công nghệ số vào hoạt động đào tạo. Hệ thống này được minh chứng bằng hình ảnh giao diện phần mềm E-Learning và bài giảng điện tử, cho thấy giảng viên đã chủ động xây dựng bài giảng điện tử, tổ chức các lớp học trực tuyến và kết hợp linh hoạt giữa phương pháp dạy học truyền thống với dạy học hiện đại. Điều này không chỉ góp phần nâng cao chất lượng dạy – học mà còn mở rộng cơ hội tiếp cận kiến thức cho người học (2.6.01. Hồ sơ về phần mềm quản lý đào tạo ESSoft; 2.6.02. Hợp đồng thuê hệ thống phần mềm E-Learning; 2.6.03. Hình ảnh giao diện phần mềm E-Learning và bài giảng điện tử).

Có thể khẳng định rằng, việc ứng dụng CNTT trong quản lý và đào tạo đã giúp Trường nâng cao hiệu quả quản lý, tạo môi trường học tập hiện đại, thân thiện và linh hoạt. Tuy nhiên, cần tiếp tục đẩy mạnh đào tạo kỹ năng số cho giảng viên, bổ sung hạ tầng mạng và đa dạng hóa kho học liệu điện tử để khai thác tối đa tiềm năng của hệ thống.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 2: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 7: *Hàng năm, trường có kế hoạch và tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động dạy, học theo đúng kế hoạch. Thực hiện biện pháp điều chỉnh kịp*

thời các hoạt động dạy và học theo đề xuất của báo cáo kiểm tra, giám sát để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại luôn quan tâm đến công tác kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học như một khâu quan trọng để bảo đảm chất lượng đào tạo. Công tác này được tổ chức thường xuyên, có kế hoạch cụ thể và thực hiện theo đúng quy định. Nhà trường đã ban hành Quy định thanh, kiểm tra hoạt động đào tạo, làm cơ sở pháp lý và nguyên tắc để thực hiện công tác kiểm tra, giám sát. Hằng năm, Trường đều xây dựng Kế hoạch thanh, kiểm tra giáo dục nghề nghiệp các năm học, trong đó nêu rõ đối tượng, nội dung, thời gian và phương pháp kiểm tra, bảo đảm hoạt động diễn ra có hệ thống và đúng tiến độ.

Quá trình triển khai được thực hiện nghiêm túc, có minh chứng qua Biên bản thanh, kiểm tra đào tạo các năm học, phản ánh trung thực kết quả kiểm tra, những ưu điểm và hạn chế của hoạt động dạy – học. Trên cơ sở đó, Báo cáo tổng kết của phòng Quản lý đào tạo các năm học được lập, nhằm đánh giá toàn diện tình hình và đề xuất các biện pháp điều chỉnh, cải tiến phù hợp.

Đặc biệt, nhà trường đã chú trọng đến khâu theo dõi và điều chỉnh. Danh sách biện pháp nâng cao chất lượng dạy và học được xây dựng dựa trên các kết quả kiểm tra, là minh chứng cho sự cầu thị, tiếp thu ý kiến và cam kết cải tiến liên tục. Đồng thời, các giải pháp nâng cao chất lượng được cụ thể hóa trong Nhiệm vụ trọng tâm, các giải pháp thực hiện và kế hoạch công tác, góp phần gắn kết chặt chẽ hoạt động kiểm tra, giám sát với mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo (2.7.01. Quy định thanh, kiểm tra hoạt động đào tạo; 2.7.02. Kế hoạch thanh, kiểm tra giáo dục nghề nghiệp các năm học; 2.7.03. Biên bản thanh, kiểm tra đào tạo các năm học; 2.7.04. Báo cáo tổng kết của phòng Quản lý đào tạo các năm học; 2.7.05. Danh sách biện pháp nâng cao chất lượng dạy và học; 2.7.06. Nhiệm vụ trọng tâm, các giải pháp thực hiện và kế hoạch công tác).

Như vậy, Công tác kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học của Trường được triển khai bài bản, từ khâu ban hành quy định, xây dựng kế hoạch, thực hiện, tổng kết đến điều chỉnh. Điều này góp phần quan trọng trong việc bảo đảm chất lượng đào tạo và nâng cao uy tín của nhà trường. Tuy nhiên, mức độ tham gia phản hồi trực tiếp từ người học và doanh nghiệp trong khâu kiểm tra, đánh giá còn hạn chế; Trường cần tiếp tục tăng cường cơ chế lấy ý kiến đa chiều để hoàn thiện hơn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 2: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 8: *Các hình thức, phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của người học được thiết kế phù hợp; được rà soát, đánh giá, cải tiến để bảo đảm độ chính xác, công bằng, khách quan và định hướng người học đạt chuẩn đầu ra.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại đã xây dựng hệ thống đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của người học một cách khoa học, đa dạng về hình thức, bảo đảm độ tin cậy, công bằng và khách quan, đồng thời hướng đến việc giúp người học đạt được chuẩn đầu ra.

Trong hoạt động đánh giá kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, Trường ban hành Quy định về việc tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun làm cơ sở pháp lý cho việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Việc tổ chức thi được thực hiện theo đúng quy trình, với sự giám sát chặt chẽ thông qua Quyết định thành lập Hội đồng thi kết thúc môn học, mô đun và Hồ sơ tổ chức thi (biên bản coi, chấm thi; phiếu chấm; bản đối chiếu số phách; bản vào điểm). Các minh chứng này thể hiện rõ tính nghiêm túc, minh bạch trong tổ chức và chấm thi.

Bên cạnh đó, công tác xây dựng và cải tiến ngân hàng đề thi được triển khai thường xuyên. Hồ sơ xây dựng và nghiệm thu ngân hàng câu hỏi/ngân hàng đề thi môn học/mô đun chứng minh nhà trường đã thực hiện đầy đủ các bước: ban hành quy định, kế hoạch xây dựng, phân công nhiệm vụ, tổ chức nghiệm thu và lưu hồ sơ. Hoạt động này còn được củng cố qua Biên bản họp khoa về việc rà soát, đánh giá, cập nhật ngân hàng câu hỏi/đề thi (2.8.04), cho thấy Trường thường xuyên rà soát để cải tiến, cập nhật, bảo đảm đề thi phù hợp với yêu cầu đào tạo và chuẩn đầu ra.

Trong đánh giá tổng hợp kết quả học tập, nhà trường ban hành Quyết định công nhận tốt nghiệp, bảo đảm công khai, minh bạch và chính xác. Song song, Trường tổ chức đánh giá đạo đức, lối sống của sinh viên thông qua Hồ sơ đánh giá kết quả rèn luyện HSSV, kết hợp với kết quả học tập để đưa ra đánh giá toàn diện, bảo đảm người học đạt chuẩn đầu ra cả về năng lực chuyên môn và phẩm chất.

Nhà trường còn định kỳ rà soát các quy chế, quy định liên quan đến công tác đánh giá. Thông báo và Biên bản họp về việc rà soát các Quy chế, Quy định liên quan là minh chứng cho thấy sự nghiêm túc trong việc cải tiến quy trình. Đặc biệt, tất cả các hoạt động này được gắn với các quy trình đảm bảo chất lượng của nhà trường, bảo đảm việc đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên luôn bám sát mục tiêu

đào tạo, chuẩn đầu ra và yêu cầu của khung trình độ quốc gia (2.3.03. *Quy định về việc tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun*; 2.8.01. *Quyết định thành lập Hội đồng thi kết thúc môn học, mô đun*; 2.8.02. *Hồ sơ tổ chức thi (biên bản coi, chấm thi; phiếu chấm; bản đối chiếu số phách; bản vào điểm)*; 2.8.03. *Hồ sơ xây dựng và nghiệm thu ngân hàng câu hỏi/ngân hàng đề thi MH/MĐ (Quy định, Kế hoạch xây dựng và nghiệm thu, Quyết định giao nhiệm vụ xây dựng, Quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu và Biên bản nghiệm thu)*; 2.8.04. *Biên bản họp khoa về việc rà soát, đánh giá, cập nhật ngân hàng câu hỏi/đề thi*; 2.8.05. *Quyết định công nhận tốt nghiệp*; 2.8.05. *Hồ sơ đánh giá kết quả rèn luyện HSSV*; 2.8.07. *Thông báo và Biên bản họp về việc rà soát các Quy chế, Quy định liên quan*; 2.8.08. *Các quy trình đảm bảo chất lượng của nhà trường*).

Nhìn chung, công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và rèn luyện tại Trường đã được triển khai đầy đủ, đồng bộ và minh bạch, góp phần bảo đảm chất lượng đào tạo và định hướng sinh viên đạt chuẩn đầu ra. Tuy nhiên, cần tiếp tục đẩy mạnh sự tham gia phản hồi từ doanh nghiệp để hoàn thiện hơn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 2: 2 điểm.

TIÊU CHÍ 3: NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG

Đánh giá tổng quát:

Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động của Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại được xây dựng cơ bản đầy đủ về số lượng, đảm bảo yêu cầu theo Luật Giáo dục nghề nghiệp và các văn bản hướng dẫn. Trường hiện có tỷ lệ nhà giáo cơ hữu chiếm đa số, trong đó nhiều giảng viên đạt chuẩn trình độ chuyên môn và sư phạm nghề, đáp ứng quy định về tỷ lệ giữa giảng viên và người học.

Đội ngũ cán bộ quản lý được kiện toàn với cơ cấu hợp lý, có năng lực quản lý, có trình độ đào tạo đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. Viên chức, người lao động trong trường được bố trí đúng chuyên môn, vị trí việc làm, góp phần ổn định tổ chức và nâng cao hiệu quả hoạt động.

Nhà trường thường xuyên quan tâm công tác bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ thông qua việc cử giảng viên, cán bộ tham gia các khóa tập huấn, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ quản lý, kỹ năng mềm, ứng dụng công nghệ thông tin. Bên cạnh đó, các chính sách đãi ngộ, khen thưởng, động viên kịp thời giúp đội ngũ yên tâm công tác, gắn bó với nhà trường.

Nhìn chung, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động của Trường có phẩm chất đạo đức tốt, chuyên môn vững vàng, có tinh thần trách nhiệm cao, đáp ứng yêu cầu giảng dạy, nghiên cứu khoa học, quản lý và phục vụ người học.

Những tồn tại:

- Một bộ phận nhỏ giảng viên chưa tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ số trong giảng dạy còn hạn chế.
- Một số cán bộ quản lý trẻ tuy có năng lực chuyên môn nhưng còn thiếu kinh nghiệm thực tiễn trong công tác điều hành, cần tiếp tục được đào tạo, bồi dưỡng.
- Cơ cấu giảng viên ở một số ngành nghề chưa thật sự cân đối, còn thiếu giảng viên có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ trong những lĩnh vực mũi nhọn, ảnh hưởng đến khả năng phát triển các chương trình chất lượng cao.
- Hoạt động nghiên cứu khoa học, viết bài báo, sáng kiến cải tiến kỹ thuật của một số nhà giáo, viên chức còn khiêm tốn, chưa đồng đều giữa các khoa, bộ môn.
- Chính sách thu hút giảng viên, chuyên gia giỏi từ doanh nghiệp, trường đại học lớn chưa thật sự mạnh, do hạn chế về nguồn lực tài chính và cơ chế đãi ngộ.

Kế hoạch nâng cao chất lượng:

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho giảng viên và cán bộ quản lý theo từng giai đoạn, ưu tiên lĩnh vực công nghệ mới, chuyển đổi số và quản trị giáo dục nghề nghiệp hiện đại.

- Tiếp tục điều chỉnh cơ cấu đội ngũ giảng viên theo hướng hợp lý hơn giữa các ngành nghề, chú trọng tuyển dụng giảng viên có trình độ sau đại học, có kinh nghiệm thực tiễn từ doanh nghiệp.

- Mở rộng hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp để mời giảng viên, chuyên gia tham gia giảng dạy, hướng dẫn nghiên cứu khoa học, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và gắn kết đào tạo với thực tiễn.

- Tăng cường cơ chế khuyến khích, hỗ trợ giảng viên, viên chức tham gia nghiên cứu khoa học, viết bài báo, đăng ký sáng kiến cải tiến, có chế độ khen thưởng, công nhận xứng đáng.

- Nghiên cứu xây dựng chính sách thu hút và giữ chân nhân lực chất lượng cao, cải thiện chế độ đãi ngộ, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện, giúp đội ngũ yên tâm gắn bó lâu dài.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giảng dạy và nghiên cứu; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý.

Đánh giá tiêu chí 3

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 3	14
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2

Tiêu chuẩn 1. Quy trình tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý của trường được ban hành và đưa vào áp dụng; hằng năm được rà soát, đánh giá để cải tiến.

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại đã xây dựng, ban hành và thực hiện hệ thống văn bản quản lý liên quan đến công tác tuyển dụng, quy hoạch, đánh giá và bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý.

Cụ thể, Quyết định số 533/QĐ-CĐCN&TM ban hành Quy định tuyển dụng, sử dụng và bồi dưỡng viên chức là căn cứ pháp lý quan trọng, quy định rõ quy trình, nguyên tắc và tiêu chuẩn trong tuyển dụng và sử dụng viên chức. Văn bản này tạo hành lang pháp lý để việc tuyển dụng được thực hiện công khai, minh bạch, lựa chọn đúng người, đúng việc, bảo đảm chất lượng đội ngũ. Quyết định số 495/QĐ-CĐCN&TM ban hành Quy định về việc quy hoạch cán bộ giúp Trường chủ động chuẩn bị nguồn cán bộ kế cận, đáp ứng yêu cầu đổi mới quản trị nhà trường. Hoạt động quy hoạch được triển khai theo lộ trình, có sự rà soát, bổ sung định kỳ, gắn với mục tiêu phát triển dài hạn của Trường.

Ngoài ra, các quy định về đánh giá viên chức, người lao động và nhà giáo giáo dục nghề nghiệp là cơ sở để Trường theo dõi, giám sát quá trình công tác, kết quả giảng dạy và nghiên cứu của đội ngũ. Việc đánh giá được thực hiện định kỳ hằng năm, bảo đảm tính khách quan, công bằng và làm căn cứ quan trọng trong công tác khen thưởng, kỷ luật, quy hoạch và đào tạo bồi dưỡng.

Đặc biệt, Kế hoạch và Báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo về chuyên môn nghiệp vụ các năm 2023, 2024 cho thấy Trường thực hiện nghiêm túc việc giám sát chất lượng giảng dạy, cập nhật kết quả đánh giá vào hồ sơ năng lực của từng giảng viên. Trên cơ sở đó, những giảng viên đạt loại xuất sắc được ưu tiên cử đi học nâng cao trình độ, tham gia hội thảo khoa học, còn những giảng viên chưa đạt yêu cầu được hỗ trợ bồi dưỡng bổ sung (3.1.01. Quyết định số 533/QĐ-CĐCN&TM ban hành Quy định tuyển dụng, sử dụng và bồi dưỡng viên chức; 3.1.02. Quyết định số 495/QĐ-CĐCN&TM ban hành Quy định về việc quy hoạch cán bộ; 3.1.03. Các quy định về đánh giá viên chức, người lao động và nhà giáo giáo dục nghề nghiệp; 3.1.04. Kế hoạch và Báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo về chuyên môn nghiệp vụ 2023, 2024).

Nhìn chung, hệ thống văn bản và hoạt động triển khai tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý của trường bảo đảm tính đầy đủ, đồng bộ và phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, công tác bồi dưỡng chuyên sâu cho đội ngũ về công nghệ mới, chuyển đổi số, ngoại ngữ và nghiên cứu khoa học vẫn cần

được chú trọng hơn; đồng thời cần có cơ chế đánh giá hiệu quả bồi dưỡng dựa trên sản phẩm cụ thể thay vì chỉ dừng ở báo cáo kết quả

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 1: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 2. *Trường thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động. Hằng năm, trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để chuẩn hóa và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại luôn quan tâm và thực hiện nghiêm túc chính sách, chế độ đối với nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động. Công tác tuyển dụng, bố trí, sử dụng đội ngũ được thực hiện minh bạch, công khai, đảm bảo đúng quy định. Hồ sơ tuyển dụng viên chức các năm (kế hoạch, thông báo, quyết định thành lập Hội đồng tuyển dụng, biên bản, kết quả...) là minh chứng rõ ràng cho việc tuân thủ quy trình và bảo đảm tính công khai, minh bạch trong tuyển dụng.

Hằng năm, Trường xây dựng Kế hoạch bồi dưỡng viên chức và các quyết định cử viên chức đi học tập, bồi dưỡng, qua đó nhiều giảng viên, cán bộ quản lý được nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng sư phạm và quản lý. Các khóa bồi dưỡng được triển khai đa dạng, từ đào tạo trong nước đến tham gia hội thảo, tập huấn ở ngoài trường, giúp đội ngũ đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa và thích ứng với sự phát triển của khoa học công nghệ, đặc biệt là xu hướng chuyển đổi số trong GDNN. Trường cũng bảo đảm thực hiện đầy đủ các minh chứng thực hiện chế độ chính sách (Quy chế chi tiêu nội bộ, Bảng tổng hợp khối lượng giảng viên, Quyết định chi Tết, ngày lễ...), thể hiện sự quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của đội ngũ. Đây là yếu tố quan trọng góp phần tạo động lực làm việc, gắn bó lâu dài và nâng cao tinh thần trách nhiệm trong công việc. Ngoài ra, việc thực hiện các chế độ bảo hiểm bắt buộc được triển khai đầy đủ, thể hiện qua chứng từ nộp BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động. Điều này đảm bảo quyền lợi an sinh xã hội, giúp đội ngũ an tâm công tác, giảm bớt lo lắng về rủi ro nghề nghiệp và đời sống (3.2.01. Hồ sơ tuyển dụng viên chức các năm (kế hoạch, thông báo, quyết định thành lập HĐTD, biên bản, kết quả...); 3.2.02. Kế hoạch bồi dưỡng viên chức các năm và các quyết định cử viên chức đi học tập, bồi dưỡng; 3.2.03. Các minh chứng thực hiện chế độ chính sách (Quy chế chi tiêu nội bộ,

Bảng tổng hợp khối lượng giáo viên, Quyết định chi tiết, ngày lễ...); 3.2.04. Chứng từ nộp BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động).

Nhìn chung, chính sách, chế độ và công tác bồi dưỡng đội ngũ của Trường được triển khai đồng bộ, nghiêm túc và hiệu quả. Tuy nhiên, hoạt động bồi dưỡng chuyên sâu về nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và các công nghệ mới vẫn cần tăng cường hơn nữa; việc theo dõi, đánh giá hiệu quả bồi dưỡng cần gắn chặt hơn với kết quả ứng dụng thực tế trong giảng dạy, nghiên cứu và quản lý

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 2: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 3. *Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác, bảo đảm về số lượng, cơ cấu ngành, nghề đáp ứng yêu cầu đào tạo của trường.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Trong những năm gần đây, Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại đã quan tâm phát triển đội ngũ nhà giáo cả về số lượng và chất lượng. Trường hiện có đội ngũ giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng phù hợp với quy mô, ngành nghề đào tạo. Danh sách trích ngang nhà giáo (cơ hữu, thỉnh giảng) và hồ sơ quản lý nhà giáo, người lao động cho thấy đội ngũ nhà giáo có trình độ chuyên môn đạt chuẩn theo quy định, hầu hết có bằng đại học, nhiều người có trình độ thạc sĩ và tiến sĩ. Về cơ cấu, Bảng quy đổi tỷ lệ học sinh trên nhà giáo phản ánh tương quan giữa số lượng người học và số lượng giảng viên, bảo đảm không vượt quá định mức theo quy định hiện hành, từ đó đảm bảo chất lượng giảng dạy và quản lý lớp học.

Trường cũng đã xây dựng Đề án vị trí việc làm, Danh mục vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp, làm cơ sở để bố trí, sử dụng giảng viên một cách hợp lý, đảm bảo cân đối giữa các khoa, ngành nghề đào tạo. Công tác phân công giảng dạy được thực hiện minh bạch và khoa học. Bảng giao khối lượng đầu học kỳ minh chứng việc giảng viên được phân công phù hợp với chuyên môn được đào tạo, bảo đảm cân đối về khối lượng giảng dạy giữa các giảng viên.

Ngoài ra, Bảng thống kê tỷ lệ người học quy đổi / số nhà giáo quy đổi và tỷ lệ nhà giáo cơ hữu trên tổng số nhà giáo quy đổi cho thấy tỷ lệ giảng viên cơ hữu chiếm đa số, đáp ứng yêu cầu về đội ngũ giảng dạy lâu dài, đồng thời có sự hỗ trợ từ giảng viên thỉnh giảng để bổ sung chuyên môn đặc thù (3.3.01. *Danh sách trích ngang nhà giáo (cơ hữu, thỉnh giảng) và hồ sơ quản lý nhà giáo, người lao động; 3.3.02. Bảng quy đổi tỷ lệ học sinh trên nhà giáo; 3.3.03. Đề án vị trí việc làm, Danh mục vị trí việc*

làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; 3.3.04. Bảng giao khối lượng đầu học kỳ; 3.3.05. Bảng thống kê Tỷ lệ người học quy đổi / số nhà giáo quy đổi; Tỷ lệ nhà giáo cơ hữu trên tổng số nhà giáo quy đổi).

Nhìn chung, đội ngũ nhà giáo của Trường đạt chuẩn về trình độ, có năng lực chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm, được bố trí hợp lý về cơ cấu ngành nghề, đáp ứng nhu cầu đào tạo. Tuy nhiên, vẫn cần bổ sung giảng viên có trình độ sau đại học ở một số ngành trọng điểm, tăng cường đội ngũ có kinh nghiệm thực tế từ doanh nghiệp để gắn kết đào tạo với sản xuất, dịch vụ.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 3: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 4. *Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu, yêu cầu của chương trình đào tạo và thực hiện các quy định về tổ chức đào tạo có liên quan.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường tổ chức triển khai dạy học bám sát các chương trình đào tạo đã được phê duyệt; nội dung môn học, phân bổ thời lượng lý thuyết – thực hành và yêu cầu đầu ra của từng học phần được làm cơ sở cho xây dựng giáo án và kế hoạch giảng dạy. Việc này đảm bảo tính nhất quán giữa mục tiêu đào tạo của Trường và hoạt động giảng dạy trên lớp. Đội ngũ nhà giáo của Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại luôn thực hiện giảng dạy đúng mục tiêu, nội dung, yêu cầu của các chương trình đào tạo đã ban hành. Việc chuẩn bị và triển khai giảng dạy được thể hiện thông qua hệ thống giáo án giảng dạy được xây dựng cho từng môn học, mô đun, gắn với chuẩn đầu ra của ngành nghề. Giáo án các năm học là minh chứng cho việc giảng viên giảng dạy bám sát nội dung chương trình, phân bổ thời lượng hợp lý giữa lý thuyết và thực hành.

Trong quá trình tổ chức dạy học, giảng viên thực hiện ghi chép, quản lý tiến độ và theo dõi giờ học thông qua Sổ lên lớp các năm học. Đây là công cụ kiểm chứng việc thực hiện giảng dạy đầy đủ, đúng kế hoạch, đồng thời phản ánh sự tương tác, đánh giá giữa nhà giáo và người học.

Hoạt động kiểm tra, giám sát được tiến hành định kỳ, thể hiện qua Biên bản thanh, kiểm tra đào tạo và Kế hoạch cải tiến chất lượng CSGDNN. Các kết quả kiểm tra giúp phát hiện kịp thời những hạn chế trong việc thực hiện kế hoạch đào tạo, từ đó đề xuất các giải pháp cải tiến, nâng cao chất lượng giảng dạy.

Bên cạnh đó, việc đánh giá kết quả học tập của người học được tổ chức theo quy định, minh chứng qua Quy định về việc tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun. Quy

định này bảo đảm tính thống nhất, khách quan, công bằng, đồng thời phản ánh việc thực hiện đúng chuẩn chương trình (2.4.05. Các chương trình đào tạo của trường; 3.4.01. Giáo án các năm học; 2.4.04. Sổ lên lớp các năm học; 2.7.03. Biên bản thanh, kiểm tra đào tạo và Kế hoạch cải tiến chất lượng CSGDNN; 2.3.03. Quy định về việc tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun).

Nhìn chung, nhà giáo của Trường đã thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ giảng dạy theo đúng yêu cầu của chương trình đào tạo, có minh chứng cụ thể, rõ ràng. Tuy nhiên, ở một số môn học, việc cập nhật phương pháp dạy học tích cực và ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy vẫn còn hạn chế, cần tiếp tục cải tiến trong thời gian tới

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 4: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 5. Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại đã ban hành và triển khai nhiều chính sách thiết thực nhằm khuyến khích, động viên đội ngũ nhà giáo tích cực học tập, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và đổi mới phương pháp giảng dạy. Điều này thể hiện rõ qua việc thực hiện chế độ chính sách (Quy chế chi tiêu nội bộ, Quyết định khen thưởng...). Hệ thống văn bản này chứng minh Trường đã áp dụng các biện pháp hỗ trợ về tài chính, phúc lợi cũng như khen thưởng kịp thời để tạo động lực cho giảng viên phấn đấu, không ngừng nâng cao năng lực nghề nghiệp.

Công tác kiểm tra, giám sát chất lượng giảng dạy được thực hiện thường xuyên, góp phần khuyến khích giảng viên đổi mới phương pháp và nâng cao hiệu quả giờ dạy. Kế hoạch dự giờ và Phiếu đánh giá bài giảng là minh chứng rõ ràng, cho thấy việc đánh giá giờ giảng được triển khai có hệ thống, kết hợp giữa tự đánh giá, đồng nghiệp đánh giá và lãnh đạo khoa/phòng đánh giá. Qua đó, giảng viên nhận được phản hồi trực tiếp, từ đó có biện pháp cải thiện, bồi dưỡng thêm để đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục nghề nghiệp.

Ngoài ra, Báo cáo tổng kết năm học (Báo cáo thực hiện Quy chế công khai) cho thấy nhà trường có sự tổng hợp, đánh giá toàn diện công tác giảng dạy, bồi dưỡng, thi đua khen thưởng đối với đội ngũ nhà giáo. Đây là căn cứ để xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ, đồng thời đưa ra các kế hoạch, chính sách cụ thể hơn cho những năm

tiếp theo (3.5.01. Các minh chứng thực hiện chế độ chính sách (Quy chế chi tiêu nội bộ, Quyết định khen thưởng...); 3.5.02. Kế hoạch dự giờ và Phiếu đánh giá bài giảng; 3.5.03. Báo cáo Tổng kết năm học (Báo cáo thực hiện Quy chế công khai)).

Như vậy, các chính sách, biện pháp khuyến khích của Trường đã tạo động lực cho nhà giáo tự học, tự bồi dưỡng, đổi mới phương pháp, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy. Tuy nhiên, mức độ chủ động của một số giảng viên trong việc cập nhật công nghệ mới, ứng dụng chuyển đổi số vào giảng dạy còn chưa đồng đều; Trường cần tăng cường hơn nữa các cơ chế gắn khen thưởng, đánh giá kết quả bồi dưỡng với thi đua, nâng ngạch, xét các danh hiệu nghề nghiệp

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 5: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 6. Nhà giáo định kỳ được học tập, bồi dưỡng, thực tập để cập nhật kiến thức, công nghệ, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp hoặc theo yêu cầu đặc thù của ngành, nghề đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại xác định bồi dưỡng, thực tập định kỳ cho giảng viên là giải pháp quan trọng để duy trì và nâng cao chất lượng đào tạo. Nhà trường đã ban hành và thực hiện Kế hoạch tổ chức các lớp bồi dưỡng tại trường và Kế hoạch tổ chức sát hạch ngoại ngữ, tin học, giúp giảng viên thường xuyên được cập nhật kiến thức mới, nâng cao năng lực ngoại ngữ, tin học, đáp ứng yêu cầu hội nhập và chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp. Đây cũng là cơ sở để chuẩn hóa đội ngũ theo quy định về chuẩn giảng viên giáo dục nghề nghiệp.

Song song với đó, Trường đã triển khai mạnh mẽ hoạt động gắn kết với doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện cho nhà giáo cập nhật công nghệ thực tiễn sản xuất. Các công văn, quyết định cử nhà giáo đi học tập, trải nghiệm tại các doanh nghiệp cho thấy nhiều giảng viên đã được tham gia trực tiếp vào môi trường lao động sản xuất, trải nghiệm dây chuyền công nghệ mới, từ đó nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, bổ sung kiến thức thực tiễn để áp dụng vào giảng dạy.

Hiệu quả của hoạt động này được thể hiện qua Báo cáo kết quả thực tập doanh nghiệp của nhà giáo, trong đó ghi nhận những nội dung nhà giáo đã học hỏi, tiếp thu từ doanh nghiệp và các đề xuất cải tiến phương pháp giảng dạy. Nhiều giảng viên đã vận dụng kết quả thực tập vào việc điều chỉnh giáo án, tăng cường các bài tập tình huống thực tiễn, góp phần nâng cao tính thực hành và gắn kết đào tạo với nhu cầu của doanh

nghệp, thị trường lao động (3.6.01. Kế hoạch tổ chức các lớp bồi dưỡng tại trường và Kế hoạch tổ chức sát hạch ngoại ngữ, tin học; 3.6.02. Công văn, Quyết định cử nhà giáo đi học tập, trải nghiệm tại các doanh nghiệp; 3.6.03. Báo cáo kết quả thực tập doanh nghiệp của nhà giáo).

Việc định kỳ tổ chức bồi dưỡng, sát hạch và thực tập tại doanh nghiệp đã giúp đội ngũ nhà giáo của Trường duy trì năng lực nghề nghiệp, cập nhật công nghệ mới, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục nghề nghiệp. Tuy nhiên, một số giảng viên ở các ngành không thuộc nhóm mũi nhọn còn ít cơ hội tham gia thực tập dài hạn tại doanh nghiệp; Trường cần mở rộng hơn nữa quan hệ hợp tác để tăng quy mô và đa dạng lĩnh vực thực tập.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 6: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 7. *Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đáp ứng các tiêu chuẩn và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao. Đội ngũ viên chức, người lao động đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao. Cán bộ quản lý, viên chức, người lao động định kỳ được bồi dưỡng, cập nhật nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại có đội ngũ cán bộ quản lý, viên chức, người lao động được tuyển chọn và bổ nhiệm theo đúng quy định, đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực, trình độ, phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp. Danh sách trích ngang và Hồ sơ Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng cho thấy đội ngũ lãnh đạo nhà trường đều có trình độ chuyên môn và năng lực quản lý phù hợp, bảo đảm thực hiện tốt vai trò điều hành và quản trị các hoạt động của trường.

Công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại được triển khai theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính minh bạch, khách quan. Quy chế và hồ sơ thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ quản lý là minh chứng cho thấy nhà trường đã xây dựng, ban hành các văn bản quy định, đồng thời tổ chức quy trình bổ nhiệm nghiêm túc, có sự tham gia góp ý và thẩm định của các cấp có thẩm quyền. Điều này giúp đảm bảo tính kế thừa, ổn định trong công tác quản lý và điều hành.

Đội ngũ viên chức, người lao động của trường có cơ cấu hợp lý, đáp ứng khối lượng công việc được giao. Danh sách trích ngang và Phiếu đánh giá viên chức, người lao động hằng năm phản ánh việc đánh giá định kỳ được thực hiện đầy đủ, minh bạch,

là căn cứ để xếp loại, khen thưởng, kỷ luật, đồng thời khuyến khích mỗi cá nhân không ngừng phấn đấu nâng cao chất lượng công việc.

Bên cạnh đó, nhà trường đặc biệt quan tâm đến công tác bồi dưỡng cán bộ quản lý, viên chức. Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ quản lý và các quyết định cử cán bộ quản lý đi tập huấn nghiệp vụ hằng năm cho thấy cán bộ quản lý thường xuyên được tham gia các lớp tập huấn, hội thảo nhằm cập nhật kiến thức, kỹ năng quản lý, điều hành; viên chức, người lao động được tạo điều kiện tham gia các khóa bồi dưỡng nghiệp vụ, qua đó nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng tốt hơn yêu cầu công việc (3.7.01. Danh sách trích ngang và Hồ sơ Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng; 3.7.02. Quy chế và hồ sơ thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ quản lý; 3.7.03. Danh sách trích ngang và Phiếu đánh giá viên chức, người lao động hằng năm; 3.7.04. Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ quản lý và các quyết định cử cán bộ quản lý đi tập huấn nghiệp vụ hằng năm).

Tổng thể, đội ngũ cán bộ quản lý, viên chức, người lao động của trường cơ bản đáp ứng về số lượng, chất lượng, năng lực chuyên môn, thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm, góp phần quan trọng trong việc vận hành hiệu quả bộ máy nhà trường. Tuy nhiên, một số cán bộ quản lý trẻ còn hạn chế về kinh nghiệm quản trị; việc bố trí viên chức ở một số đơn vị chưa thật sự đồng đều về năng lực. Nhà trường cần tiếp tục có kế hoạch đào tạo, luân chuyển, bồi dưỡng nhằm phát huy tối đa nguồn nhân lực

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 7: 2 điểm.

TIÊU CHÍ 4: CHƯƠNG TRÌNH, GIÁO TRÌNH ĐÀO TẠO

Đánh giá tổng quát

Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại đã xây dựng, ban hành và triển khai các chương trình, giáo trình đào tạo phù hợp với quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. Các chương trình thể hiện rõ mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, nội dung kiến thức – kỹ năng – thái độ, mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học. Hàng năm, Trường có kế hoạch rà soát, chỉnh sửa, bổ sung. Quy trình xây dựng, thẩm định, phê duyệt được thực hiện chặt chẽ, có sự tham gia của cán bộ quản lý, giảng viên, chuyên gia và doanh nghiệp. Giáo trình được biên soạn, thẩm định và ban hành theo đúng quy định, định kỳ được rà soát, cập nhật, gắn với sự phát triển khoa học công nghệ, yêu cầu của thị trường lao động và đặc thù địa phương. Hệ thống học liệu, tài liệu tham khảo, giáo trình điện tử được bổ sung từng bước, đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.

Những tồn tại

- Một số chương trình đào tạo chưa được cập nhật thường xuyên, chưa phản ánh đầy đủ sự thay đổi nhanh chóng của khoa học công nghệ.
- Mức độ tham gia góp ý của doanh nghiệp và các bên liên quan trong quá trình xây dựng, rà soát chương trình còn chưa đồng đều giữa các ngành, nghề.
- Thư viện số, học liệu điện tử còn hạn chế về số lượng và chưa được sử dụng rộng rãi trong toàn trường.

Kế hoạch nâng cao chất lượng

- Rà soát, cập nhật chương trình đào tạo định kỳ và khi có thay đổi về tiêu chuẩn kỹ năng nghề, công nghệ.
- Tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp, chuyên gia và các bên liên quan trong xây dựng, thẩm định, cập nhật chương trình, giáo trình.
- Đầu tư phát triển hệ thống học liệu điện tử, kho học liệu số, tài nguyên mở, hỗ trợ người học tự học và học tập suốt đời.
- Bố trí nguồn lực cho công tác biên soạn, chỉnh sửa, cập nhật giáo trình theo hướng hiện đại, hội nhập quốc tế.

Đánh giá tiêu chí 4

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 4	14

Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2

Tiêu chuẩn 1: Trường ban hành và áp dụng quy trình bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo. Quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan.

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại luôn chú trọng đến việc bảo đảm chất lượng trong xây dựng, rà soát và thẩm định chương trình đào tạo, coi đây là nền tảng quyết định chất lượng đào tạo. Nhà trường đã ban hành các quy trình bảo đảm chất lượng của nhà trường, trong đó có quy định chi tiết các bước về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa và bổ sung chương trình đào tạo theo đúng quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH, Thông tư 01/2024/TT-BLĐTBXH đối với chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng và Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH, Thông tư số 34/2018/TT - BLDTBXH sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH đối với chương trình đào tạo trình độ sơ cấp. Quy trình này quy định rõ trách nhiệm của các phòng, khoa, hội đồng chuyên môn, tạo sự minh bạch, khoa học và thống nhất trong triển khai.

Để bảo đảm tính hệ thống và sự tham gia đầy đủ, Trường đã thành lập các ban chuyên môn, hội đồng phụ trách công tác rà soát, xây dựng chương trình. Quyết định thành lập Ban Chủ nhiệm/Hội đồng rà soát, chỉnh sửa, xây dựng CTĐT là minh chứng khẳng định hoạt động này được triển khai có tổ chức, đúng quy định, bảo đảm tính pháp lý và chuyên môn.

Trong quá trình xây dựng, Trường đã lấy ý kiến rộng rãi từ giảng viên, nhà quản lý, chuyên gia và đặc biệt là đơn vị sử dụng lao động. Biên bản họp khoa và Biên bản hội thảo xin ý kiến đóng góp của các bên liên quan minh chứng cho việc tham vấn đa chiều, bảo đảm CTĐT không chỉ bám sát khung pháp lý mà còn gắn chặt với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp và thị trường lao động.

Đặc biệt, Trường đã thành lập Hội đồng thẩm định/Hội đồng đánh giá CTĐT, đồng thời lưu giữ Hồ sơ thẩm định/đánh giá CTĐT đầy đủ. Đây là minh chứng cho sự nghiêm túc, khách quan trong khâu thẩm định, bảo đảm CTĐT đạt yêu cầu về tính khoa học, tính sư phạm và tính thực tiễn trước khi ban hành (2.8.08. Các quy trình đảm bảo chất lượng của nhà trường; 4.1.01. Quyết định thành lập Ban Chủ nhiệm/Hội đồng rà soát, chỉnh sửa, xây dựng CTĐT; 4.1.02. Biên bản họp khoa và Biên bản hội thảo xin ý kiến đóng góp của các bên liên quan; 4.1.03. Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/Hội đồng đánh giá và Hồ sơ thẩm định/đánh giá CTĐT).

Nhìn chung, Trường đã xây dựng và áp dụng quy trình bảo đảm chất lượng về xây dựng, rà soát, chỉnh sửa và thẩm định chương trình đào tạo một cách đầy đủ, có sự tham gia của các bên liên quan, đặc biệt là doanh nghiệp – đơn vị sử dụng lao động. Tuy nhiên, mức độ tham gia của doanh nghiệp trong các đợt thẩm định cần được tăng cường hơn nữa để phản ánh sát thực hơn nhu cầu của thị trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 4: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 2: Trường ban hành đầy đủ các chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo mà trường được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại đã ban hành đầy đủ các chương trình đào tạo cho các ngành, nghề mà trường được cấp phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp, bảo đảm tuân thủ các quy định hiện hành. Các chương trình đào tạo của trường được xây dựng với cấu trúc khoa học, bám sát các thông tư quy định về Chương trình đào tạo do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành, đồng thời có sự điều chỉnh để phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và nhu cầu nhân lực của địa phương, doanh nghiệp.

Hoạt động này được thực hiện trên cơ sở pháp lý rõ ràng. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp khẳng định các ngành, nghề mà Trường đang tổ chức đào tạo đều hợp pháp, đúng thẩm quyền và đủ điều kiện bảo đảm chất lượng. Đây là cơ sở quan trọng để triển khai xây dựng chương trình đào tạo, gắn với yêu cầu của khung trình độ quốc gia và mục tiêu đào tạo nghề.

Song song với việc ban hành chương trình đào tạo, Trường đã xây dựng và công bố chuẩn đầu ra cho các ngành đào tạo. Chuẩn đầu ra xác định cụ thể các kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp,

bảo đảm tính minh bạch, định hướng cho quá trình tổ chức đào tạo, đánh giá kết quả học tập và cam kết chất lượng đầu ra với xã hội (2.4.05. Các chương trình đào tạo của trường; 1.2.03. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN; 4.2.01. Chuẩn đầu ra cho các ngành đào tạo).

Nhìn chung, Trường đã ban hành đầy đủ chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra cho tất cả các ngành, nghề được phép đào tạo, tạo cơ sở pháp lý và chuyên môn vững chắc để triển khai hoạt động giảng dạy, kiểm tra, đánh giá, đồng thời đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động. Tuy nhiên, cần tiếp tục tăng cường cập nhật và cải tiến chương trình, chuẩn đầu ra theo sự thay đổi của khoa học – công nghệ và nhu cầu doanh nghiệp

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 4: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 3: Chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục nghề nghiệp, phù hợp với mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp, yêu cầu của ngành, nghề đào tạo và được công bố công khai.

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại đã xây dựng chuẩn đầu ra cho tất cả các ngành, nghề đào tạo, bảo đảm phù hợp với yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục nghề nghiệp. Chuẩn đầu ra cho các ngành đào tạo thể hiện rõ năng lực người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp, bao gồm kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm. Chuẩn đầu ra được thiết kế nhất quán với mục tiêu đào tạo, các Thông tư quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp đối với đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng trong Giáo dục nghề nghiệp và định hướng phát triển đội ngũ nhân lực mà nhà trường cung cấp cho xã hội.

Trong quá trình xây dựng CTĐT, nhà trường đã tổ chức hội thảo, tham vấn để lấy ý kiến góp ý từ các bên liên quan. Biên bản hội thảo xin ý kiến của các bên liên quan là minh chứng cho thấy Mục tiêu của CTĐT (Chuẩn đầu ra) được xây dựng dựa trên sự tham gia góp ý của doanh nghiệp, giảng viên, chuyên gia và cựu sinh viên. Việc tham vấn đa chiều này bảo đảm tính thực tiễn, giúp chuẩn đầu ra phản ánh sát nhu cầu thị trường lao động và yêu cầu phát triển ngành nghề.

Để bảo đảm tính công khai, minh bạch, chuẩn đầu ra được nhà trường công bố rộng rãi trên các phương tiện thông tin chính thức. Minh chứng là việc đăng tải trên

website <https://coit.edu.vn/chuan-dau-ra>, giúp người học, phụ huynh, doanh nghiệp và xã hội dễ dàng tiếp cận. Việc công bố này góp phần nâng cao trách nhiệm giải trình của nhà trường, đồng thời tạo điều kiện để các bên liên quan theo dõi, giám sát, phản hồi nhằm tiếp tục cải tiến chất lượng đào tạo (4.2.01. *Chuẩn đầu ra cho các ngành đào tạo*; 4.1.02. *Biên bản hội thảo xin ý kiến của các bên liên quan*; 4.3.01. <https://coit.edu.vn/chuan-dau-ra>).

Nhìn chung, chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo của trường được xây dựng khoa học, phù hợp với Khung trình độ quốc gia và yêu cầu của giáo dục nghề nghiệp, được công bố công khai và định kỳ rà soát. Tuy nhiên, cần tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa việc cập nhật chuẩn đầu ra theo sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ và yêu cầu hội nhập quốc tế, cũng như tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp trong quá trình điều chỉnh

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 4: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 4: *Các chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến chất lượng để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và sự phát triển của ngành, địa phương.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại thực hiện định kỳ việc rà soát, đánh giá và cập nhật các chương trình đào tạo nhằm bảo đảm sự phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động, các chiến lược phát triển ngành và nhu cầu nhân lực địa phương. Nhà trường đã thành lập các ban chuyên môn, hội đồng để tổ chức rà soát, chỉnh sửa chương trình. Quyết định thành lập Ban Chủ nhiệm/Hội đồng rà soát, chỉnh sửa, xây dựng CTĐT là minh chứng cho thấy công tác này được triển khai có tổ chức, tuân thủ đúng quy định.

Quá trình rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo có sự tham gia rộng rãi của các bên liên quan, bao gồm cán bộ quản lý, nhà giáo, chuyên gia và đại diện doanh nghiệp. Biên bản họp khoa và Biên bản hội thảo xin ý kiến góp ý về CTĐT khẳng định hoạt động tham vấn đã được thực hiện nghiêm túc, bảo đảm các chương trình đào tạo không chỉ tuân thủ khung pháp lý mà còn cập nhật xu hướng phát triển của ngành nghề.

Bên cạnh đó, nhà trường chú trọng hoạt động khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Kế hoạch khảo sát các bên liên quan phục vụ công tác đảm bảo chất lượng cho thấy hoạt động khảo sát được chuẩn bị kỹ lưỡng, có đối tượng, mục

tiêu, phương pháp cụ thể. Trên cơ sở đó, Báo cáo kết quả khảo sát đã phản ánh mức độ phù hợp của chương trình đào tạo, đồng thời đưa ra những khuyến nghị cải tiến để đáp ứng tốt hơn nhu cầu thực tiễn (4.1.01. Quyết định thành lập Ban Chủ nhiệm/Hội đồng rà soát, chỉnh sửa, xây dựng CTĐT; 4.1.02. Biên bản họp khoa và Biên bản hội thảo xin ý kiến góp ý về CTĐT; 4.4.01. Kế hoạch khảo sát các bên liên quan phục vụ công tác đảm bảo chất lượng; 4.4.02. Báo cáo kết quả khảo sát).

Nhờ sự phối hợp đồng bộ các hoạt động rà soát, hội thảo, khảo sát và đánh giá, các chương trình đào tạo của Trường ngày càng được chuẩn hóa, linh hoạt và gắn kết chặt chẽ hơn với thị trường lao động. Tuy nhiên, vẫn còn một số ngành đào tạo có tốc độ thay đổi công nghệ nhanh, việc cập nhật nội dung chương trình chưa thực sự kịp thời; cần tăng cường hơn nữa sự tham gia thường xuyên của doanh nghiệp để bảo đảm chương trình sát thực tiễn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 4: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 5: Trường ban hành và áp dụng quy trình bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung giáo trình đào tạo. Quá trình xây dựng và thẩm định giáo trình đào tạo có sự tham gia của chuyên gia, cán bộ quản lý có kinh nghiệm của ngành, nghề đào tạo và các bên liên quan.

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại luôn coi trọng công tác xây dựng và thẩm định giáo trình đào tạo, coi đây là yếu tố then chốt để bảo đảm chất lượng đào tạo và tính phù hợp với thực tiễn sản xuất, nhu cầu xã hội. Để thực hiện, Trường đã ban hành các quy trình bảo đảm chất lượng của nhà trường, trong đó có quy định cụ thể về xây dựng, lựa chọn, điều chỉnh và bổ sung giáo trình. Quy trình này quy định rõ trách nhiệm của các phòng/khoa, các bước tiến hành, tiêu chí lựa chọn và cơ chế giám sát, giúp bảo đảm tính minh bạch, khoa học và khả thi trong triển khai.

Thực tiễn triển khai cho thấy, hằng năm Trường đều xây dựng kế hoạch lựa chọn, biên soạn, chỉnh sửa và thẩm định giáo trình cho từng ngành, nghề đào tạo. Các kế hoạch, quyết định, hồ sơ, biên bản, phiếu nhận xét về việc lựa chọn, biên soạn, điều chỉnh và thẩm định giáo trình đào tạo minh chứng cho việc nhà trường huy động được sự tham gia của nhiều đối tượng liên quan, bao gồm cán bộ quản lý có kinh nghiệm, giảng viên trực tiếp giảng dạy và chuyên gia trong lĩnh vực. Sự tham gia này giúp giáo trình được thẩm định toàn diện cả về tính khoa học, tính sư phạm và tính thực tiễn.

Hoạt động này góp phần bảo đảm rằng giáo trình của trường vừa bám sát chương trình đào tạo, vừa cập nhật với sự phát triển công nghệ và nhu cầu nhân lực. Tuy nhiên, qua phân tích có thể thấy mức độ tham gia của doanh nghiệp trong khâu thẩm định còn hạn chế; một số giáo trình chuyên ngành công nghệ cao cần được cập nhật thường xuyên hơn để theo kịp sự phát triển nhanh của công nghệ mới (2.8.08. Các quy trình đảm bảo chất lượng của nhà trường; 4.5.01. Các kế hoạch, quyết định, hồ sơ, biên bản, phiếu nhận xét về việc lựa chọn, biên soạn, điều chỉnh và thẩm định giáo trình đào tạo).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 4: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 6: Trường ban hành đầy đủ giáo trình các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo. Các giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo và phù hợp với phương pháp dạy học.

Mô tả, phân tích, nhận định: Trên cơ sở các chương trình đào tạo đã ban hành, Nhà trường tiến hành tổ chức biên soạn, lựa chọn và thẩm định giáo trình đào tạo cho các nghề theo đúng quy định tại Thông tư 03/2017/BLĐTBXH, Thông tư 01/2024/TT-BLĐTBXH quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình trong đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Các ngành nghề đều có giáo trình cho từng mô-đun, môn học. Giáo trình đào tạo của trường được biên soạn, lựa chọn nhằm cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo phục vụ tốt cho quá trình đào tạo và phù hợp với phương pháp giảng dạy.

Do tính chất liên thông giữa các cấp trình độ của chương trình đào tạo, đối với những nghề đào tạo có nhiều cấp trình độ thì chương trình đào tạo có trình độ cao đã bao gồm các chương trình đào tạo có trình độ thấp hơn. Do vậy, số giáo trình nhà trường hiện có đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn chỉ cần xem xét trình độ đào tạo nghề cao nhất mà nhà trường có trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

Cấu trúc giáo trình thể hiện rõ thông tin chung của giáo trình đào tạo, mã môn học, mô-đun; vị trí, tính chất, ý nghĩa và vai trò; mục tiêu của giáo trình môn học, mô-đun. Nội dung của giáo trình môn học, mô-đun bao gồm kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ, công việc; quy trình và

cách thức thực hiện nhiệm vụ, công việc; các bản vẽ, hình vẽ, bài tập, những điểm cần ghi nhớ và các yêu cầu về đánh giá kết quả học tập khi kết thúc chương, bài và kết thúc môn học, mô đun trong chương trình đào tạo đáp ứng các yêu cầu về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Hàng năm Nhà trường có khảo sát, thu nhập ý kiến về chất lượng giáo trình đào tạo của nhà trường. Nội dung phiếu khảo sát bao gồm các nội dung như sau: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; Tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực; Mức độ phù hợp của giáo trình với ngành nghề đào tạo; Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; Đảm bảo phù hợp với các trang thiết bị, nguồn học liệu và phương tiện dạy học khác; Mức độ phù hợp của khối lượng kiến thức trong các mô đun/môn học với thời lượng của chương trình đào tạo. Báo cáo kết quả khảo sát cho thấy trên 95% các đối tượng được khảo sát hằng năm đều đánh giá ở mức Tốt và Khá với các tiêu chí đánh giá (4.6.01. Danh mục giáo trình giảng dạy của trường; 4.6.02. Giáo trình giảng dạy của trường (bản cứng/mềm); 4.6.03. Các quyết định của Hiệu trưởng về việc ban hành/phê duyệt giáo trình đào tạo).

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 6, tiêu chí 4: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 7: Các giáo trình định kỳ được rà soát, đánh giá và cập nhật theo quy định, đáp ứng sự thay đổi của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại xác định việc xây dựng, rà soát và cập nhật giáo trình là khâu quan trọng nhằm bảo đảm chất lượng đào tạo, tính cập nhật của nội dung giảng dạy, đáp ứng yêu cầu thực tiễn sản xuất – kinh doanh và quy định pháp luật. Nhà trường đã thực hiện cơ chế định kỳ rà soát, bổ sung và điều chỉnh giáo trình cho từng ngành, nghề đào tạo. Hoạt động khảo sát, lấy ý kiến được triển khai thường xuyên với sự tham gia của giảng viên, người học và doanh nghiệp. Kế hoạch và Báo cáo kết quả thu thập, tổng hợp ý kiến khảo sát về mức độ phù hợp của giáo trình cho thấy Trường đã tiến hành khảo sát thực tế, thu thập ý kiến phản hồi từ các bên liên quan, qua đó đánh giá tính khoa học, tính sư phạm và sự phù hợp của giáo trình với yêu cầu chương trình đào tạo cũng như sự phát triển của thị trường lao động.

Trên cơ sở kết quả khảo sát, Nhà trường tổ chức các cuộc họp rà soát, đánh giá, điều chỉnh và cập nhật kịp thời. Biên bản họp rà soát, đánh giá cập nhật danh mục giáo trình giảng dạy là minh chứng khẳng định sự nghiêm túc trong việc kiểm tra, bổ sung và thay thế các giáo trình không còn phù hợp. Nhờ đó, hệ thống giáo trình ngày càng đáp ứng tốt hơn các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và công nghệ mới (4.7.01. Kế hoạch và Báo cáo kết quả thu thập, tổng hợp ý kiến khảo sát về mức độ phù hợp của giáo trình; 4.7.02. Biên bản họp rà soát, đánh giá cập nhật danh mục giáo trình giảng dạy).

Như vậy, có thể nhận định rằng Trường đã thiết lập quy trình rà soát, cập nhật giáo trình khá đầy đủ, có sự tham gia của các bên liên quan, bảo đảm tính khả thi và khách quan. Tuy nhiên, việc cập nhật một số giáo trình chuyên ngành gắn với công nghệ mới còn chưa kịp thời; cần tăng cường hơn nữa sự tham gia góp ý của doanh nghiệp trong các lần rà soát.

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 7, tiêu chí 4: 2 điểm.

TIÊU CHÍ 5: CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ ĐÀO TẠO

Đánh giá tổng quát:

Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại đã đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, ngành nghề và chuẩn đầu ra theo yêu cầu của từng chương trình đào tạo. Nhà trường có các khối nhà học lý thuyết, xưởng thực hành, phòng thí nghiệm, thư viện điện tử, khu ký túc xá và khu thể thao phục vụ học tập, rèn luyện và sinh hoạt của HSSV.

Các phòng học được trang bị máy chiếu, bảng tương tác, thiết bị nghe nhìn hiện đại; xưởng thực hành có đủ mô hình, thiết bị nghề nghiệp theo chuẩn của từng ngành đào tạo, một số được doanh nghiệp phối hợp hỗ trợ đầu tư. Thư viện được trang bị phần mềm quản lý, có hệ thống học liệu điện tử, phòng đọc internet, tạo điều kiện cho HSSV và giảng viên tiếp cận thông tin, tri thức khoa học.

Hàng năm, trường đều có kế hoạch bảo trì, sửa chữa, bổ sung trang thiết bị đào tạo và đã được thực hiện theo đúng quy định. Công tác quản lý, khai thác sử dụng CSVC và thiết bị đào tạo được phân công cho từng đơn vị chức năng, bảo đảm tính hiệu quả, tiết kiệm và an toàn. Nhìn chung, cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo đã đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo, phục vụ tốt công tác dạy – học và nghiên cứu khoa học.

Những tồn tại:

- Một số thiết bị, mô hình đào tạo đã lạc hậu, chưa theo kịp sự đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp.
- Hệ thống phòng học thông minh, thiết bị số hóa chưa được đầu tư đồng bộ ở tất cả các khoa, bộ môn.
- Thư viện điện tử còn hạn chế về nguồn học liệu số, chưa có nhiều tài liệu tham khảo quốc tế.
- Một số hạng mục CSVC xuống cấp, diện tích sử dụng cho HSSV còn hạn chế so với quy mô tuyển sinh.

Kế hoạch nâng cao chất lượng:

- Tiếp tục bổ sung, nâng cấp trang thiết bị đào tạo theo chuẩn đầu ra và nhu cầu của doanh nghiệp, ưu tiên ngành nghề trọng điểm.
- Tăng cường hợp tác với doanh nghiệp trong đầu tư thiết bị hiện đại, gắn đào tạo với sản xuất, dịch vụ.

- Phát triển thư viện số, mở rộng kho học liệu điện tử, hợp tác chia sẻ nguồn tài nguyên học tập với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.
- Triển khai đầu tư hệ thống phòng học thông minh, mô phỏng ảo, thiết bị công nghệ cao để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong GDNN.
- Lập kế hoạch tu bổ, sửa chữa định kỳ và mở rộng diện tích sử dụng CSVC, ưu tiên khu học tập, ký túc xá và khu thể thao phục vụ HSSV.

Điểm đánh giá tiêu chí 5:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 5	14
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	0
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2

Tiêu chuẩn 1: Trường ban hành và áp dụng quy trình, công cụ quản lý thiết bị, xưởng thực hành, phòng học, các phòng công năng khác đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu, dịch vụ người học và các hoạt động khác của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại đã thiết lập một hệ thống quản lý cơ sở vật chất (CSVC) và thiết bị đào tạo đồng bộ, minh bạch và hiệu quả. Việc quản lý được thể chế hóa thông qua Quy chế quản lý, sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, trong đó phân định rõ trách nhiệm của từng đơn vị chức năng từ khâu quản lý, vận hành đến bảo trì, thanh lý. Quy chế này được ban hành nhằm đảm bảo việc khai thác CSVC, thiết bị phục vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, dịch vụ người học và các hoạt động khác tuân thủ đúng quy định, tiết kiệm và hiệu quả.

Song song, Quy trình quản lý, vận hành thiết bị, xưởng thực hành, phòng học, phòng công năng được ban hành chi tiết, bao gồm các bước: đăng ký sử dụng, bàn giao, kiểm tra tình trạng thiết bị, ghi nhật ký sử dụng, bảo trì định kỳ và xử lý sự cố. Đây là cơ sở quan trọng giúp các khoa, phòng chuyên môn có căn cứ thực hiện đồng

bộ, giảm thiểu hồng hóc, thất thoát, đồng thời bảo đảm an toàn trong giảng dạy và thực hành.

Nhà trường hàng năm đều lập Kế hoạch mua sắm, sửa chữa, bổ sung trang thiết bị căn cứ vào nhu cầu đào tạo, đề xuất của các khoa và tình hình thực tế. Kế hoạch này được phê duyệt, triển khai minh bạch, góp phần hiện đại hóa thiết bị, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình đào tạo, nhất là ở các ngành nghề trọng điểm.

Điểm nổi bật là trường đã triển khai ứng dụng Phần mềm Quản lý thiết bị, hỗ trợ theo dõi tình trạng, vị trí, thời gian sử dụng, lịch bảo trì và khấu hao thiết bị. Việc số hóa này giúp hạn chế sai sót so với quản lý thủ công, đồng thời cung cấp dữ liệu nhanh chóng cho công tác thống kê, kiểm kê và báo cáo định kỳ. Đây là một bước tiến quan trọng trong tiến trình chuyển đổi số của nhà trường.

Bên cạnh đó, công tác quản lý còn được bảo đảm bằng việc thực hiện Báo cáo tổng kết công tác quản lý, sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo hàng năm và Báo cáo tổng kết công tác quản lý tài sản hàng năm. Các báo cáo này tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng, những khó khăn, bất cập cũng như đề xuất cải tiến, từ đó giúp lãnh đạo nhà trường có cơ sở để ra quyết định đầu tư, sửa chữa, bổ sung CSVC kịp thời (5.1.01. Quy chế quản lý, sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo; 5.1.02. Quy trình quản lý, vận hành thiết bị, xưởng thực hành, phòng học, phòng công năng; 5.1.03. Kế hoạch mua sắm, sửa chữa, bổ sung trang thiết bị hàng năm; 5.1.04. Phần mềm Quản lý thiết bị; 5.1.05. Báo cáo tổng kết công tác quản lý, sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo hàng năm; 5.1.06. Báo cáo tổng kết công tác quản lý tài sản hàng năm).

Nhìn chung, hệ thống quản lý CSVC và thiết bị đào tạo của trường được thiết kế bài bản, có đầy đủ quy chế, quy trình, công cụ hỗ trợ và cơ chế giám sát định kỳ. Điều này không chỉ bảo đảm hiệu quả khai thác, tiết kiệm nguồn lực mà còn nâng cao chất lượng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động của HSSV.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 1: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 2: *Quy hoạch tổng thể các khuôn viên của trường phù hợp với công năng, bền vững về môi trường. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường theo quy chuẩn và tiêu chuẩn hiện hành, đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường đã xây dựng và được phê duyệt hồ sơ quy hoạch tổng thể khuôn viên. Hồ sơ quy hoạch thể hiện sự bố trí hợp lý giữa các khối chức năng như khu giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, thư viện,

ký túc xá, khu thể thao và khu hành chính. Quy hoạch này đảm bảo tính khoa học, liên kết, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức đào tạo, nghiên cứu và các hoạt động sinh hoạt, đồng thời định hướng mở rộng lâu dài phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững về môi trường.

Nhà trường có đầy đủ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các khuôn viên, đảm bảo cơ sở pháp lý để quản lý, khai thác và đầu tư xây dựng cơ bản. Đây là minh chứng quan trọng khẳng định quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp, giúp trường chủ động trong việc mở rộng, cải tạo và thực hiện các dự án đầu tư hạ tầng, đồng thời tránh tranh chấp pháp lý trong quá trình sử dụng.

Tổng mặt bằng thể hiện rõ hiện trạng và quy mô diện tích của từng cơ sở, là căn cứ để bố trí, phân bổ hợp lý các hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sinh hoạt. Qua tổng mặt bằng có thể thấy trường đã có kế hoạch phát triển đồng bộ cả ba cơ sở, đảm bảo cân đối giữa đào tạo lý thuyết, thực hành và nhu cầu đời sống HSSV. Đây cũng là tài liệu quan trọng để lãnh đạo trường đánh giá năng lực phục vụ đào tạo hiện tại và định hướng đầu tư trong tương lai. Hồ sơ hạ tầng kỹ thuật cho thấy trường đã đầu tư xây dựng và vận hành hệ thống điện, nước, thông tin, phòng cháy chữa cháy, xử lý nước thải, thu gom rác thải theo đúng quy chuẩn và tiêu chuẩn hiện hành. Các biên bản kiểm tra định kỳ được lưu giữ đầy đủ, phản ánh sự tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật, đồng thời đảm bảo môi trường an toàn, bền vững cho giảng viên, HSSV trong quá trình học tập, nghiên cứu và sinh hoạt (5.2.01. Hồ sơ quy hoạch (Bản đồ, Quyết định phê duyệt quy hoạch); 5.2.02. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 5.2.03. Tổng mặt bằng 03 cơ sở của trường; 5.2.04. Hồ sơ hạ tầng kỹ thuật (Hồ sơ, bản vẽ, biên bản kiểm tra về hệ thống điện, nước, PCCC, xử lý nước thải, thu gom rác thải)).

Như vậy, Nhà trường đã có hệ thống hồ sơ quy hoạch, pháp lý đất đai, mặt bằng và hạ tầng kỹ thuật đầy đủ, rõ ràng và phù hợp. Điều này đảm bảo cơ sở vững chắc cho việc quản lý, khai thác, vận hành và phát triển cơ sở vật chất trong dài hạn, vừa đáp ứng nhu cầu hiện tại, vừa phù hợp với định hướng mở rộng trong tương lai. Tuy nhiên, trường cần tiếp tục số hóa, cập nhật định kỳ hồ sơ và tăng cường các giải pháp xanh, thân thiện môi trường trong các dự án cải tạo, xây dựng mới.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 2: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 3: *Khu hiệu bộ, khu học lý thuyết, khu học thực hành, khu rèn luyện thể chất, khu phục vụ và các hạng mục khác phục vụ sinh hoạt cho người học,*

nhà giáo có cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo phù hợp với nghề, quy mô, trình độ đào tạo, bảo đảm các yêu cầu công nghệ và bảo vệ môi trường.

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường đã lưu trữ và quản lý đầy đủ hồ sơ thiết kế, bản vẽ hoàn công cho các khu chức năng (nhà làm việc, nhà học, xưởng thực hành, ký túc xá), đây là cơ sở pháp lý – kỹ thuật quan trọng để đảm bảo các công trình được xây dựng, nghiệm thu và khai thác phù hợp với thiết kế, quy chuẩn xây dựng và yêu cầu sử dụng. Việc có hồ sơ hoàn công đầy đủ giúp nhà trường chủ động trong công tác bảo trì, sửa chữa, cải tạo khi có nhu cầu, đồng thời là bằng chứng cho việc tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật khi thanh quyết toán và báo cáo.

Bên cạnh đó, trường thực hiện thống kê cơ sở vật chất, hạng mục công trình định kỳ (số lượng phòng học, diện tích, xưởng thực hành, khu ký túc xá, khu thể thao, diện tích cây xanh...), dữ liệu thống kê này là nền tảng để đánh giá mức độ đáp ứng so với quy mô đào tạo hiện tại và dự báo nhu cầu mở rộng hoặc điều chỉnh sử dụng. Thống kê rõ ràng cho phép xác định các hạng mục thiếu hụt, hạng mục xuống cấp cần ưu tiên đầu tư và là căn cứ quan trọng để lập kế hoạch sửa chữa, bảo trì và đầu tư xây dựng cơ bản.

Điểm mấu chốt trong quản trị thiết bị và CSVC là so sánh thực trạng thiết bị hiện có với chuẩn, do đó trường đã lập bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của trường với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu do Bộ LĐTBXH ban hành. Việc đối chiếu này cho phép: (1) phát hiện các thiết bị chưa đạt yêu cầu tối thiểu hoặc thiếu hụt theo ngành; (2) ưu tiên danh mục mua sắm, đầu tư cho các xưởng, phòng thực hành để bảo đảm yêu cầu đào tạo nghề; (3) làm cơ sở đối thoại với doanh nghiệp, nguồn tài trợ khi huy động nguồn lực đầu tư thiết bị. Từ kết quả đối chiếu, trường đã cập nhật kế hoạch mua sắm, lập dự toán và phân kỳ đầu tư phù hợp với khả năng ngân sách và lộ trình phát triển chương trình đào tạo.

Hệ thống hồ sơ thiết kế/hoàn công, số liệu thống kê CSVC và bảng đối chiếu thiết bị với tiêu chuẩn của Bộ đã được duy trì và sử dụng làm căn cứ đánh giá, lập kế hoạch đầu tư, sửa chữa và nâng cấp. Tuy nhiên, hồ sơ thống kê cần được cập nhật thường xuyên (ít nhất hằng năm) và kết nối trực tiếp với kế hoạch mua sắm để rút ngắn thời gian bổ sung thiết bị còn thiếu; đồng thời cần làm rõ các tiêu chí ưu tiên theo ngành, theo mức độ ảnh hưởng tới chất lượng đào tạo (5.3.01. Hồ sơ thiết kế, bản vẽ hoàn công các khu chức năng (nhà làm việc, nhà học, xưởng thực hành, ký túc xá);

5.3.02. Thống kê cơ sở vật chất, hạng mục công trình; 5.3.03. Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của trường với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu do Bộ LĐTBXH ban hành).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 3: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 4: Các tiêu chuẩn về môi trường, an toàn, sức khỏe nghề nghiệp được trường xác định và triển khai, bao gồm cả các nhu cầu, các điều kiện thiết yếu cho người khuyết tật (nếu có) và không phân biệt đối xử về giới.

Mô tả, phân tích, nhận định: Nhà trường đã xây dựng kế hoạch, tổ chức diễn tập, lưu trữ hồ sơ kiểm tra và hồ sơ nghiệm thu hệ thống PCCC, đồng thời cử cán bộ tham gia tập huấn chuyên môn. Các biên bản kiểm tra PCCC trong giai đoạn 2022–2024 cho thấy hệ thống phòng cháy chữa cháy được duy trì, giám sát thường xuyên và có khắc phục các điểm hạn chế. Đây là minh chứng rõ ràng cho việc tuân thủ quy định pháp luật, bảo đảm an toàn tính mạng, tài sản trong hoạt động đào tạo và sinh hoạt.

Trường đã ban hành và niêm yết công khai các nội quy liên quan đến an toàn như Nội quy PCCC và Nội quy phòng thực hành. Nội quy quy định rõ trách nhiệm của giảng viên, HSSV, quy trình sử dụng trang thiết bị, quy định an toàn trong thực hành – thí nghiệm, giúp phòng ngừa rủi ro và nâng cao ý thức tự giác chấp hành. Đây là cơ sở quan trọng để nhà trường quản lý rủi ro, đồng thời xây dựng văn hóa an toàn trong toàn bộ hệ thống đào tạo.

Trường có hợp đồng định kỳ với đơn vị chức năng về việc thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt và chất thải khác. Hoạt động này thể hiện trách nhiệm trong công tác bảo vệ môi trường, bảo đảm vệ sinh trong khuôn viên trường và khu vực lân cận. Đây cũng là yếu tố quan trọng góp phần tạo môi trường học tập xanh, sạch, đẹp, nâng cao sức khỏe cộng đồng, phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững.

Như vậy, Nhà trường đã xây dựng hệ thống đảm bảo an toàn, sức khỏe nghề nghiệp và môi trường theo hướng toàn diện, từ công tác PCCC, quy định nội quy, đến quản lý chất thải. Hoạt động được triển khai định kỳ, có sự phối hợp với cơ quan chức năng và đơn vị chuyên trách. Nhìn chung, hệ thống đã phát huy hiệu quả, bảo đảm môi trường an toàn cho giảng viên, HSSV, đồng thời phù hợp với các quy định hiện hành. Tuy nhiên, trường cần tăng cường truyền thông nội bộ về văn hóa an toàn, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản lý hồ sơ PCCC và môi trường, cũng như tiếp tục cải thiện các hạng mục hỗ trợ người khuyết tật (5.4.01. Hồ sơ về PCCC (Biên bản

kiểm tra, kế hoạch, biên bản diễn tập, Quyết định cử đi tập huấn, hồ sơ nghiệm thu hệ thống PCCC); 5.4.02. Các Nội quy của trường (Nội quy PCCC, Nội quy phòng thực hành); 5.4.03. Hợp đồng thu gom vận chuyển rác thải).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 4: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 5: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo đáp ứng yêu cầu tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo và được quản lý, bảo trì, bảo dưỡng, bố trí hợp lý, bảo đảm các yêu cầu sư phạm, an toàn sức khỏe, vệ sinh môi trường.

Mô tả, phân tích, nhận định: Hồ sơ kiểm kê là nền tảng để quản lý tài sản thiết bị, ghi nhận tên thiết bị, số lượng, tình trạng kỹ thuật ban đầu, đơn vị quản lý, năm đưa vào sử dụng và vị trí bố trí. Qua việc kiểm kê định kỳ trường có dữ liệu so sánh để nhận diện thiết bị xuống cấp, thiết bị thừa/số dư hoặc thiếu, và để lập ưu tiên mua sắm/bổ sung. Cơ chế kiểm kê kèm nhật ký sử dụng ở từng xưởng/phòng (sổ nhật ký, sổ kiểm kê khoa), điều này giúp truy nguyên trách nhiệm khi có hỏng hóc và làm cơ sở cho việc thanh lý, sửa chữa hoặc đề xuất bổ sung ngân sách. Việc duy trì hồ sơ kiểm kê liên tục đã giúp phòng Quản trị – Thiết bị tổng hợp số liệu để xây dựng kế hoạch bảo trì và mua sắm hằng năm.

Trường lập kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng hàng năm theo chu kỳ (hàng ngày/tuần/tháng/ năm tùy loại thiết bị) và lưu hồ sơ nghiệm thu sau mỗi đợt bảo trì. Kế hoạch này có phân cấp trách nhiệm (đơn vị sử dụng, phòng Quản trị – Thiết bị, nhà thầu sửa chữa bên ngoài khi cần) và quy trình báo hỏng — xử lý — nghiệm thu. Trong quy trình bảo trì/bảo dưỡng thiết bị, phân cấp sửa chữa theo mức độ hư hỏng và việc lập biên bản nghiệm thu sau sửa chữa; những hồ sơ này chứng minh tính hệ thống trong quản lý vòng đời thiết bị, giảm rủi ro thiết bị bị bỏ quên khiến gián đoạn dạy-học. Việc có hồ sơ bảo trì liên tục còn cho phép phân tích chi phí bảo trì theo nhóm thiết bị, từ đó hoạch định đầu tư thay mới cho các thiết bị có chi phí bảo trì vượt mức hiệu quả.

Bố trí thiết bị trong xưởng thực hành được minh chứng bằng hồ sơ lắp đặt, sơ đồ bố trí, tiêu chí an toàn sư phạm (lối thoát hiểm, khoảng cách an toàn giữa máy, che chắn bảo hộ), cùng các biên bản kiểm tra 5S định kỳ. Hình ảnh, biên bản kiểm tra 5S và hồ sơ lắp đặt cho thấy xưởng được tổ chức nhằm tối ưu hóa quy trình dạy — học: các máy móc có bố cục thuận tiện cho giảng viên quan sát, sinh viên thao tác an toàn; khu vực lưu vật tư thực hành được phân định rõ để tránh thất thoát và ô nhiễm. Việc

áp dụng 5S trong các xưởng đã cải thiện vệ sinh công nghiệp, rút ngắn thời gian chuẩn bị thực hành và giảm sự cố kỹ thuật do bố trí kém. Những hồ sơ này là bằng chứng rõ ràng cho việc bố trí, sắp xếp thiết bị đáp ứng yêu cầu sư phạm, an toàn sức khỏe và vệ sinh môi trường (5.1.05. Hồ sơ kiểm kê thiết bị các năm 2022, 2023, 2024; 5.5.01. Kế hoạch và Hồ sơ bảo trì, bảo dưỡng thiết bị các năm 2022, 2023, 2024; 5.5.02. Hồ sơ thể hiện việc bố trí hợp lý tại xưởng thực hành (hồ sơ lắp đặt, tiêu chí và biên bản kiểm tra 5S)).

Tuy nhiên căn cứ vào danh mục thiết bị hiện có trên sổ kiểm kê so sánh với danh mục thiết bị tối thiểu do Bộ LĐ TB&XH ban hành, Nhà trường có 02/11 nghề trình độ cao đẳng (nghề Công nghệ Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa và nghề Điện công nghiệp) và 03/11 nghề trình độ trung cấp (Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí, Điện tử Công nghiệp và Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí) là đảm bảo đủ 100% thiết bị theo danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu của Bộ LĐTBXH ban hành. Có 09/11 nghề trình độ cao đẳng và 10/13 nghề trình độ trung cấp không có đủ thiết bị đào tạo theo danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu của Bộ LĐTBXH ban hành

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 5: 0 điểm.

Tiêu chuẩn 6: *Trường ban hành và áp dụng quy trình quản lý, cấp phát nguyên, nhiên, vật liệu. Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí hợp lý, đáp ứng đầy đủ nhu cầu theo kế hoạch, tiến độ đào tạo và được tái sử dụng hiệu quả.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Nhà trường đã ban hành quyết định quy định định mức tiêu hao vật tư cho từng nghề đào tạo. Đây là cơ sở quan trọng để lập dự toán nhu cầu vật tư, tránh lãng phí hoặc thiếu hụt trong quá trình đào tạo. Định mức này cũng giúp các khoa, bộ môn chủ động xây dựng kế hoạch giảng dạy, thực hành sát với thực tế, đồng thời nâng cao hiệu quả sử dụng vật tư. So với giai đoạn trước, việc có văn bản chính thức về định mức tiêu hao đã tạo tính chuẩn hóa và minh bạch trong quản lý.

Trường đã ban hành quy định cụ thể về quy trình cấp phát vật tư, bao gồm các bước: lập kế hoạch, phê duyệt, cấp phát, sử dụng, và báo cáo quyết toán. Quy định này nêu rõ trách nhiệm của từng đơn vị, từ phòng Quản trị – Thiết bị, các khoa chuyên môn đến cá nhân trực tiếp sử dụng. Việc áp dụng quy định này đảm bảo vật tư được phân phối công bằng, minh bạch, đúng mục đích, đồng thời nâng cao ý thức tiết kiệm và trách nhiệm của người sử dụng.

Hồ sơ, biên bản giao nhận vật tư thực tập được lưu giữ đầy đủ, thể hiện quá trình cấp phát, sử dụng và bàn giao vật tư tại các buổi thực hành. Các biên bản này cho thấy vật tư được cấp phát theo đúng kế hoạch, có sự kiểm tra và xác nhận của cả đơn vị quản lý lẫn đơn vị sử dụng. Đây là bằng chứng trực tiếp khẳng định sự minh bạch trong quản lý, đồng thời là cơ sở để đánh giá mức độ sử dụng vật tư và xác định nhu cầu tái sử dụng, bổ sung cho các kỳ đào tạo tiếp theo (5.6.01. *Quyết định ban hành định mức tiêu hao vật tư cho các nghề đào tạo*; 5.6.02. *Quy định về cấp phát vật tư*; 5.6.03. *Hồ sơ, biên bản giao nhận vật tư thực tập*).

Như vậy công tác quản lý, cấp phát và sử dụng vật tư của Nhà trường được tổ chức bài bản, có cơ sở pháp lý (quyết định, quy định), có cơ chế kiểm soát (hồ sơ giao nhận) và được gắn với thực tiễn đào tạo. Hệ thống này bảo đảm vật tư phục vụ đào tạo đầy đủ, kịp thời, đồng thời khuyến khích sử dụng tiết kiệm và tái sử dụng hợp lý. Tuy nhiên, để nâng cao hơn nữa hiệu quả, trường cần triển khai phần mềm quản lý kho vật tư, liên thông dữ liệu với kế hoạch đào tạo để dự báo nhu cầu chính xác và hạn chế dư thừa

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 6: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 7: *Trường có thư viện bao gồm phòng đọc điện tử; phòng đọc của cán bộ, nhà giáo; phòng đọc của người học; kho sách bảo đảm tiêu chuẩn thiết kế và định mức diện tích sử dụng.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường đã thực hiện công tác kiểm kê thư viện định kỳ tại các cơ sở, cập nhật số lượng đầu sách, tài liệu, tạp chí, giáo trình và thiết bị thư viện. Kết quả kiểm kê phản ánh sự đầy đủ, đa dạng và mức độ đáp ứng của nguồn học liệu đối với nhu cầu giảng dạy và học tập. So với các năm trước, số lượng đầu sách và tài liệu điện tử ngày càng tăng, cho thấy sự quan tâm của trường trong việc bổ sung và cập nhật nguồn học liệu.

Trường đã ban hành quy chế, nội quy thư viện và phòng đọc nhằm chuẩn hóa hoạt động phục vụ. Quy chế nêu rõ trách nhiệm quản lý, quyền lợi và nghĩa vụ của bạn đọc, đồng thời quy định cụ thể về thời gian, cách thức sử dụng tài liệu, phòng đọc. Việc áp dụng quy chế, nội quy giúp tăng hiệu quả khai thác thư viện, đồng thời xây dựng môi trường học tập văn minh, có kỷ luật. Đây là cơ sở quan trọng để nâng cao hiệu quả phục vụ HSSV, cán bộ, giảng viên.

Nhà trường có hồ sơ thiết kế và bản vẽ hoàn công thư viện, cho thấy cơ sở hạ tầng thư viện được xây dựng đúng quy chuẩn, bảo đảm diện tích sử dụng theo định mức. Thư viện được bố trí phòng đọc điện tử, phòng đọc cán bộ – giảng viên, phòng đọc HSSV, kho sách riêng biệt. Cơ sở vật chất này giúp đáp ứng đồng thời nhiều nhóm đối tượng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc nghiên cứu, học tập, đồng thời phù hợp với định hướng phát triển học liệu số và học tập suốt đời (5.7.01. *Sổ kiểm kê thư viện các cơ sở năm 2022, 2023, 2024*; 5.7.02. *Quy chế tổ chức hoạt động của Thư viện và Nội quy phòng đọc*; 5.7.03. *Hồ sơ thiết kế, bản vẽ hoàn công các công trình (trong đó có Thư viện)*).

Như vậy, Nhà trường có hệ thống thư viện được đầu tư cả về cơ sở vật chất, nguồn học liệu và quy chế quản lý. Thư viện cơ bản đáp ứng nhu cầu đọc, tra cứu tài liệu của cán bộ, giảng viên và HSSV, đồng thời từng bước phát triển mô hình thư viện điện tử. Tuy nhiên, vẫn cần bổ sung thêm các tài liệu quốc tế, tài liệu chuyên sâu cho từng ngành nghề, cũng như đẩy mạnh số hóa học liệu để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong GDNN.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 7: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 8: *Thư viện, nguồn học liệu đầy đủ và phù hợp, được cập nhật, áp dụng những tiến bộ về công nghệ thông tin trong quản lý, sử dụng, bảo đảm hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy, học, nghiên cứu của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động và người học.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Thư viện trường đã lập và cập nhật danh mục giáo trình, tài liệu học tập phục vụ các ngành nghề đào tạo. Danh mục thể hiện sự đầy đủ và phù hợp với chương trình đào tạo hiện hành. Thư viện có hàng nghìn đầu sách, giáo trình và tài liệu tham khảo được phân loại rõ ràng theo từng lĩnh vực. Việc duy trì và cập nhật danh mục giúp người học và giảng viên dễ dàng tra cứu, đồng thời đảm bảo tính minh bạch trong công tác quản lý học liệu.

Trường đã triển khai thư viện điện tử, có hợp đồng cung cấp dịch vụ, giao diện truy cập và trang web cho phép người học, giảng viên tra cứu học liệu từ xa. Đây là bước tiến so với giai đoạn trước 2024, khi thư viện chủ yếu hoạt động theo hình thức truyền thống. Việc áp dụng CNTT trong quản lý và khai thác học liệu giúp tăng khả năng tiếp cận, tiết kiệm thời gian, đồng thời hỗ trợ định hướng chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp.

Thư viện thường xuyên xây dựng kế hoạch hướng dẫn HSSV cách thức tìm kiếm, khai thác học liệu, đồng thời tổ chức các hoạt động ngoại khóa như ngày hội đọc sách nhằm khuyến khích văn hóa đọc. Các kế hoạch này thể hiện sự quan tâm tới việc phát triển kỹ năng tự học, tự nghiên cứu cho người học, giúp họ chủ động hơn trong quá trình học tập và nghiên cứu khoa học.

Báo cáo hoạt động thư viện phản ánh đầy đủ tình hình phục vụ bạn đọc, số lượng tài liệu bổ sung, số lượt mượn – trả, các hoạt động hỗ trợ giảng dạy, nghiên cứu. Theo báo cáo 2024, số lượt truy cập thư viện và thư viện điện tử đều tăng qua từng năm, chứng tỏ hiệu quả khai thác nguồn học liệu ngày càng cao. Đây là căn cứ quan trọng để nhà trường đánh giá chất lượng phục vụ và lập kế hoạch cải tiến.

Trường thực hiện khảo sát định kỳ để lấy ý kiến phản hồi của người học. Kết quả khảo sát năm 2022–2024 cho thấy đa số người học hài lòng với chất lượng tài liệu, không gian thư viện, sự hỗ trợ của cán bộ thư viện. Tuy nhiên, vẫn còn ý kiến đề nghị tăng thêm số lượng tài liệu điện tử, đặc biệt là tài liệu tiếng Anh chuyên ngành và tài liệu cập nhật từ doanh nghiệp. Đây là thông tin quan trọng để nhà trường tiếp tục cải tiến (5.8.01. Danh mục giáo trình, tài liệu tại thư viện; 5.8.02. Hồ sơ về Thư viện điện tử (Hợp đồng, hình ảnh giao diện, trang web); 5.8.03. Kế hoạch hướng dẫn sinh viên tra cứu và sử dụng tài liệu, Kế hoạch tổ chức ngày hội đọc sách; 5.8.04. Báo cáo hoạt động Thư viện các năm học; 5.8.05. Báo cáo kết quả lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy (trong đó có nội dung về học liệu, thư viện)).

Như vậy, thư viện và nguồn học liệu của trường đã được xây dựng đầy đủ, phù hợp với chương trình đào tạo và đang từng bước hiện đại hóa theo hướng ứng dụng CNTT. Thư viện không chỉ đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của cán bộ, giảng viên, HSSV mà còn góp phần xây dựng văn hóa học tập suốt đời. Tuy nhiên, cần tăng cường hơn nữa tài liệu quốc tế, mở rộng cơ sở dữ liệu điện tử và nâng cao chất lượng dịch vụ trực tuyến để phù hợp với xu thế chuyển đổi số trong GDNN.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 8: 2 điểm.

TIÊU CHÍ 6: NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ

Đánh giá tổng quát:

Trong giai đoạn 2022–2024, Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại đã ban hành và triển khai đầy đủ hệ thống văn bản, chính sách khuyến khích nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và hợp tác quốc tế. Hằng năm, trường đều tổ chức các đề tài nghiên cứu, sáng kiến cấp trường trở lên, có hồ sơ giao nhiệm vụ, thẩm định, nghiệm thu và tổng kết, qua đó nhiều kết quả nghiên cứu đã được ứng dụng trực tiếp vào giảng dạy, cải tiến phương pháp đào tạo, phát triển chương trình và phục vụ cộng đồng.

Hoạt động công bố khoa học đã ghi nhận kết quả tích cực, tiêu biểu là bài báo quốc tế đăng trên *International Journal of Engineering Research & Technology (IJERT)* năm 2022 của giảng viên khoa Điện – Tự động hóa. Đây là minh chứng cho việc đội ngũ giảng viên của trường đã từng bước hội nhập vào môi trường nghiên cứu quốc tế. Ngoài ra, các báo cáo tổng kết cho thấy kết quả nghiên cứu đã được ứng dụng ở nhiều lĩnh vực: xây dựng giáo trình, bài giảng điện tử, mô hình, thiết bị thực hành và sáng kiến cải tiến quản lý.

Hoạt động hợp tác quốc tế ngày càng được đẩy mạnh với nhiều biên bản ghi nhớ (MOU) và thỏa thuận hợp tác ký kết với các cơ sở đào tạo, tổ chức nước ngoài. Trường đã triển khai chương trình trao đổi giảng viên, sinh viên, tiếp nhận chuyên gia và tình nguyện viên quốc tế đến giảng dạy; đồng thời cử cán bộ, giảng viên và HSSV đi học tập, bồi dưỡng tại nước ngoài. Báo cáo tổng kết cho thấy các hoạt động này góp phần thiết thực nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, ngoại ngữ và mở rộng cơ hội hội nhập quốc tế cho người học.

Những tồn tại:

- Số lượng đề tài NCKH, sáng kiến cải tiến còn hạn chế, chưa tương xứng với tiềm năng đội ngũ.
- Hoạt động công bố khoa học quốc tế chưa duy trì ổn định, mới có ít công bố nổi bật.
- Nguồn kinh phí hỗ trợ nghiên cứu còn hạn chế, phụ thuộc chủ yếu vào ngân sách nhà trường, chưa huy động hiệu quả từ doanh nghiệp và đối tác.

- Do không có kinh phí để thực hiện nên các năm từ 2022 đến 2024 Nhà trường không có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ cho công tác đào tạo của trường.

- Hoạt động hợp tác quốc tế còn khiêm tốn về quy mô và số lượng đối tác, chủ yếu trong khu vực; chưa có nhiều chương trình liên kết đào tạo dài hạn với các cơ sở quốc tế uy tín.

Kế hoạch nâng cao chất lượng:

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích NCKH: tăng cường mức hỗ trợ kinh phí, giảm định mức giảng dạy cho giảng viên có đề tài; gắn kết quả nghiên cứu với thi đua, đánh giá, bổ nhiệm cán bộ.

- Thành lập và khuyến khích các nhóm nghiên cứu liên ngành, liên khoa để tăng số lượng đề tài, khả năng công bố và ứng dụng.

- Xây dựng lộ trình phát triển công bố khoa học quốc tế: tổ chức hội thảo khoa học thường niên, hỗ trợ phí công bố trên tạp chí uy tín, tập huấn kỹ năng viết bài quốc tế cho giảng viên.

- Mở rộng hợp tác với doanh nghiệp và địa phương để đặt hàng đề tài nghiên cứu, đồng tài trợ cho các sáng kiến cải tiến, chuyển giao sản phẩm phục vụ sản xuất và cộng đồng.

- Tăng cường hợp tác quốc tế: mở rộng đối tác ngoài khu vực, triển khai chương trình trao đổi dài hạn, hợp tác nghiên cứu, liên kết đào tạo song bằng, từng bước hội nhập chuẩn mực giáo dục nghề nghiệp quốc tế.

- Hoàn thiện hệ thống giám sát, đánh giá kết quả NCKH, sáng kiến và hợp tác quốc tế; công khai minh bạch kết quả nghiên cứu và hợp tác để tạo động lực thi đua và tăng uy tín học thuật.

Điểm đánh giá tiêu chí 6:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 6	4
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	0
Tiêu chuẩn 3	0
Tiêu chuẩn 4	2

Tiêu chuẩn 1: Trường ban hành quy định và thực hiện chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động và người học tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến, chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo và phục vụ cộng đồng.

Mô tả, phân tích, nhận định: Trong những năm qua, Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại luôn quan tâm, ban hành và triển khai các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động và người học tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ. Đây được coi là một nhiệm vụ trọng tâm gắn liền với mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo và phục vụ cộng đồng.

Nhà trường đã xây dựng hệ thống văn bản quy định cụ thể về chế độ làm việc, chi tiêu nội bộ, thi đua khen thưởng gắn với hoạt động nghiên cứu khoa học. Ví dụ, trong Quy định chế độ làm việc của nhà giáo có quy định quy đổi khối lượng thực hiện đề tài NCKH thành giờ chuẩn giảng dạy; trong Quy chế chi tiêu nội bộ có nêu rõ mức khen thưởng cho giảng viên có đề tài được nghiệm thu đạt loại khá, giỏi, xuất sắc. Những chính sách này tạo động lực cho đội ngũ tích cực tham gia nghiên cứu và đổi mới sáng tạo.

Ngoài ra, trường còn ban hành quy chế riêng về hoạt động khoa học và công nghệ, quy định rõ trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân trong việc đăng ký, triển khai, nghiệm thu và ứng dụng kết quả nghiên cứu. Các quyết định khuyến khích cụ thể đối với cán bộ, giảng viên và HSSV khi có công trình, sáng kiến được công nhận đã góp phần thúc đẩy phong trào nghiên cứu trong toàn trường (6.1.01. Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy định thi đua khen thưởng, chính sách khuyến khích NCKH và sáng kiến cải tiến; 6.1.02. Quy chế/Quy định riêng về hoạt động Khoa học và Công nghệ của trường; 6.1.03. Các Quyết định ban hành chính sách khuyến khích cán bộ, nhà giáo, HSSV tham gia NCKH, sáng kiến; 6.1.04. Danh sách đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến được duyệt hằng năm; 6.1.05. Quyết định phê duyệt, Biên bản nghiệm thu đề tài NCKH/sáng kiến; 6.1.06. Báo cáo/sản phẩm ứng dụng kết quả NCKH, sáng kiến vào đào tạo và phục vụ cộng đồng; 6.1.07. Báo cáo tổng kết hoạt động NCKH, sáng kiến cải tiến, phục vụ cộng đồng hằng năm).

Qua tổng kết các năm, hoạt động NCKH và sáng kiến cải tiến không chỉ góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy, đổi mới phương pháp đào tạo mà còn mang lại

lợi ích thiết thực trong công tác quản lý, cải tiến quy trình làm việc, đồng thời có sản phẩm phục vụ cộng đồng và doanh nghiệp. Tuy nhiên, số lượng đề tài và sáng kiến còn chưa nhiều so với tiềm năng của đội ngũ; một số sản phẩm nghiên cứu chưa được triển khai ứng dụng rộng rãi, chủ yếu dừng ở phạm vi nội bộ. Trong thời gian tới, trường cần tiếp tục hoàn thiện chính sách hỗ trợ về tài chính, giảm định mức giảng dạy cho giảng viên có đề tài nghiên cứu, đồng thời tăng cường gắn kết với doanh nghiệp để mở rộng khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn sản xuất và dịch vụ.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 1: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 2: *Hàng năm, trường có tổ chức thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên, được ứng dụng, phục vụ trực tiếp công tác đào tạo của trường và phục vụ cộng đồng.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Hàng năm, Trường tổ chức lập và phê duyệt danh mục các đề tài nghiên cứu khoa học (NCKH) và sáng kiến cải tiến (SKCT) ở cấp trường (giai đoạn gần đây: 2022–2024), bảo đảm có kế hoạch triển khai, giao nhiệm vụ và hợp đồng thực hiện; quá trình thực hiện được theo dõi bằng hồ sơ đề cương, tiến độ và báo cáo giữa kỳ; khi hoàn thành có biên bản/ quyết định nghiệm thu.

Việc có danh mục đề tài được phê duyệt hàng năm giúp nhà trường chọn lọc các đề tài có tính ứng dụng cao, phù hợp với nhu cầu đổi mới chương trình, phương pháp giảng dạy và nhu cầu thực tế của doanh nghiệp/địa phương. Quyết định giao nhiệm vụ/ hợp đồng và hồ sơ triển khai là cơ sở pháp lý và quản lý để đảm bảo tiến độ, trách nhiệm và chất lượng thực hiện. Biên bản nghiệm thu và báo cáo tổng hợp kết quả cho thấy những đề tài hoàn thành đã được đánh giá theo tiêu chí khoa học và tính ứng dụng. Quan trọng hơn, một số kết quả nghiên cứu và sáng kiến sau nghiệm thu đã được chuyển hóa thành sản phẩm (mô hình, thiết bị dạy học, phần mềm, tài liệu...), được tích hợp vào giảng dạy (giáo trình, bài giảng, thực hành) và/hoặc chuyển giao cho đơn vị sử dụng, góp phần phục vụ trực tiếp công tác đào tạo và phục vụ cộng đồng.

Tuy nhiên, do không có kinh phí để thực hiện nên các năm từ 2022 đến 2024 Nhà trường không có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ cho công tác đào tạo của trường. Tỷ lệ đề tài có sản phẩm ứng dụng/được chuyển giao còn khiêm tốn so với tổng số đề tài; việc lưu trữ, hệ thống hóa minh chứng ứng dụng chưa đồng bộ ở một vài trường hợp; nguồn lực (kinh phí, thời gian)

dành cho triển khai, nhân rộng kết quả cần được tăng cường (6.2.01. *Quyết định phê duyệt danh mục đề tài NCKH, sáng kiến cấp trường hằng năm (2022, 2023, 2024)*; 6.2.02. *Quyết định giao nhiệm vụ/ Hợp đồng thực hiện đề tài, sáng kiến*; 6.2.03. *Hồ sơ triển khai nghiên cứu: đề cương, tiến độ, báo cáo giữa kỳ*; 6.2.04. *Biên bản nghiệm thu đề tài NCKH, sáng kiến cải tiến (2022, 2023, 2024)*; 6.2.05. *Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu, sáng kiến cải tiến*; 6.2.06. *Sản phẩm nghiên cứu, sáng kiến (mô hình, thiết bị dạy học, phần mềm, tài liệu...)*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 2: 0 điểm.

Tiêu chuẩn 3: *Hằng năm, trường có các bài báo của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các tạp chí chuyên ngành hoặc ấn phẩm tương đương.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Nhà trường luôn chú trọng khuyến khích đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, viên chức và người lao động tham gia nghiên cứu và công bố kết quả trên các tạp chí khoa học, kỷ yếu hội thảo trong và ngoài nước. Hoạt động này vừa thể hiện năng lực nghiên cứu khoa học của đội ngũ, vừa góp phần nâng cao vị thế và uy tín học thuật của trường.

Trong giai đoạn 2022–2024, trường đã có một số công bố khoa học đáng chú ý. Năm 2022, giảng viên của khoa Điện – Tự động hóa có bài báo “Phase Earth-Fault Short-Circuit Automatically Connecting and Detecting Device Solution to Enhance the Reliability of 6KV Grid Power Supply in Open-Pit Mines in Quang Ninh Area-Vietnam” đăng trên *International Journal of Engineering Research & Technology (IJERT)*, một tạp chí quốc tế có chỉ số uy tín. Đây là minh chứng rõ rệt cho thấy năng lực nghiên cứu của đội ngũ giảng viên không chỉ dừng lại ở quy mô trong nước mà còn từng bước vươn ra quốc tế.

Tuy nhiên, trong các năm 2023 và 2024, trường chưa có thêm công bố khoa học mới. Điều này cho thấy hoạt động công bố quốc tế và trong nước của nhà trường chưa ổn định, còn phụ thuộc nhiều vào sự nỗ lực đơn lẻ của một số cá nhân. Nguyên nhân được xác định chủ yếu do khối lượng giảng dạy của giảng viên lớn, thời gian dành cho nghiên cứu khoa học hạn chế, đồng thời thiếu nguồn kinh phí hỗ trợ xuất bản quốc tế.

Mặc dù vậy, việc đã có công bố quốc tế trong năm 2022 là một điểm mạnh cần phát huy. Trong thời gian tới, trường cần có chính sách hỗ trợ tài chính, khuyến khích công bố quốc tế, tổ chức các nhóm nghiên cứu theo chuyên ngành, tạo điều kiện giảm

tải giảng dạy cho giảng viên có đề tài nghiên cứu để gia tăng số lượng và chất lượng công bố. Đây là giải pháp vừa góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, vừa khẳng định uy tín học thuật của nhà trường trong nước và quốc tế (6.3.01. Danh mục bài báo khoa học, bài viết đăng trên tạp chí chuyên ngành/ấn phẩm tương đương; 6.3.02. Bản sao các bài báo, ấn phẩm khoa học đã công bố; 6.3.03. Báo cáo tổng kết hoạt động NCKH và sáng kiến hàng năm của trường).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 3: 0 điểm.

Tiêu chuẩn 4: Có hoạt động hợp tác quốc tế với các trường hoặc các tổ chức, cá nhân nước ngoài góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại luôn coi hợp tác quốc tế là một trong những giải pháp quan trọng nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, cập nhật tri thức mới và mở rộng cơ hội học tập, trải nghiệm cho giảng viên, cán bộ quản lý và HSSV.

Nhà trường đã ký kết nhiều Biên bản ghi nhớ (MOU), thỏa thuận hợp tác với trường, tổ chức, cá nhân nước ngoài, mở ra cơ hội liên kết, hợp tác trong đào tạo, nghiên cứu và trao đổi học thuật. Các MOU này là cơ sở pháp lý và định hướng cho các hoạt động hợp tác quốc tế được triển khai thực tế.

Trên cơ sở đó, Trường xây dựng và thực hiện Hồ sơ triển khai hợp tác quốc tế: kế hoạch, chương trình làm việc, quyết định cử cán bộ, HSSV tham gia. Các hoạt động triển khai gồm trao đổi học thuật, tham gia các khóa tập huấn, dự hội thảo quốc tế, giúp cán bộ và HSSV tiếp cận kiến thức, công nghệ mới và mô hình đào tạo tiên tiến. Kết quả được phản ánh trong Báo cáo kết quả hoạt động hợp tác quốc tế hằng năm, cho thấy các hoạt động hợp tác diễn ra thường xuyên, có hiệu quả và ngày càng mở rộng về quy mô, nội dung.

Bên cạnh việc đưa cán bộ, HSSV ra nước ngoài học tập, Trường còn chủ động tiếp nhận chuyên gia, giảng viên, tình nguyện viên quốc tế đến giảng dạy, trao đổi. Đây là cơ hội quý để giảng viên và sinh viên của Trường được tiếp cận trực tiếp với tri thức, kỹ năng và phương pháp giảng dạy hiện đại từ các chuyên gia quốc tế. Đồng thời, Hồ sơ minh chứng HSSV, cán bộ, nhà giáo tham gia học tập, thực tập, bồi dưỡng ở nước ngoài trong khuôn khổ hợp tác đã khẳng định Trường tạo điều kiện thuận lợi để HSSV, cán bộ được trải nghiệm môi trường giáo dục quốc tế, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp và ngoại ngữ.

Hoạt động hợp tác quốc tế của Trường được tổng hợp, đánh giá toàn diện trong Báo cáo tổng kết hoạt động hợp tác quốc tế, thể hiện tác động đến chất lượng đào tạo. Báo cáo này chỉ ra rằng việc hợp tác quốc tế đã góp phần cải thiện năng lực giảng viên, nâng cao trình độ ngoại ngữ, kỹ năng của sinh viên, đồng thời tăng cường tính hội nhập trong chương trình đào tạo (6.4.01. *Biên bản ghi nhớ (MOU), thỏa thuận hợp tác với trường, tổ chức, cá nhân nước ngoài*; 6.4.02. *Hồ sơ triển khai hợp tác quốc tế: kế hoạch, chương trình làm việc, quyết định cử cán bộ, HSSV tham gia*; 6.4.03. *Báo cáo kết quả hoạt động hợp tác quốc tế hằng năm (2022, 2023, 2024)*; 6.4.04. *Hồ sơ minh chứng tiếp nhận chuyên gia, giảng viên, tình nguyện viên quốc tế đến giảng dạy, trao đổi*; 6.4.05. *Hồ sơ minh chứng HSSV, cán bộ, nhà giáo tham gia học tập, thực tập, bồi dưỡng ở nước ngoài trong khuôn khổ hợp tác*; 6.4.06. *Báo cáo tổng kết hoạt động hợp tác quốc tế, thể hiện tác động đến chất lượng đào tạo*).

Tổng thể, có thể khẳng định rằng các hoạt động hợp tác quốc tế của Trường đã được triển khai bài bản, đa dạng về hình thức, đem lại tác động tích cực đến chất lượng đào tạo. Tuy nhiên, để đạt hiệu quả cao hơn, Trường cần tiếp tục mở rộng hợp tác với các cơ sở đào tạo nghề chất lượng cao trong khu vực và quốc tế, đặc biệt ở các lĩnh vực công nghệ mới, nhằm đáp ứng xu thế toàn cầu hóa và chuyển đổi số.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 4: 2 điểm.

TIÊU CHÍ 7: DỊCH VỤ CHO NGƯỜI HỌC

Đánh giá tổng quát:

Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại xác định công tác dịch vụ cho người học là nhiệm vụ trọng tâm, nhằm bảo đảm quyền lợi, nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng nhu cầu phát triển toàn diện của HSSV. Nhà trường đã công khai đầy đủ thông tin về ngành nghề, chương trình đào tạo, quy chế đào tạo, xét công nhận tốt nghiệp, nội quy, quy chế và các chế độ chính sách dành cho người học qua website, bảng tin, hệ thống quản lý đào tạo và các buổi “Tuần sinh hoạt công dân – HSSV”.

HSSV được đảm bảo quyền lợi tiếp cận đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định của Nhà nước: miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, cấp học bổng, hỗ trợ nội trú, BHYT... Bên cạnh đó, nhà trường còn ban hành chính sách khen thưởng, động viên kịp thời đối với HSSV đạt thành tích trong học tập, rèn luyện, đồng thời có hỗ trợ đặc thù cho HSSV có hoàn cảnh khó khăn. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp, tình nguyện xã hội được tổ chức thường xuyên, góp phần phát triển kỹ năng mềm, phẩm chất và năng lực toàn diện cho người học.

Nhà trường đã xây dựng hệ thống quản lý, giám sát người học kết hợp với công tác tư vấn, hướng nghiệp, giới thiệu việc làm sau tốt nghiệp; định kỳ lấy ý kiến phản hồi của HSSV và các bên liên quan để điều chỉnh, cải tiến hoạt động phục vụ. Điều này giúp tăng sự hài lòng của người học và nâng cao uy tín, thương hiệu của trường.

Những tồn tại:

- Một số dịch vụ hỗ trợ còn hạn chế về quy mô và nguồn lực, đặc biệt là học bổng xã hội, hỗ trợ ngoài ngân sách.
- Công tác cập nhật thông tin trên website, hệ thống quản lý đào tạo đôi khi còn chậm.
- Một số hoạt động ngoại khóa, văn hóa, thể thao chưa được tổ chức đồng đều, phong phú giữa các khoa, bộ môn.
- Công tác khảo sát sự hài lòng của HSSV và bên liên quan còn chưa thường xuyên, kết quả khảo sát chưa được công khai rộng rãi.

Kế hoạch nâng cao chất lượng:

- Nâng cấp hệ thống quản lý đào tạo và công thông tin HSSV, đảm bảo công khai, cập nhật kịp thời các thông tin về đào tạo, thi, kết quả học tập, rèn luyện và chế độ chính sách.

- Mở rộng nguồn học bổng, quỹ hỗ trợ bằng cách tăng cường hợp tác với doanh nghiệp, tổ chức xã hội, cựu HSSV để đa dạng hóa nguồn lực cho dịch vụ HSSV.

- Đa dạng hóa hoạt động văn hóa, thể thao, nghiên cứu khoa học và phong trào tình nguyện để thu hút nhiều HSSV tham gia, gắn với kỹ năng nghề nghiệp và tinh thần trách nhiệm xã hội.

- Thực hiện khảo sát sự hài lòng của HSSV và các bên liên quan định kỳ; công khai kết quả khảo sát và xây dựng kế hoạch cải tiến dựa trên phản hồi.

- Tăng cường vai trò của cố vấn học tập, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên trong việc theo dõi, hỗ trợ kịp thời những khó khăn của người học về học tập, đời sống và tâm lý.

Điểm đánh giá tiêu chí 7:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 7	10
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2

Tiêu chuẩn 1: Các thông tin về ngành, nghề, chương trình đào tạo và việc tổ chức thực hiện quy chế đào tạo, kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường và các chế độ, chính sách đối với người học được mô tả rõ ràng, đầy đủ và công khai.

Mô tả, phân tích, nhận định: Nhà trường luôn coi trọng công tác công khai, minh bạch các thông tin liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của người học. Trên website chính thức của trường, bảng tin tại các cơ sở đào tạo và trong các buổi sinh hoạt công dân – HSSV, các thông tin về ngành, nghề đào tạo, chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra, kế hoạch đào tạo hàng năm, quy chế đào tạo, quy định thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp đều được công bố rõ ràng.

Các quy chế đào tạo được ban hành và cập nhật thường xuyên, phù hợp với quy định hiện hành của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, bảo đảm người học dễ tiếp cận, dễ tra cứu. Bên cạnh đó, trường cũng xây dựng và công bố quy chế công tác học sinh – sinh viên, nội quy học tập, rèn luyện và các chế độ, chính sách như miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, chính sách nội trú. Các quyết định miễn giảm học phí cho học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên trình độ trung cấp được công bố công khai, tạo điều kiện cho người học an tâm học tập.

Đặc biệt, “Tuần sinh hoạt công dân – HSSV” đầu khóa được tổ chức hằng năm là dịp để phổ biến trực tiếp các quy chế, quy định, chính sách và cung cấp đầy đủ thông tin về đào tạo, rèn luyện, hỗ trợ người học. Hoạt động này giúp HSSV hiểu rõ quyền lợi, nghĩa vụ và ý thức trách nhiệm trong quá trình học tập tại trường.

Các chính sách, thông tin và quy định được truyền thông đa dạng, cập nhật liên tục, góp phần bảo đảm tính minh bạch và quyền lợi hợp pháp của người học, đồng thời thể hiện sự quan tâm của nhà trường trong công tác quản lý, hỗ trợ người học (2.3.01. Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng và trung cấp; 7.1.01. Quy chế công tác học sinh, sinh viên; 7.1.02. Danh mục ngành, nghề, chương trình đào tạo được phê duyệt, công khai trên website; 7.1.03. Thông báo về việc hoàn thiện hồ sơ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và chính sách nội trú các năm học; 7.1.04. Quyết định về việc miễn giảm học phí cho học sinh thuộc đối tượng tốt nghiệp THCS học tiếp lên trình độ Trung cấp các năm học; 7.1.05. Kế hoạch tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân - HSSV” đầu khóa; 7.1.06. Website chính thức của trường (www.coit.edu.vn))

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 1: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định, bảo đảm quyền lợi của người học, tạo điều kiện cho người học thuộc đối tượng chính sách có cơ hội tiếp cận học nghề, lập nghiệp. Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại luôn xác định chính sách hỗ trợ người học là một trong những yếu tố then chốt để thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục nghề nghiệp. Nhà trường đã ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên làm căn cứ pháp lý để triển khai đồng bộ các chế độ, chính sách liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ và sự hỗ trợ toàn diện cho HSSV.

Hằng năm, Trường ban hành Thông báo về việc hoàn thiện hồ sơ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và chính sách nội trú các năm học, đảm bảo công khai, minh bạch và hướng dẫn chi tiết để HSSV thuộc diện chính sách có thể tiếp cận thuận lợi. Bên cạnh đó, Nhà trường ra Quyết định về việc miễn giảm học phí cho học sinh thuộc đối tượng tốt nghiệp THCS học tiếp lên trình độ Trung cấp các năm học, thể hiện rõ trách nhiệm trong việc khuyến khích và hỗ trợ người học yếu thế, giúp họ có cơ hội học nghề và lập nghiệp.

Trường còn tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân - HSSV” đầu khóa, trong đó phổ biến chế độ, chính sách, quyền lợi và nghĩa vụ của người học. Đây là hoạt động thiết thực, vừa giúp sinh viên nắm rõ quyền lợi, vừa nâng cao ý thức trách nhiệm trong học tập và rèn luyện.

Bên cạnh đó, Trường thường xuyên rà soát, tổng hợp Danh sách HSSV thuộc diện chính sách được hưởng chế độ ưu tiên, miễn giảm học phí, hỗ trợ học tập. Trên cơ sở đó, Trường lập Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện chế độ, chính sách đối với người học hằng năm gửi cơ quan quản lý và công khai trước toàn trường. Báo cáo này phản ánh tính kịp thời, minh bạch và đầy đủ trong việc thực hiện các chế độ, chính sách cho người học.

Đặc biệt, Nhà trường còn ban hành Quyết định về việc cấp học bổng chính sách và các khoản hỗ trợ khác đối với HSSV, nhằm động viên, khuyến khích HSSV phấn đấu học tập và rèn luyện tốt. Việc thực hiện học bổng chính sách cũng góp phần bảo đảm tính bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo hay xuất thân (7.1.01. Quy chế công tác học sinh, sinh viên; 7.1.03. Thông báo về việc hoàn thiện hồ sơ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và chính sách nội trú các năm học; 7.1.04. Quyết định về việc miễn giảm học phí cho học sinh thuộc đối tượng tốt nghiệp THCS học tiếp lên trình độ Trung cấp các năm học; 7.1.05. Kế hoạch tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân - HSSV” đầu khóa (phổ biến chế độ, chính sách, quyền lợi, nghĩa vụ của người học); 7.2.01. Danh sách HSSV thuộc diện chính sách được hưởng chế độ ưu tiên, miễn giảm học phí, hỗ trợ học tập; 7.2.02. Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện chế độ, chính sách đối với người học hằng năm; 7.2.03. Quyết định về việc cấp học bổng chính sách và các khoản hỗ trợ khác đối với HSSV).

Từ các minh chứng nêu trên, có thể khẳng định Nhà trường đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định và minh bạch các chính sách hỗ trợ người học, bảo đảm quyền lợi

và tạo điều kiện thuận lợi để mọi HSSV, đặc biệt là đối tượng chính sách, có cơ hội tiếp cận học nghề. Tuy nhiên, Trường vẫn cần tiếp tục đa dạng hóa các nguồn học bổng xã hội hóa, tăng cường sự phối hợp với doanh nghiệp và các tổ chức để mở rộng thêm cơ hội hỗ trợ HSSV, nhất là trong bối cảnh chi phí học tập và sinh hoạt ngày càng tăng.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 2: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 3: *Trường có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện; hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập để hoàn thành nhiệm vụ học tập.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại đã ban hành Quy chế xét cấp học bổng khuyến khích học tập cho học sinh, sinh viên làm căn cứ để triển khai việc khen thưởng, khuyến khích HSSV có thành tích xuất sắc trong học tập và rèn luyện. Quy chế này quy định cụ thể về đối tượng, điều kiện, mức học bổng và quy trình xét duyệt, bảo đảm tính công bằng, minh bạch, góp phần tạo động lực cho HSSV phấn đấu.

Hằng năm, Nhà trường đều có Hồ sơ khen thưởng HSSV gồm Quyết định thành lập Hội đồng, Quyết định khen thưởng và danh sách HSSV được khen thưởng. Việc khen thưởng không chỉ dừng lại ở học tập mà còn mở rộng sang các hoạt động rèn luyện, phong trào đoàn thể, thể hiện sự quan tâm toàn diện đến sự phát triển của HSSV.

Bên cạnh đó, để hỗ trợ kịp thời cho HSSV có hoàn cảnh khó khăn, Nhà trường đã lập Hồ sơ miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, chính sách nội trú.... Việc thực hiện chính sách này vừa mang tính nhân văn, vừa giúp HSSV yên tâm học tập, hạn chế tình trạng bỏ học do khó khăn kinh tế.

Công tác minh bạch thông tin cũng được Nhà trường chú trọng, thể hiện qua việc công khai thông tin về khen thưởng, học bổng, chính sách hỗ trợ trên website của trường. Điều này giúp HSSV dễ dàng tiếp cận các chính sách, đồng thời bảo đảm tính khách quan trong việc thực hiện.

Ngoài ra, Trường ban hành Quy định về công tác giáo viên chủ nhiệm tại trường nhằm tăng cường vai trò tư vấn, hỗ trợ, giám sát HSSV trong học tập và rèn luyện. Giáo viên chủ nhiệm là cầu nối trực tiếp giữa Nhà trường với HSSV, kịp thời phát hiện khó khăn và đề xuất biện pháp hỗ trợ hiệu quả (7.3.01. Quy chế xét cấp học

bổng khuyến khích học tập cho học sinh, sinh viên.; 7.3.02. Hồ sơ khen thưởng HSSV (Quyết định thành lập Hội đồng, Quyết định và danh sách khen thưởng...); 7.3.03. Hồ sơ miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, chính sách nội trú... dành cho HSSV có hoàn cảnh khó khăn; 7.3.04. Công khai thông tin về khen thưởng, học bổng, chính sách hỗ trợ trên website trường; 7.3.05. Quy định về công tác giáo viên chủ nhiệm tại trường).

Từ các minh chứng nêu trên, có thể nhận định rằng Trường đã xây dựng và thực hiện đồng bộ các chính sách khuyến khích, khen thưởng và hỗ trợ HSSV. Nhờ đó, người học được khích lệ về tinh thần, hỗ trợ về vật chất, giúp họ hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập. Tuy nhiên, nguồn học bổng xã hội và khen thưởng từ doanh nghiệp còn hạn chế; cần tiếp tục mở rộng hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp để tăng quy mô và giá trị học bổng, tạo điều kiện hỗ trợ nhiều HSSV hơn nữa.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 3: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 4: *Người học được tạo điều kiện tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, nghiên cứu khoa học và các hoạt động xã hội khác để phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Nhà trường luôn quan tâm đến việc xây dựng môi trường giáo dục toàn diện cho người học, không chỉ chú trọng kiến thức và kỹ năng nghề mà còn khuyến khích HSSV tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, nghiên cứu khoa học và các hoạt động xã hội. Hằng năm, Trường xây dựng Kế hoạch tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao làm cơ sở để triển khai thực hiện các phong trào dành cho HSSV.

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ được tổ chức thường xuyên, thể hiện qua Hồ sơ hoạt động văn hóa, văn nghệ của HSSV, góp phần phát huy năng khiếu, tinh thần tập thể và rèn luyện sự tự tin cho người học. Song song với đó, Hồ sơ hoạt động thể dục, thể thao của HSSV cho thấy Trường đã tổ chức nhiều giải đấu thể thao nội bộ, tham gia các giải đấu cấp tỉnh, qua đó nâng cao thể chất và tinh thần đoàn kết của HSSV.

Bên cạnh hoạt động văn hóa, thể thao, Trường còn khuyến khích HSSV tham gia nghiên cứu khoa học, hội thi sáng tạo và khởi nghiệp, thể hiện ở Hồ sơ tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, hội thi sáng tạo, khởi nghiệp của HSSV. Đây là minh

chứng rõ nét cho việc gắn đào tạo với thực tiễn, tạo cơ hội cho HSSV rèn luyện tư duy sáng tạo, khả năng nghiên cứu và đổi mới.

Tinh thần trách nhiệm với cộng đồng cũng được thể hiện qua Hồ sơ hoạt động tình nguyện, xã hội, phục vụ cộng đồng của HSSV. Những hoạt động này giúp HSSV nâng cao ý thức công dân, phát triển kỹ năng mềm và bồi dưỡng phẩm chất nhân văn. Để động viên kịp thời, Trường lưu giữ Minh chứng khen thưởng, giấy chứng nhận, giải thưởng của HSSV trong các hoạt động văn hóa, TDTT, NCKH, xã hội, thể hiện sự ghi nhận những thành tích mà HSSV đạt được.

Thông tin về các hoạt động này được công khai trên website, bản tin trường, góp phần lan tỏa hình ảnh tích cực của HSSV và tạo động lực cho các thế hệ sau. Đồng thời, Báo cáo tổng kết công tác đoàn các năm cho thấy vai trò quan trọng của Đoàn Thanh niên trong việc tổ chức, triển khai và định hướng các phong trào, bảo đảm hoạt động đa dạng, phù hợp với từng giai đoạn (*7.4.01. Kế hoạch tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao các năm; 7.4.02. Hồ sơ hoạt động văn hóa, văn nghệ của HSSV; 7.4.03. Hồ sơ hoạt động thể dục, thể thao của HSSV; 7.4.04. Hồ sơ tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, hội thi sáng tạo, khởi nghiệp của HSSV; 7.4.05. Hồ sơ hoạt động tình nguyện, xã hội, phục vụ cộng đồng của HSSV; 7.4.06. Minh chứng khen thưởng, giấy chứng nhận, giải thưởng của HSSV trong các hoạt động văn hóa, TDTT, NCKH, xã hội; 7.4.07. Công khai thông tin, tin bài hoạt động HSSV trên website, bản tin trường; 7.4.08. Báo cáo tổng kết công tác đoàn các năm*).

Từ các minh chứng trên, có thể nhận định rằng Nhà trường đã xây dựng và triển khai đồng bộ nhiều hoạt động giúp HSSV phát triển toàn diện cả về thể chất, tinh thần, trí tuệ và trách nhiệm xã hội. Tuy nhiên, để nâng cao hơn nữa hiệu quả, Trường cần tăng cường sự phối hợp với doanh nghiệp, tổ chức xã hội trong việc tổ chức các sân chơi sáng tạo, khởi nghiệp và mở rộng quy mô các hoạt động giao lưu văn hóa, thể thao cấp khu vực, quốc gia.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 4: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 5: *Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát, quản lý người học được định kỳ rà soát và cải tiến để đáp ứng nhu cầu của người học và các bên liên quan.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại luôn coi trọng công tác phục vụ và hỗ trợ người học, xây dựng hệ thống quản lý người

học chặt chẽ, đồng bộ và thường xuyên được rà soát, điều chỉnh để đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Nhà trường đã ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên, trong đó quy định rõ quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm và các chế độ chính sách dành cho người học, làm căn cứ cho toàn bộ công tác quản lý HSSV.

Hằng năm, Trường xây dựng Kế hoạch tổ chức các hoạt động hướng nghiệp và giới thiệu việc làm, qua đó cung cấp thông tin tuyển dụng, tạo điều kiện cho HSSV tiếp cận thị trường lao động, nâng cao cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp. Đối với HSSV nội trú, Nhà trường ban hành Quy định về quản lý HSSV nội trú, nhằm đảm bảo nề nếp sinh hoạt, an toàn và môi trường học tập thuận lợi.

Để chăm sóc sức khỏe và đời sống người học, Trường quản lý Hồ sơ y tế, Hợp đồng Canteen, Giấy chứng nhận Vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo đảm cung cấp dịch vụ ăn uống, y tế và các tiện ích sinh hoạt đạt chuẩn. Bên cạnh đó, Trường còn thường xuyên thu thập ý kiến phản hồi thông qua Phiếu khảo sát ý kiến người học và các bên liên quan về công tác quản lý, hỗ trợ HSSV và lập Báo cáo kết quả khảo sát HSSV về hiệu quả các hình thức đào tạo, cơ sở vật chất, chất lượng dịch vụ. Đây là cơ sở quan trọng để Nhà trường phân tích, đánh giá và kịp thời đưa ra giải pháp cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả phục vụ người học (7.1.01. Quy chế công tác học sinh, sinh viên; 7.5.01. Kế hoạch tổ chức các hoạt động hướng nghiệp và giới thiệu việc làm các năm; 7.5.02. Quy định về quản lý HSSV nội trú; 7.5.03. Hồ sơ y tế, Hợp đồng Canteen, Giấy chứng nhận Vệ sinh an toàn thực phẩm; 7.5.04. Phiếu khảo sát ý kiến người học và các bên liên quan về công tác quản lý, hỗ trợ HSSV; 7.5.05. Báo cáo kết quả khảo sát HSSV về hiệu quả các hình thức đào tạo, CSVC, chất lượng dịch vụ...).

Từ các minh chứng trên, có thể nhận định rằng hệ thống phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học của Trường đã được xây dựng khá toàn diện, góp phần bảo đảm quyền lợi, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và tạo động lực học tập cho HSSV. Tuy nhiên, để đáp ứng tốt hơn nhu cầu ngày càng đa dạng, Trường cần tiếp tục đẩy mạnh số hóa công tác quản lý HSSV, tăng cường kết nối với doanh nghiệp trong hỗ trợ việc làm và mở rộng các dịch vụ hỗ trợ học tập, khởi nghiệp.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 5: 2 điểm.

TIÊU CHÍ 8: GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG

1. Đánh giá tổng quát

Trong những năm qua, Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại đã xây dựng và vận hành hệ thống giám sát, đánh giá chất lượng đào tạo tương đối đồng bộ, gắn kết với hoạt động đảm bảo chất lượng nội bộ. Công tác quản lý tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ bỏ học được thực hiện thường xuyên thông qua Quyết định công nhận tốt nghiệp, Báo cáo tổng kết năm học, Biên bản phân tích nguyên nhân bỏ học và giải pháp cải tiến. Kết quả này góp phần duy trì tỷ lệ tốt nghiệp ổn định, giảm tỷ lệ bỏ học, đồng thời thể hiện cam kết chất lượng đầu ra.

Nhà trường đã triển khai các hoạt động khảo sát ý kiến đơn vị sử dụng lao động, cựu HSSV, cán bộ, viên chức và người học để đánh giá mức độ đáp ứng của chương trình đào tạo, chất lượng dịch vụ hỗ trợ, cơ sở vật chất và các chính sách liên quan. Các hoạt động này được cụ thể hóa qua Kế hoạch khảo sát hằng năm, Phiếu thu thập ý kiến, Danh sách đối tượng khảo sát, Báo cáo tổng hợp kết quả. Kết quả khảo sát được phân tích, sử dụng để cải tiến chương trình, điều chỉnh chính sách, nâng cao chất lượng dịch vụ, khẳng định sự tham gia rộng rãi của các bên liên quan trong quá trình đảm bảo chất lượng.

Đặc biệt, Nhà trường đã chú trọng đến việc tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục, công khai Báo cáo tự đánh giá trên website, đồng thời ban hành các kế hoạch cải tiến chất lượng cụ thể, bảo đảm tính minh bạch và định hướng cải tiến liên tục. Công tác khảo sát việc làm HSSV sau tốt nghiệp cũng được thực hiện bài bản thông qua Kế hoạch điều tra lần vết, Phiếu khảo sát tình hình việc làm, Báo cáo kết quả khảo sát. Kết quả cho thấy trên 80% HSSV có việc làm trong vòng 12 tháng sau tốt nghiệp, nhiều ngành đạt tỷ lệ cao hơn, khẳng định hiệu quả đào tạo gắn với thị trường lao động.

Nhìn chung, hệ thống giám sát và đánh giá chất lượng của Trường đã vận hành nề nếp, minh bạch, góp phần khẳng định uy tín, chất lượng đào tạo và trách nhiệm xã hội.

2. Những tồn tại

- Một số chỉ số về tỷ lệ bỏ học tuy đã giảm nhưng vẫn còn xuất hiện ở một số ngành nghề có đặc thù khó khăn về học tập hoặc cơ hội việc làm, chưa đạt mục tiêu chất lượng đề ra cho tất cả các ngành.

- Công tác khảo sát ý kiến đôi khi còn phụ thuộc vào hình thức giấy, tỷ lệ phản hồi trực tuyến chưa cao; việc phân tích dữ liệu khảo sát theo từng ngành, nghề chưa thật sự chuyên sâu.

- Hoạt động điều tra việc làm sau tốt nghiệp mới dừng lại ở mức tổng hợp chung, chưa khai thác sâu về chất lượng việc làm, mức lương, cơ hội thăng tiến, mức độ phù hợp giữa công việc và ngành đào tạo.

- Công tác cải tiến sau tự đánh giá chủ yếu tập trung vào khắc phục tồn tại ngắn hạn, chưa có kế hoạch chiến lược dài hạn gắn với kiểm định chất lượng ngoài.

3. Kế hoạch nâng cao chất lượng

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống theo dõi tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ bỏ học theo từng ngành, nghề; đẩy mạnh các biện pháp tư vấn, hỗ trợ học tập, chính sách an sinh để hạn chế tình trạng bỏ học.

- Mở rộng quy mô khảo sát, tăng cường hình thức khảo sát trực tuyến, ứng dụng phần mềm phân tích dữ liệu nhằm nâng cao hiệu quả xử lý và tính chính xác trong việc phản ánh ý kiến từ các bên liên quan.

- Thực hiện khảo sát việc làm HSSV sau tốt nghiệp theo nhiều chiều cạnh (tỷ lệ việc làm, chất lượng việc làm, mức thu nhập, mức độ phù hợp với ngành học), từ đó điều chỉnh chương trình đào tạo sát nhu cầu thực tiễn.

- Xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng dài hạn, gắn kết chặt chẽ với chiến lược phát triển Nhà trường và chuẩn bị các điều kiện để tham gia kiểm định chất lượng ngoài trong thời gian tới.

- Tăng cường vai trò của Hội đồng đảm bảo chất lượng và các tổ chuyên trách trong việc giám sát, đánh giá, đề xuất cải tiến nhằm bảo đảm hoạt động giám sát chất lượng toàn diện, liên tục và hiệu quả hơn.

Điểm đánh giá tiêu chí 8:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 8	12
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2

Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2

Tiêu chuẩn 1. Tỷ lệ tốt nghiệp của người học và tỷ lệ bỏ học được xác lập, giám sát, đối sánh (nếu có) để cải tiến.

Mô tả, phân tích, nhận định: Công tác theo dõi và quản lý tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ bỏ học của HSSV luôn được Nhà trường quan tâm, coi đây là chỉ báo quan trọng để đánh giá hiệu quả đào tạo và đề ra các biện pháp cải tiến. Hằng năm, Trường ban hành Quyết định công nhận tốt nghiệp các năm học để chính thức ghi nhận kết quả học tập, rèn luyện và xác định tỷ lệ tốt nghiệp theo từng ngành, nghề đào tạo. Các số liệu này được tổng hợp trong Báo cáo tổng kết năm học 2022, 2023, 2024, qua đó phản ánh kết quả đầu ra và tình hình học tập của HSSV.

Đối với những trường hợp HSSV bỏ học, Trường có Biên bản họp/Báo cáo phân tích nguyên nhân bỏ học và giải pháp cải tiến, trong đó chỉ ra những khó khăn về kinh tế, học tập, môi trường sống... Đồng thời, Nhà trường đề xuất các biện pháp cụ thể như tăng cường hỗ trợ học tập, mở lớp phụ đạo, tư vấn tâm lý và hỗ trợ chính sách để giảm thiểu tình trạng này.

Việc xác lập và giám sát mục tiêu chất lượng được thể hiện rõ trong Mục tiêu chất lượng của Trường các năm học 2022–2025, trong đó đưa ra chỉ tiêu về tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ bỏ học, làm căn cứ để các đơn vị phấn đấu và thực hiện. Công tác này được kiểm soát thông qua Hồ sơ đảm bảo chất lượng nội bộ: Quy trình, Báo cáo đánh giá, kế hoạch cải tiến liên quan đến tỷ lệ bỏ học/tốt nghiệp, đảm bảo tính hệ thống và liên tục cải tiến.

Ngoài ra, để hỗ trợ người học duy trì quá trình học tập, Trường triển khai các Quy chế, chính sách hỗ trợ HSSV (miễn giảm học phí, nội trú, hỗ trợ học tập). Các chính sách này giúp giảm gánh nặng tài chính và tạo điều kiện thuận lợi cho HSSV yên tâm học tập. Việc tuyên truyền, phổ biến quyền lợi và nghĩa vụ được thực hiện công khai, minh bạch, thể hiện qua Tuần sinh hoạt công dân – HSSV và thông tin trên website của Trường. Đây là kênh quan trọng để HSSV nắm rõ quy chế, chính sách, từ đó giảm nguy cơ bỏ học (2.8.03. Quyết định công nhận tốt nghiệp các năm học; 1.8.06. Báo cáo tổng kết năm học 2022, 2023, 2024; 8.1.01. Biên bản họp/Báo cáo phân tích nguyên nhân bỏ học và giải pháp cải tiến; 8.1.02. Mục tiêu chất lượng trường các năm học 2022–2025; 8.1.03. Hồ sơ ĐBCL nội bộ: Quy trình, Báo cáo đánh

giá, kế hoạch cải tiến liên quan đến tỷ lệ bỏ học/tốt nghiệp; 8.1.04. Quy chế, chính sách hỗ trợ HSSV (miễn giảm, học phí, nội trú, hỗ trợ học tập); 8.1.05. Hình ảnh công khai Tuần sinh hoạt công dân – HSSV, website trường).

Từ các minh chứng trên, có thể nhận định rằng Trường đã xây dựng và duy trì hệ thống giám sát tỷ lệ tốt nghiệp và bỏ học khá chặt chẽ, gắn với hoạt động đảm bảo chất lượng và cải tiến liên tục. Nhờ đó, tỷ lệ tốt nghiệp được duy trì ổn định, tỷ lệ bỏ học có xu hướng giảm dần. Tuy nhiên, để đạt hiệu quả cao hơn, Trường cần tăng cường ứng dụng công nghệ số trong quản lý dữ liệu học tập, mở rộng khảo sát nguyên nhân bỏ học theo từng nhóm đối tượng, từ đó có giải pháp hỗ trợ sát hợp hơn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 1: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 2. *Trường triển khai hệ thống khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm cơ sở để đánh giá và cải tiến các chính sách liên quan nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ của trường.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và bảo đảm người học sau khi tốt nghiệp đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại thường xuyên triển khai hoạt động khảo sát, thu thập phản hồi từ các đơn vị sử dụng lao động và cựu HSSV. Hằng năm, Trường ban hành Kế hoạch thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động, làm căn cứ để triển khai khảo sát có hệ thống và đồng bộ.

Các khảo sát được thực hiện bằng Phiếu thu thập ý kiến Doanh nghiệp với nội dung đánh giá các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm, thái độ làm việc và mức độ đáp ứng vị trí công việc của người tốt nghiệp. Song song với đó, Trường lập Danh sách Doanh nghiệp khảo sát để bảo đảm tính đại diện, khách quan, đồng thời mở rộng phạm vi khảo sát đến nhiều lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và dịch vụ.

Bên cạnh việc lấy ý kiến doanh nghiệp, Trường còn phát Phiếu thu thập ý kiến cựu HSSV nhằm nắm bắt những khó khăn, thuận lợi trong quá trình làm việc thực tế, mức độ phù hợp giữa chương trình đào tạo và yêu cầu công việc. Đây là nguồn thông tin quan trọng để Nhà trường đối sánh, đánh giá hiệu quả đào tạo từ góc nhìn của người học.

Kết quả khảo sát được tổng hợp, phân tích và sử dụng làm cơ sở để Nhà trường điều chỉnh chương trình, phương pháp giảng dạy, cũng như cải tiến các chính sách hỗ trợ HSSV. Qua đó, Trường ngày càng gắn kết chặt chẽ hơn giữa đào tạo với nhu cầu thực tiễn, góp phần nâng cao uy tín và chất lượng dịch vụ giáo dục (8.2.01. Kế hoạch thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động năm 2022, 2023, 2024; 8.2.02. Phiếu thu thập ý kiến Doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024; 8.2.03. Danh sách Doanh nghiệp khảo sát năm 2022, 2023, 2024; 8.2.04. Phiếu thu thập ý kiến cựu HSSV năm 2022, 2023, 2024).

Từ các minh chứng trên, có thể nhận định rằng Trường đã xây dựng và duy trì được hệ thống khảo sát, phản hồi thường xuyên, đảm bảo quy trình đầy đủ từ lập kế hoạch, triển khai, thu thập dữ liệu đến tổng hợp và cải tiến. Tuy nhiên, để nâng cao hiệu quả, Trường cần tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong khảo sát trực tuyến, mở rộng phạm vi doanh nghiệp tham gia và phân tích dữ liệu theo ngành nghề cụ thể để đưa ra giải pháp cải tiến sát thực hơn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 2: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 3. Trường ban hành và áp dụng quy trình, công cụ khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo; sử dụng kết quả khảo sát để thực hiện đánh giá và cải tiến các chính sách liên quan nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định: Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và đảm bảo các chính sách liên quan đến đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo được triển khai phù hợp, Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại đã thiết lập hệ thống khảo sát định kỳ đối với cán bộ, nhà giáo, viên chức và người lao động. Hoạt động này được triển khai theo Kế hoạch thu thập ý kiến về các chính sách các năm, trong đó quy định rõ mục tiêu, đối tượng khảo sát, nội dung và phương pháp thực hiện.

Đối tượng khảo sát được xác định cụ thể thông qua Danh sách cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động được thu thập ý kiến các năm. Điều này đảm bảo sự tham gia rộng rãi, đa dạng, phản ánh đầy đủ ý kiến từ nhiều vị trí công tác khác nhau trong Nhà trường.

Quá trình khảo sát được thực hiện bằng Phiếu khảo sát về các chính sách, trong đó tập trung vào các nội dung như: tính minh bạch, công bằng trong tuyển dụng và bổ

nhiệm cán bộ; tính hiệu quả của công tác đào tạo, bồi dưỡng; mức độ phù hợp của chính sách hỗ trợ giảng dạy và học tập. Đây là công cụ quan trọng để thu thập ý kiến khách quan, phản ánh thực tiễn.

Kết quả khảo sát được tổng hợp, phân tích và thể hiện trong Bảng tổng hợp kết quả khảo sát. Các báo cáo này là căn cứ để Nhà trường điều chỉnh, cải tiến chính sách, bảo đảm sự công bằng, minh bạch trong quản lý nhân sự, đồng thời nâng cao chất lượng đào tạo. Việc sử dụng dữ liệu khảo sát trong hoạch định chính sách cho thấy sự nghiêm túc và trách nhiệm của Trường đối với việc phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo và nâng cao hiệu quả đào tạo (8.3.01. Kế hoạch thu thập ý kiến về các chính sách năm 2022, 2023, 2024; 8.3.02. Danh sách cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động được thu thập ý kiến các năm 2022, 2023, 2024; 8.3.03. Phiếu khảo sát về các chính sách năm 2022, 2023, 2024; 8.3.04. Bảng tổng hợp kết quả khảo sát các năm 2022, 2023, 2024).

Từ các minh chứng trên, có thể nhận định rằng Trường đã xây dựng và vận hành hiệu quả hệ thống khảo sát cán bộ quản lý, nhà giáo về các chính sách liên quan đến công tác quản lý và đào tạo. Kết quả khảo sát được sử dụng thực chất trong quá trình cải tiến, góp phần bảo đảm sự phù hợp, khách quan và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Tuy nhiên, để phát huy hiệu quả cao hơn, Trường cần mở rộng hình thức khảo sát trực tuyến, tăng cường phân tích dữ liệu theo từng nhóm đối tượng để có giải pháp cải tiến chi tiết, sát hợp hơn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 3: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 4. Trường ban hành và áp dụng quy trình, công cụ khảo sát người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức đào tạo, về chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường; sử dụng kết quả khảo sát để thực hiện đánh giá và cải tiến các chính sách liên quan nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định: Công tác khảo sát ý kiến người học được Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại triển khai thường xuyên, coi đây là một phần quan trọng của hệ thống đảm bảo chất lượng đào tạo. Trường đã thiết kế và áp dụng Phiếu khảo sát các hoạt động đảm bảo chất lượng trong Nhà trường để người học phản ánh mức độ hài lòng và góp ý về chất lượng đào tạo, dịch vụ và chính sách.

Hằng năm, Trường ban hành Kế hoạch khảo sát HSSV, Doanh nghiệp/đơn vị sử dụng lao động và cán bộ - viên chức - người lao động, phục vụ công tác đảm bảo chất lượng các năm học. Đây là căn cứ để tổ chức khảo sát có hệ thống, bảo đảm tính đại diện và khách quan.

Đối tượng khảo sát bao gồm toàn bộ HSSV các hệ đào tạo. Danh sách HSSV tham gia khảo sát về hiệu quả các hình thức, phương thức đào tạo; cơ sở vật chất; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và thực hiện chính sách liên quan đến người học các năm học được lập đầy đủ, phản ánh mức độ tham gia thực tế và tính minh bạch trong quy trình.

Kết quả khảo sát được tổng hợp và phân tích trong Báo cáo kết quả khảo sát HSSV về hiệu quả các hình thức, phương thức đào tạo; cơ sở vật chất; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và thực hiện chính sách liên quan đến người học các năm học. Báo cáo chỉ ra những điểm mạnh (chất lượng giảng dạy, cơ sở vật chất đáp ứng cơ bản nhu cầu học tập, dịch vụ hỗ trợ tương đối đầy đủ), đồng thời nêu rõ những hạn chế cần cải tiến (chất lượng dịch vụ hỗ trợ một số mảng chưa đồng đều, cơ sở vật chất một số phòng học thực hành còn hạn chế).

Thông tin từ các khảo sát này là căn cứ quan trọng để Nhà trường đưa ra biện pháp cải tiến: bổ sung thiết bị dạy học, nâng cao chất lượng dịch vụ hỗ trợ HSSV, tăng cường công tác tư vấn, định hướng nghề nghiệp và thực hiện các chính sách an sinh phù hợp (8.4.01. *Phiếu khảo sát các hoạt động đảm bảo chất lượng trong Nhà trường*; 8.4.02. *Kế hoạch khảo sát HSSV, Doanh nghiệp/đơn vị sử dụng lao động và cán bộ - viên chức - người lao động, phục vụ công tác đảm bảo chất lượng các năm học*; 8.4.03. *Danh sách HSSV tham gia khảo sát về hiệu quả các hình thức, phương thức đào tạo; cơ sở vật chất; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và thực hiện chính sách liên quan đến người học, các năm học*; 8.4.04. *Báo cáo kết quả khảo sát HSSV về hiệu quả các hình thức, phương thức đào tạo; cơ sở vật chất; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và thực hiện chính sách liên quan đến người học các năm học*).

Nhìn chung, hoạt động khảo sát HSSV của Trường đã được triển khai đầy đủ, khoa học, có phân tích và sử dụng thực chất để điều chỉnh, cải tiến, từ đó góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và hiệu quả phục vụ người học. Tuy nhiên, Nhà trường cần tiếp tục đẩy mạnh hình thức khảo sát trực tuyến để tăng tỷ lệ tham gia và ứng dụng các công cụ phân tích dữ liệu nhằm khai thác tối đa thông tin thu thập được.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 4: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 5. Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng, có kế hoạch thực hiện kiểm định chất lượng trường; có kế hoạch và biện pháp để thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại luôn coi trọng hoạt động đảm bảo và nâng cao chất lượng, trong đó tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp được triển khai thường xuyên, có hệ thống. Hằng năm, Nhà trường ban hành Kế hoạch tự đánh giá chất lượng Cơ sở giáo dục để xác định mục tiêu, phạm vi, nội dung và tiến độ triển khai công tác tự đánh giá.

Để triển khai kế hoạch, Trường ban hành Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng và tổ chức nhiều phiên họp của Hội đồng, thể hiện qua Biên bản họp Hội đồng Tự đánh giá các năm. Đây là căn cứ pháp lý và minh chứng cho sự chỉ đạo thống nhất, đồng bộ của lãnh đạo Nhà trường trong công tác tự đánh giá.

Kết quả tự đánh giá được thể hiện trong Báo cáo tự đánh giá các năm, đồng thời được công khai minh bạch trên website của trường tại địa chỉ <https://coit.edu.vn/bao-cao-tu-danh-gia.html>. Việc công khai báo cáo không chỉ đáp ứng yêu cầu quản lý mà còn khẳng định cam kết trách nhiệm của Nhà trường trước xã hội và các bên liên quan.

Trên cơ sở kết quả tự đánh giá, Trường đã xây dựng các kế hoạch cải tiến chất lượng cụ thể, như Kế hoạch số 429/KH-CĐCN&TM ngày 06/9/2023 về cải tiến chất lượng năm 2023 và Kế hoạch số 614/KH-CĐCN&TM ngày 20/12/2023 về cải tiến chất lượng năm 2024. Các kế hoạch này nêu rõ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, thời gian thực hiện và phân công trách nhiệm cho từng đơn vị, qua đó đảm bảo các điểm hạn chế được khắc phục, các thế mạnh được phát huy (8.5.01. Kế hoạch tự đánh giá chất lượng Cơ sở giáo dục các năm 2022, 2023, 2024; 8.5.02. Quyết định Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng các năm 2022, 2023, 2024; 8.5.03. Biên bản họp Hội đồng Tự đánh giá các năm 2022, 2023, 2024; 8.5.04. Báo cáo tự đánh giá các năm 2022, 2023, 2024; 8.5.05. <https://coit.edu.vn/bao-cao-tu-danh-gia.html>; 8.5.06. Kế hoạch số 429/KH-CĐCN&TM ngày 06/9/2023 kế hoạch cải tiến chất lượng năm 2023; 8.5.07. Kế hoạch số 614/KH-CĐCN&TM ngày 20/12/2023 kế hoạch cải tiến chất lượng năm 2024).

Như vậy, hoạt động tự đánh giá, kiểm định chất lượng và xây dựng kế hoạch cải tiến của Nhà trường được thực hiện bài bản, theo đúng quy định, có sự tham gia

của toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động. Điều này đã góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, chất lượng đào tạo và uy tín của Trường. Tuy nhiên, để hoàn thiện hơn, Trường cần chuẩn bị điều kiện để sớm tham gia kiểm định chất lượng ngoài, từ đó có thêm cơ sở khách quan cho việc cải tiến và khẳng định thương hiệu.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 5: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 6. Trong vòng 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp, ít nhất 80% người học tốt nghiệp có việc làm.

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại đặc biệt chú trọng đến hiệu quả đầu ra của đào tạo, thể hiện qua việc theo dõi tỷ lệ việc làm của HSSV sau khi tốt nghiệp. Hằng năm, Nhà trường xây dựng và triển khai Kế hoạch điều tra lần vết các năm để thu thập thông tin chính xác, kịp thời về tình trạng việc làm của HSSV sau tốt nghiệp.

Việc khảo sát được tiến hành theo từng ngành, nghề, với danh sách cụ thể trong Danh sách HSSV được thu thập ý kiến theo từng nghề. Hoạt động này giúp Nhà trường đánh giá mức độ phù hợp của chương trình đào tạo với nhu cầu thực tiễn, đồng thời xác định tỷ lệ việc làm của từng nhóm ngành.

Dữ liệu nền tảng cho việc xác định tỷ lệ việc làm được lấy từ Quyết định công nhận tốt nghiệp các năm học, qua đó xác định rõ tổng số HSSV tốt nghiệp theo từng năm. Trên cơ sở đó, Trường tiến hành phát Phiếu khảo sát tình hình việc làm của người học sau khi tốt nghiệp và tổng hợp trong Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của người học sau khi tốt nghiệp. Các báo cáo này cho thấy đa số HSSV tìm được việc làm trong vòng 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tỷ lệ việc làm đạt từ 80% trở lên, nhiều nghề đạt trên 90%.

Kết quả khảo sát còn phản ánh mức độ phù hợp giữa ngành đào tạo và công việc thực tế, cũng như mức độ hài lòng của HSSV và doanh nghiệp sử dụng lao động. Đây là cơ sở quan trọng để Nhà trường cải tiến chương trình, nội dung giảng dạy, phương pháp đào tạo, gắn kết chặt chẽ hơn với thị trường lao động (8.6.01. Kế hoạch điều tra lần vết các năm 2022, 2023, 2024; 8.6.02. Danh sách HSSV được thu thập ý kiến theo từng nghề; 2.8.03. Quyết định công nhận tốt nghiệp các năm học; 8.6.03. Phiếu khảo sát tình hình việc làm của người học sau khi tốt nghiệp và Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của người học sau khi tốt nghiệp).

Từ các minh chứng trên, có thể nhận định rằng Trường đã xây dựng được quy trình theo dõi, đánh giá và báo cáo tình hình việc làm của người học sau tốt nghiệp bài bản, minh bạch và hiệu quả. Hoạt động này vừa khẳng định uy tín, chất lượng đào tạo, vừa tạo niềm tin cho phụ huynh, HSSV và xã hội. Tuy nhiên, để nâng cao hơn nữa hiệu quả, Trường cần đẩy mạnh ứng dụng khảo sát trực tuyến, tăng cường liên kết doanh nghiệp trong giới thiệu việc làm và cập nhật thông tin theo chu kỳ ngắn hơn để phản ánh sát thực tế.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 6: 2 điểm.

PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI

Hàng năm, Nhà trường tiếp tục nghiên cứu sửa đổi bổ sung các quy chế nội bộ cho phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện các quy chế trong Nhà trường.

Xây dựng kế hoạch thực hiện đa dạng hoá các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.

Xây dựng kế hoạch, thường xuyên thu thập ý kiến đánh giá về việc đổi mới phương pháp giảng dạy, thực hiện tiến độ giảng dạy và chất lượng các phương thức tổ chức đào tạo đối với cán bộ quản lý, giáo viên và HSSV.

Tiếp tục đề nghị Bộ Công Thương, ra quyết định công nhận Hội đồng trường để Nhà trường sớm ban hành Quy chế tổ chức hoạt động chính thức thay thế Quy chế tổ chức hoạt động tạm thời.

Nhà trường tiếp tục tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, nhằm đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu tối thiểu của chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của từng nghề.

Hoàn thiện quy chế để tạo điều kiện cho giáo viên học tập nâng cao trình độ, năng lực nghiên cứu khoa học, hàng năm có trên 60% giáo viên có đề tài nghiên cứu, sáng kiến cải tiến, làm mới các mô hình, học cụ được áp dụng vào giảng dạy, trong đó có đề tài cấp bộ, cấp tỉnh, khuyến khích HSSV tham gia nghiên cứu khoa học.

Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học và trình độ chuyên môn, kỹ năng tay nghề của đội ngũ cán bộ giáo viên đáp ứng nhu cầu hội nhập. Đặc biệt, tăng cường đào tạo ngoại ngữ, phấn đấu đạt 80% giáo viên trở lên có khả năng sử dụng ngoại ngữ để phục vụ chuyên môn; 50% giáo viên nhà trường đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ, 100% giáo viên sử dụng thành thạo máy tính và 100% giáo viên đạt chuẩn IC3.

Tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các doanh nghiệp về sự thích ứng với thực tế của các chương trình, giáo trình Nhà trường đang sử dụng.

Duy trì việc thu thập ý kiến nhận xét đánh giá của cán bộ, giáo viên, học sinh - sinh viên về các hoạt động trong Nhà trường, nhằm tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực và nâng cao chất lượng đào tạo.

Duy trì và phát triển các mối quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp trong địa bàn và ngoài tỉnh, đồng thời mở rộng quan hệ với các doanh nghiệp được phép xuất khẩu lao động nhằm giải quyết việc làm cho HSSV ngay sau khi tốt nghiệp.

PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Cơ quan quản lý Nhà nước cần có các chính sách khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tiến hành tự đánh giá để nâng cao chất lượng dạy nghề.

Cần có các cơ chế, chính sách hỗ trợ hoặc tăng cường nguồn lực về cơ sở vật chất, thiết bị cho những cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường cao đẳng./.

Phú Thọ, ngày tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Vĩnh phúc, ngày tháng 6 năm 2025

KẾ HOẠCH

(V/v Tự đánh giá chất lượng Cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2025)

1. Các căn cứ xây dựng kế hoạch tự đánh giá

Căn cứ Thông tư số 14/2024/TT-BLĐTB&XH ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành quy định tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về ban hành quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Để chuẩn bị công tác tự đánh giá chất lượng Cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2025, Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại xây dựng Kế hoạch thực hiện tự đánh giá, như sau:

2. Ý nghĩa, mục đích tự đánh giá

Nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, nhân viên và HSSV trong toàn trường về tầm quan trọng của công tác tự đánh giá các điều kiện đảm bảo chất lượng GDNN của nhà trường theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng Trường cao đẳng, do Bộ LĐTB&XH ban hành, qua đó huy động tất cả các đơn vị trong toàn trường cùng thực hiện công tác đảm bảo chất lượng.

Thu thập, xử lý thông tin và minh chứng để chứng minh mức độ đạt được của nhà trường dựa trên hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng GDNN của Trường Cao đẳng.

Duy trì các tiêu chí, tiêu chuẩn đã đạt và khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt của đợt tự đánh giá chất lượng năm 2025, đồng thời hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng của Nhà trường, tiến tới xây dựng trường vững mạnh toàn diện, khẳng định uy tín Nhà trường.

Là một khâu quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng và xây dựng văn hóa chất lượng bên trong Nhà trường;

Giúp nhà trường tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của mình, lập và triển khai các kế hoạch hành động cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo, từ đó điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo;

Là điều kiện cần thiết để Nhà trường đăng ký đánh giá ngoài và công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng với một tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục;

Thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với sứ mạng, mục tiêu của Nhà trường;

3. Phạm vi tự đánh giá

Các hoạt động của Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại theo các tiêu chí, tiêu chuẩn ban hành kèm theo Thông tư số 14/2024/TT-BLĐTBXH ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

4. Quy trình tự đánh giá

Quy trình thực hiện tự đánh giá chất lượng GDNN ban hành theo thông tư số 28/2017/BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định hệ thống đảm bảo chất lượng trong các cơ sở GDNN. Cụ thể như sau:

Thành lập Hội đồng tự đánh giá.

Thực hiện tự đánh giá.

Thông qua phê duyệt báo cáo tự đánh giá.

Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng của nhà trường trên các phương tiện thông tin trong nội bộ trường và gửi báo cáo về Cục GDNN-GDTX đúng thời hạn quy định.

5. Phân công nhiệm vụ

5.1. Phòng Quản lý đào tạo

- Chủ trì và phối hợp với các đơn vị trong Nhà trường đề xuất danh sách Hội đồng tự đánh giá và trình Hiệu trưởng phê duyệt;

- Hướng dẫn các đơn vị thu thập thông tin, minh chứng theo từng lĩnh vực hoạt động của đơn vị;

- Hướng dẫn các đơn vị viết báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng của đơn vị;

- Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng Cơ sở GDNN và gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

5.2. Các phòng chức năng

- Thu thập thông tin, minh chứng từng hoạt động và kết quả thực hiện chức năng nhiệm vụ của đơn vị;

- Viết báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng của đơn vị và gửi về Hội đồng tự đánh giá Nhà trường;

- Đánh giá, xác định mức độ đạt được theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp có liên quan;

- Phân tích, chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân, qua đó đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của đơn vị;

- Tổ chức quản lý và duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về các hoạt động của đơn vị.

5.3. Hội đồng tự đánh giá

- Nghiên cứu báo cáo kết quả tự đánh giá của các đơn vị;

- Tổng hợp, phân loại thông tin, minh chứng theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí tự đánh giá chất lượng GDNN;

- Kiểm tra thực tế, thu thập thêm thông tin, minh chứng theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí tự đánh giá chất lượng GDNN;

- Đối chiếu với hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng GDNN do Bộ lao động - Thương binh và Xã hội ban hành. Đánh giá, xác định mức độ đạt được theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp. Chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân, qua đó đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng Giáo dục nghề nghiệp;

- Viết dự thảo báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng GDNN của Nhà trường, gửi các đơn vị thuộc trường để lấy ý kiến;

- Hoàn chỉnh báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng GDNN của Nhà trường. Công bố báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng GDNN trong nội bộ trường và gửi báo cáo về Cục giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên đúng thời hạn quy định.

6. Kế hoạch thực hiện

6.1. Các nhóm chuyên trách thực hiện tự đánh giá các tiêu chí

Số TT Nhóm	Họ và tên	Chức vụ	Tiêu chí, tiêu chuẩn
1	Hoàng Trung Việt Trần Thị Thu Hằng Nguyễn Quốc Trí Mai Văn Lực Vũ Cao Điền	Trưởng nhóm Thư ký nhóm Thành viên Thành viên Thành viên	Tiêu chí 1 - Sứ mạng, mục tiêu, tổ chức và quản lý Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động
2	Vũ Cao Điền Mai Văn Lực Luu Văn Hải Trần Quốc Hoàn Nguyễn Quốc Trí Nguyễn Thái Hà Nguyễn Đức Minh Phù Xuân Vĩnh Hoàng Trung Việt Phạm Thị Thủy	Trưởng nhóm Thư ký nhóm Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên	Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo Tiêu chí 4 - Chương trình đào tạo, giáo trình Tiêu chí 8 - Giám sát, đánh giá chất lượng
3	Lý Hồng Thắng Dương Thị Ngọc Đỗ Thị Bưởi	Trưởng nhóm Thư ký nhóm Thành viên	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo
4	Phạm Thị Thủy Nguyễn Văn Hưng Vũ Thị Thùy Linh Lý Hồng Thắng	Trưởng nhóm Thư ký nhóm Thành viên Thành viên	Tiêu chí 6 - Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế Tiêu chí 7 - Người học và hoạt động hỗ trợ người học

6.2. Các đơn vị thực hiện tự đánh giá tiêu chí, tiêu chuẩn liên quan và các nội dung khác

TT	Đơn vị thực hiện	Tiêu chí, tiêu chuẩn phụ trách
1	Phòng Quản lý đào tạo	Phần II: Kết quả tự đánh giá Phần III: Tổng hợp kế hoạch nâng cao chất lượng Cơ sở GDNN Phần IV: Đề xuất, kiến nghị Tiêu chí 1: 1.3; 1.4 Tiêu chí 2: 2.3; 2.4; 2.5; 2.6; 2.7; 2.8; Tiêu chí 3: 3.3; 3.4 Tiêu chí 4. Tiêu chí 8: 8.4; 8.5
2	Phòng Hành chính tổng hợp	Phần I: Giới thiệu về trường Tiêu chí 1: 1.1; 1.2; 1.5; Tiêu chí 3: 3.1; 3.2; 3.5; 3.6; 3.7; Tiêu chí 8: 8.3
3	Phòng Quản lý HSSV	Tiêu chí 2: 2.1; 2.2 Tiêu chí 5: 5.7; 5.8 Tiêu chí 6. Tiêu chí 7:

TT	Đơn vị thực hiện	Tiêu chí, tiêu chuẩn phụ trách
		Tiêu chí 8: 8.1; 8.2; 8.6.
4	Phòng Quản trị - Thiết bị	Tiêu chí 5: 5.1; 5.2; 5.3; 5.4; 5.5; 5.6;

7. Thời gian biểu thực hiện tự đánh giá, theo lịch trình sau

Căn cứ vào quy trình thực hiện, Hội đồng Tự đánh giá chất lượng Trường lập kế hoạch tiến độ thực hiện tự đánh giá như sau:

TT	Các hoạt động	Thời gian	Bộ phận thực hiện	Ghi chú
1	Họp Hội đồng tự đánh giá: - Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá - Thảo luận và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên hội đồng - Phân công dự thảo tự đánh giá - Dự kiến Nhóm công tác chuyên trách để giúp các thành viên Hội đồng thực hiện trách nhiệm được giao	04 ÷ 08/8/2025	Các thành viên Hội đồng tự đánh giá	
2	Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn bộ cán bộ, giáo viên và HSSV Nhà trường	04 ÷ 08/8/2025	Các đơn vị	
3	Các đơn vị thu thập minh chứng, tổ chức điều tra khảo sát, thống kê tổng hợp số liệu, xử lý minh chứng, viết báo cáo theo tiêu chí, tiêu chuẩn đã được phân công tại mục 6.2 và gửi về Hội đồng tự đánh giá Nhà trường. Các nhóm chuyên trách: - Tổng hợp minh chứng - Bổ sung minh chứng khi cần thiết - Mã hóa minh chứng thu được và bổ sung - Mô tả thông tin, minh chứng thu được - Phân tích lý giải các kết quả đạt được - Viết báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn	11/8÷11/9/2025	- Các đơn vị được phân công tại mục 6.2 - Các nhóm chuyên trách được phân công tiêu chí, tiêu chuẩn	
4	Nộp báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn	12÷19/9/2025	Thư ký các nhóm	
5	- Dự thảo báo cáo tự đánh giá - Kiểm tra lại các thông tin minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá	01÷08/10/2025	Ban thư ký tổng hợp và kiểm tra	
6	- Họp hội đồng tự đánh giá để thảo luận dự thảo báo cáo tự đánh giá. - Hội đồng tự đánh giá họp với các đơn vị về báo cáo dự thảo tự đánh giá, xin ý kiến đóng góp.	01÷08/10/2025	Các thành viên hội đồng, các đơn vị	
7	- Họp hội đồng tự đánh giá để thông qua báo cáo tự đánh giá đã sửa chữa - Công bố báo cáo tự đánh giá trong nội bộ	09÷16/10/2025	Hội đồng và các chuyên gia	

TT	Các hoạt động	Thời gian	Bộ phận thực hiện	Ghi chú
	trường và thu thập tài liệu ý kiến đóng góp của chuyên gia tư vấn		tư vấn	
8	Xử lý các ý kiến đóng góp và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá	17÷23/10/2025	Thư ký các nhóm	
9	Công bố báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện (trong nội bộ trường)	24÷30/10/2025	Hội đồng	
10	- Hiệu trưởng phê duyệt - Nộp báo cáo về các Cơ quan quản lý cấp trên (Cục GDNN-GDTX, Bộ Công Thương, Sở GD&ĐT Vĩnh Phúc)	30/10/2025	Thư ký Hội đồng	

8. Kỹ thuật trình bày văn bản và kinh phí thực hiện

***) Kỹ thuật trình bày:**

- Báo cáo tự đánh giá bắt buộc phải soạn thảo bằng Font chữ Times New Roman, cỡ chữ 13, lề trên 2 cm; lề dưới 2 cm; lề trái 3,0 cm; lề phải 2 cm.

- Không đánh số thứ tự (1, 2, 3,... hoặc a, b, c,...) tự động.

***) Kinh phí thực hiện:** Kinh phí sử dụng để chi trả cho các nhóm làm báo cáo, thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ Nhà trường.

9. Triển khai thực hiện

Căn cứ kế hoạch của Nhà trường, các đơn vị xây dựng kế hoạch tự đánh giá của đơn vị và phân công công việc cụ thể cho từng thành viên trong đơn vị mình phụ trách.

Trưởng các nhóm chuyên trách chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi và đôn đốc đơn vị thực hiện kế hoạch theo tiến độ; báo cáo kịp thời cho Chủ tịch Hội đồng tự đánh giá chất lượng về kết quả thực hiện kế hoạch.

Công tác thực hiện tự đánh giá chất lượng là nhiệm vụ hàng năm của nhà trường, là tiêu chí quan trọng để tự đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng đơn vị, cá nhân. Yêu cầu tất cả các Phòng, Khoa phải tổ chức thực hiện nghiêm túc đảm bảo kế hoạch, chất lượng theo yêu cầu đề ra.

Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề gì vướng mắc, phát sinh thì báo cáo Hội đồng xem xét giải quyết./.

Nơi nhận:

- Cục GDNN-GDTX (b/c);
- Vụ TCCB-BCT (b/c);
- Sở GD&ĐT PT (b/c)
- Các đơn vị Phòng, Khoa;
- Lưu: VT, QLĐT.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
HIỆU TRƯỞNG**

Vĩnh Phúc, ngày tháng năm 2025

Số: /QĐ - CDCN&TM

QUYẾT ĐỊNH

(Về việc thành lập Hội đồng Tự đánh giá chất lượng Cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại năm 2025)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI

Căn cứ Quyết định số 2226/QĐ-BCT ngày 27 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc Quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại;

Căn cứ Thông tư số 14/2024/TT-BLĐTB&XH ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành quy định tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Theo đề nghị của trưởng phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng Tự đánh giá chất lượng Cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại năm 2025 gồm 01 Chủ tịch và các ủy viên Hội đồng (Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Hội đồng tự đánh giá thực hiện các nhiệm vụ, quy định tại khoản 4 Điều 16, Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017.

Điều 3. Các Ông (Bà) trưởng phòng, khoa và các cá nhân có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Hội đồng tự đánh giá, tự giải thể khi hoàn thành các nhiệm vụ được phân công./.

Nơi nhận:

HIỆU TRƯỞNG

- Như Điều 3;
- Cục GDNN-GDTX (b/c)
- Vụ TCCB-BCT (b/c);
- Sở GD&ĐT PT (b/c)
- Lưu: VT, QLĐT.

**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP NĂM 2025**

(Kèm theo quyết định số:/QĐ-CĐCN&TM ngày tháng năm 2025)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh HĐ
1	Nguyễn Hải Bằng	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ
2	Vũ Cao Điền	Trưởng phòng Quản lý đào tạo	UV Thư ký
3	Hoàng Trung Việt	Trưởng phòng Hành chính tổng hợp	UV
4	Phạm Thị Thủy	Phó trưởng phòng phụ trách phòng Quản lý HSSV	UV
5	Lý Hồng Thắng	Trưởng phòng Quản trị - Thiết bị	UV
6	Vũ Thị Thùy Linh	Bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	UV
7	Nguyễn Quốc Trí	TK. Kinh tế, Khách sạn - Du lịch, Chủ tịch Công đoàn trường	UV
8	Lưu Văn Hải	Trưởng khoa Điện tử	UV
9	Trần Quốc Hoàn	Trưởng khoa Điện	UV
10	Nguyễn Đức Minh	Trưởng khoa Cơ khí	UV
11	Nguyễn Thái Hà	PTK. Phụ trách khoa Công nghệ ô tô	UV
12	Phù Xuân Vĩnh	Trưởng khoa Công nghệ thông tin	UV
13	Mai Văn Lược	Phó trưởng phòng Quản lý đào tạo	UV
14	Nguyễn Văn Chính	Giám đốc công ty Cơ khí chính xác CMS	UV
15	Nguyễn Văn Đáng	Giám đốc công ty trách nhiệm hữu hạn cân điện tử Ngôi sao Kinh Bắc	UV

BẢNG MÃ MINH CHỨNG

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng mới	MC sử dụng chung	‘Tên minh chứng
1	1	1.1	1.1.01		Quyết định số 2226/QĐ-BCT ngày 27/6/2018 của Bộ Công thương về quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại
2			1.1.02		Quyết định số 528/ QĐ-CĐCN&TM ngày 12 tháng 3 năm 2020 về việc Ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại
3			1.1.03		Chiến lược phát triển trường Cao đẳng Công nghiệp Phúc Yên đến năm 2025 và tầm nhìn 2035 kèm theo Quyết định số 438/QĐ-CĐCNPY ngày 24/12/2015
4			1.1.04		Chiến lược phát triển trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại thành trường cao đẳng chất lượng cao đến năm 2025 và tầm nhìn 2035 kèm theo quyết định số 356/QĐ-CĐCN&TM ngày 28/8/2018
5			1.1.05		Quyết định số 1448/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2020 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về Phê duyệt Đề án phát triển kinh tế xã hội tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021 - 2025
6			1.1.06		Các “Thông báo tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp 2022, 2023, 2024”
7			1.1.07		http://coit.edu.vn
8			1.1.08		Kế hoạch tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân - HSSV” đầu khóa - Năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
9			1.1.09		Hình ảnh giao diện Website về quy hoạch nguồn nhân lực của Vĩnh Phúc
10			1.1.10		Kế hoạch và báo cáo khảo sát các đối tượng
11			1.1.11		Báo cáo Tổng kết năm học (Báo cáo thực hiện QC công khai)
12		1.2		1.1.02	Quyết định số 528/ QĐ-CĐCN&TM ngày 12 tháng 3 năm 2020 về việc Ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại
13			1.2.01		Quyết định số 65/QĐ-CĐCN&TM-TCHC ngày 24/01/2019 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của đơn vị thuộc Trường
14			1.2.02		Sơ đồ cơ cấu tổ chức của trường (Chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trong nhà trường)

15			1.2.03		Các Quyết định thành lập các Đơn vị, điều chuyển, bổ nhiệm
16			1.2.04		Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp
17			1.2.05		Bảng Phân tích, đánh giá và đưa ra nhận định về ngành nghề, số lượng cần tuyển sinh
18		1.3	1.3.01		Quyết định số 89/QĐ-CĐCN&TM, ngày 21/02/2019 ban hành Quy định về hệ thống đảm bảo chất lượng Trường
19			1.3.02		Quyết định số 121/QĐ-CĐCN&TM, ngày 18/6/2021 ban hành Chính sách chất lượng trường giai đoạn 2021-2026
20			1.3.03		Các Quyết định ban hành Mục tiêu chất lượng trường các năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
21			1.3.04		Quyết định số 274/QĐ-CĐCN&TM, ngày 01/10/2021 ban hành 27 Quy trình/công cụ đảm bảo chất lượng
22			1.3.05		Quyết định số 123/QĐ-CĐCN&TM, ngày 24/4/2023 thành lập Trung tâm Khảo thí - Đảm bảo chất lượng
23			1.3.06		Kế hoạch và Báo cáo tự đánh giá chất lượng Cơ sở giáo dục các năm 2022, 2023, 2024
24				1.1.10	Kế hoạch và báo cáo khảo sát các đối tượng
25		1.4	1.4.01		Kế hoạch số 171/KH-CĐCN&TM và 190/KH-CĐCN&TM về chương trình đánh giá nội bộ các năm 2022, 2023
26			1.4.02		Báo cáo số 269/BC-CĐCN&TM và 275/BC-CĐCN&TM báo cáo đánh giá nội bộ các năm 2022, 2023
27			1.4.03		Kế hoạch rà soát, điều chỉnh Quy chế nội bộ năm 2023, 2024, 2025
28			1.4.04		Biên bản cuộc họp xây dựng quy chế nội bộ
29			1.4.05		Các văn bản được rà soát điều chỉnh
30		1.5	1.5.01		Tờ trình số 128/TTr-ĐCN&TM ngày 17/03/2023 về việc đề nghị thành lập Hội đồng Trường nhiệm kỳ 2023 – 2028
31			1.5.02		Các Quyết định, Nghị quyết, Báo cáo về hoạt động của tổ chức Đảng
32			1.5.03		Các Quyết định, Kế hoạch, Báo cáo về hoạt động của tổ chức Công đoàn
33			1.5.04		Quyết định của Hiệu trưởng về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh
34			1.5.05		Quyết định thành lập Hội đồng lương các năm 2023, 2024, 2025
35			1.5.06		Quyết định thành lập Hội đồng thi đua, khen thưởng các năm 2023, 2024, 2025

36			1.1.04	Chiến lược phát triển trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại thành trường cao đẳng chất lượng cao đến năm 2025 và tầm nhìn 2035
37	2	2.1	2.1.01	Quy chế tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng các năm 2023, 2024, 2025.
38			2.1.02	Kế hoạch tuyển sinh các năm 2023, 2024, 2025.
39			2.1.03	Thông báo tuyển sinh các năm 2023, 2024, 2025.
40			2.1.04	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định chỉ tiêu tuyển sinh các năm 2023, 2024, 2025.
41			2.1.05	Công văn đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh của Trường các năm 2023, 2024, 2025.
42			1.2.04	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.
43		2.2	1.5.04	Quyết định của Hiệu trưởng về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh
44			2.2.01	Hồ sơ xét tuyển
45			2.2.02	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh công nhận kết quả trúng tuyển
46			2.2.03	Quyết định công nhận trúng tuyển
47			2.2.04	Kế hoạch và Báo cáo kết quả hậu kiểm công tác tuyển sinh
48			2.2.05	Báo cáo tổng kết tuyển sinh
49		2.3	2.3.01	Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng và trung cấp hệ chính quy theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.
50			2.3.02	Quy chế tổ chức đào tạo trình độ sơ cấp.
51			2.3.03	Quy định về việc tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun.
52			2.3.04	Kế hoạch dự giờ và Phiếu đánh giá bài giảng
53			2.3.05	Báo cáo kết quả khảo sát người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên
54		2.4	2.4.01	Kế hoạch đào tạo các năm học
55			2.4.02	Tiến độ giảng dạy các năm học
56			2.4.03	Thời khóa biểu các năm học
57			2.4.04	Sổ lên lớp các năm học
58			2.4.05	Các chương trình đào tạo của trường
59			2.4.06	Kế hoạch giảng dạy môn học, mô đun
60		2.5	2.5.01	Hợp đồng (Thỏa thuận hợp tác) về việc sinh viên thực tập kết hợp sản xuất.
61			2.5.02	Quyết định của Hiệu trưởng về việc sinh viên thực tập kết hợp sản xuất và quản lý thực tập và Danh sách sinh viên kèm theo
62			2.5.03	Chương trình mô đun thực tập doanh

				ng nghiệp.
63			2.5.04	Báo cáo thực tập và Bảng nhận xét thực tập của học sinh, sinh viên các năm
64			2.5.05	Quy định về việc thực tập kết hợp sản xuất tại doanh nghiệp
65			2.5.06	Danh sách người hướng dẫn thực tập tại doanh nghiệp
66	2.6		2.6.01	Hồ sơ về Phần mềm quản lý đào tạo ESSoft (Hợp đồng, Quy định về quản trị phần mềm quản lý đào tạo, hình ảnh phần mềm).
67			2.6.02	Hợp đồng thuê hệ thống phần mềm Quản lý đào tạo trực tuyến E-Learning.
68			2.6.03	Hình ảnh giao diện phần mềm đào tạo trực tuyến E-Learning và các bài giảng điện tử.
69	2.7		2.7.01	Quy định thanh, kiểm tra hoạt động đào tạo.
70			2.7.02	Kế hoạch thanh, kiểm tra giáo dục nghề nghiệp các năm học.
71			2.7.03	Biên bản thanh, kiểm tra đào tạo và Kế hoạch cải tiến chất lượng CSGDNN
72			2.7.04	Báo cáo tổng kết của phòng Quản lý đào tạo các năm học.
73			2.7.05	Danh sách các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học.
74			2.7.06	Mục tiêu chất lượng và kế hoạch công tác các năm học.
75	2.8		2.3.03	Quy định về việc tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun.
76			2.8.01	Quyết định thành lập Hội đồng thi kết thúc môn học, mô đun các năm học.
77			2.8.02	Hồ sơ tổ chức thi (Biên bản coi, chấm thi; Phiếu chấm bài thi; Bản đối chiếu số phách; Bản vào điểm) các năm học.
78			2.8.03	Hồ sơ xây dựng và nghiệm thu ngân hàng câu hỏi/ngân hàng đề thi MH/MĐ (Quy định, Kế hoạch xây dựng và nghiệm thu, Quyết định giao nhiệm vụ xây dựng, Quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu và Biên bản nghiệm thu)
79			2.8.04	Biên bản họp khoa về việc rà soát, đánh giá, cập nhật ngân hàng câu hỏi/đề thi
80			2.8.05	Quyết định công nhận tốt nghiệp các năm học.
81			2.8.06	Hồ sơ đánh giá kết quả rèn luyện HSSV (Quy chế, Quy trình, QĐ thành lập hội đồng đánh giá, Quyết định công nhận).
82			2.8.07	Thông báo và Biên bản họp về việc rà soát các Quy chế, Quy định liên quan đến đào tạo.

83			2.8.08		Các quy trình đảm bảo chất lượng của nhà trường
84	3	3.1	3.1.01		Quyết định số 533/QĐ-CĐCN&TM ban hành Quy định tuyển dụng, sử dụng và bồi dưỡng viên chức.
85			3.1.02		Quyết định số 495/QĐ-CĐCN&TM ban hành Quy định về việc quy hoạch cán bộ.
86			3.1.03		Các quy định về đánh giá viên chức, người lao động và nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.
87			3.1.04		Kế hoạch và Báo cáo Kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo về chuyên môn nghiệp vụ 2023, 2024.
88		3.2	3.2.01		Hồ sơ tuyển dụng viên chức các năm (kế hoạch, thông báo, quyết định thành lập HĐTD, biên bản, kết quả...).
89			3.2.02		Kế hoạch bồi dưỡng viên chức các năm và các quyết định cử viên chức đi học tập, bồi dưỡng.
90			3.2.03		Các minh chứng thực hiện chế độ chính sách (Quy chế chi tiêu nội bộ, Bảng tổng hợp khối lượng giáo viên, Quyết định chi tết, ngày lễ...).
91			3.2.04		Chứng từ nộp BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động
92		3.3	3.3.01		Danh sách trích ngang nhà giáo (cơ hữu, thỉnh giảng) và hồ sơ quản lý nhà giáo, người lao động.
93			3.3.02		Bảng quy đổi tỷ lệ học sinh trên nhà giáo.
94			3.3.03		Đề án vị trí việc làm, Danh mục vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.
95			3.3.04		Bảng giao khối lượng đầu học kỳ
96			3.3.05		Bảng thống kê Tỷ lệ người học quy đổi / số nhà giáo quy đổi Tỷ lệ nhà giáo cơ hữu trên tổng số nhà giáo quy đổi
97		3.4		2.4.05	Các chương trình đào tạo của trường.
98			3.4.01		Giáo án các năm học
99				2.4.04	Sổ lên lớp các năm học
100				2.7.03	Biên bản thanh, kiểm tra đào tạo và Kế hoạch cải tiến chất lượng CSGDNN
101				2.3.03	Quy định về việc tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun.
102		3.5		3.2.03	Các minh chứng thực hiện chế độ chính sách (Quy chế chi tiêu nội bộ, Quyết định khen thưởng...).
103				2.3.04	Kế hoạch dự giờ và Phiếu đánh giá bài giảng

104				1.1.11	Báo cáo Tổng kết năm học (Báo cáo thực hiện QC công khai)
105		3.6	3.6.01		Kế hoạch tổ chức các lớp bồi dưỡng tại trường và Kế hoạch tổ chức sát hạch ngoại ngữ, tin học.
106			3.6.02		Công văn, Quyết định cử nhà giáo đi học tập, trải nghiệm tại các doanh nghiệp.
107			3.6.03		Báo cáo kết quả thực tập doanh nghiệp của nhà giáo.
108		3.7	3.7.01		Danh sách trích ngang và Hồ sơ Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng.
109			3.7.02		Quy chế và hồ sơ thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ quản lý.
110			3.7.03		Danh sách trích ngang và Phiếu đánh giá viên chức, người lao động hằng năm.
111			3.7.04		Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ quản lý và các quyết định cử cán bộ quản lý đi tập huấn nghiệp vụ hằng năm.
112	4	4.1		2.8.08	Các quy trình đảm bảo chất lượng của nhà trường
113			4.1.01		Quyết định thành lập Ban Chủ nhiệm rà soát, chỉnh sửa, xây dựng các chương trình đào tạo
114			4.1.02		Biên bản họp khoa và Biên bản hội thảo xin ý kiến đóng góp của các bên liên quan về chương trình đào tạo.
115			4.1.03		Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/Hội đồng đánh giá và Hồ sơ thẩm định/ đánh giá các chương trình đào tạo.
116		4.2		2.4.05	Các chương trình đào tạo của trường.
117				1.2.03	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.
118			4.2.01		Chuẩn đầu ra cho các ngành đào tạo.
119		4.3		4.2.01	Chuẩn đầu ra cho các ngành đào tạo.
120				4.1.02	Biên bản hội thảo xin ý kiến đóng góp của các bên liên quan về chương trình đào tạo.
121			4.3.01		Ma trận đối sánh Chuẩn đầu ra (CDR) của CTĐT với yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam (KTĐQG)
122			4.3.02		https://coit.edu.vn/chuan-dau-ra
23		4.4		4.1.01	Quyết định thành lập Ban Chủ nhiệm/Hội đồng rà soát, chỉnh sửa, xây dựng chương trình đào tạo.
124				4.1.02	Biên bản họp khoa và Biên bản hội thảo xin ý kiến đóng góp của các bên liên quan về chương trình đào tạo.
125			4.4.01		Kế hoạch khảo sát các bên liên quan phục

				vụ công tác đảm bảo chất lượng	
126			4.4.02	Báo cáo kết quả khảo sát doanh nghiệp, cựu HSSV về CTĐT	
127		4.5		2.8.08	Các quy trình đảm bảo chất lượng của nhà trường
128			4.5.01	Các kế hoạch, quyết định, hồ sơ, biên bản, phiếu nhận xét về việc lựa chọn, biên soạn, điều chỉnh và thẩm định giáo trình đào tạo.	
129		4.6	4.6.01	Danh mục giáo trình giảng dạy của trường.	
130			4.6.02	Giáo trình giảng dạy của trường (bản cứng/mềm).	
131			4.6.03	Quyết định phê duyệt, ban hành giáo trình đào tạo.	
132		4.7	4.7.01	Kế hoạch và Báo cáo kết quả thu thập, tổng hợp ý kiến khảo sát về mức độ phù hợp của giáo trình.	
133			4.7.02	Biên bản họp rà soát, đánh giá cập nhật danh mục giáo trình giảng dạy.	
134	5	5.1	5.1.01	Quy định về quản lý sử dụng tài sản.	
135			5.1.02	Quy trình về bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị.	
136			5.1.03	Quyết định phân công quản lý phòng thí nghiệm, xưởng thực hành.	
137			5.1.04	Phân mềm Quản lý thiết bị.	
138			5.1.05	Hồ sơ kiểm kê tài sản các năm 2022, 2023, 2024.	
139			5.1.06	Báo cáo tổng kết công tác quản lý tài sản hàng năm.	
140		5.2	5.2.01	Hồ sơ quy hoạch (Bản đồ, Quyết định phê duyệt quy hoạch).	
141			5.2.02	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.	
142			5.2.03	Tổng mặt bằng 03 cơ sở của trường.	
143			5.2.04	Hồ sơ hạ tầng kỹ thuật (Hồ sơ, bản vẽ, biên bản kiểm tra về hệ thống điện, nước, PCCC, xử lý nước thải, thu gom rác thải).	
144		5.3	5.3.01	Hồ sơ thiết kế, bản vẽ hoàn công các khu chức năng (nhà làm việc, nhà học, xưởng thực hành, ký túc xá).	
145			5.3.02	Thông kê cơ sở vật chất, hạng mục công trình.	
146			5.3.03	Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của trường với danh mục thiết bị đạo tạo tối thiểu do Bộ LĐTBXH ban hành.	
147		5.4	5.4.01	Hồ sơ về PCCC (Biên bản kiểm tra, kế hoạch, biên bản diễn tập, Quyết định cử đi tập huấn, hồ sơ nghiệm thu hệ thống	

				PCCC).	
148			5.4.02	Các Nội quy của trường (Nội quy PCCC, Nội quy phòng thực hành).	
149			5.4.03	Hợp đồng thu gom vận chuyển rác thải.	
150		5.5		5.1.05	Hồ sơ kiểm kê thiết bị các năm 2022, 2023, 2024.
151			5.5.01		Kế hoạch và Hồ sơ bảo trì, bảo dưỡng thiết bị các năm 2022, 2023, 2024.
152			5.5.02		Hồ sơ thể hiện việc bố trí hợp lý tại xưởng thực hành (hồ sơ lắp đặt, tiêu chí và biên bản kiểm tra 5S).
153		5.6	5.6.01		Quyết định ban hành định mức tiêu hao vật tư cho các nghề đào tạo.
154			5.6.02		Quy định về cấp phát vật tư.
155			5.6.03		Hồ sơ, biên bản giao nhận vật tư thực tập.
156		5.7	5.7.01		Sổ kiểm kê thư viện các cơ sở các năm 2022, 2023, 2024.
157			5.7.02		Quy chế tổ chức hoạt động của Thư viện và Nội quy phòng đọc.
158			5.7.03		Hồ sơ thiết kế, bản vẽ hoàn công các công trình (trong đó có thư viện).
159		5.8	5.8.01		Danh mục giáo trình, tài liệu tại thư viện.
160			5.8.02		Hồ sơ về thư viện điện tử (Hợp đồng, hình ảnh giao diện, trang web).
161			5.8.03		Kế hoạch hướng dẫn sinh viên tra cứu và sử dụng tài liệu, Kế hoạch tổ chức ngày hội đọc sách.
162			5.8.04		Báo cáo hoạt động thư viện các năm học.
163			5.8.05		Báo cáo kết quả lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy (trong đó có nội dung về học liệu, thư viện).
164	6	6.1	6.1.01		Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy định thi đua khen thưởng, chính sách khuyến khích NCKH và sáng kiến cải tiến
165			6.1.02		Quy chế/Quy định riêng về hoạt động Khoa học và Công nghệ của trường
166			6.1.03		Các Quyết định ban hành chính sách khuyến khích cán bộ, nhà giáo, HSSV tham gia NCKH, sáng kiến
167			6.1.04		Danh sách đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến được duyệt hằng năm
168			6.1.05		Quyết định phê duyệt, Biên bản nghiệm thu đề tài NCKH/sáng kiến
169			6.1.06		Báo cáo/sản phẩm ứng dụng kết quả NCKH, sáng kiến vào đào tạo và phục vụ cộng đồng
170			6.1.07		Báo cáo tổng kết hoạt động NCKH, sáng

				kiến cải tiến, phục vụ cộng đồng hằng năm
171	6.2	6.2.01		Quyết định phê duyệt danh mục đề tài NCKH, sáng kiến cấp trường hằng năm (2022, 2023, 2024)
172		6.2.02		Quyết định giao nhiệm vụ/ Hợp đồng thực hiện đề tài, sáng kiến
173		6.2.03		Hồ sơ triển khai nghiên cứu: đề cương, tiến độ, báo cáo giữa kỳ
174		6.2.04		Biên bản nghiệm thu đề tài NCKH, sáng kiến cải tiến (2022, 2023, 2024)
175		6.2.05		Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu, sáng kiến cải tiến
176		6.2.06		Sản phẩm nghiên cứu, sáng kiến (mô hình, thiết bị dạy học, phần mềm, tài liệu...)
177			6.1.07	Báo cáo tổng kết hoạt động NCKH và sáng kiến hằng năm của trường
178	6.3	6.3.01		Danh mục bài báo khoa học, bài viết đăng trên tạp chí chuyên ngành/ấn phẩm tương đương (2022, 2023, 2024)
179		6.3.02		Bản sao các bài báo, ấn phẩm khoa học đã công bố
180			6.1.07	Báo cáo tổng kết hoạt động NCKH và sáng kiến hàng năm của trường (có nội dung thống kê bài báo khoa học)
181	6.4	6.4.01		Biên bản ghi nhớ (MOU), thỏa thuận hợp tác với trường, tổ chức, cá nhân nước ngoài
182		6.4.02		Hồ sơ triển khai hợp tác quốc tế: kế hoạch, chương trình làm việc, quyết định cử cán bộ, HSSV tham gia
183		6.4.03		Báo cáo kết quả hoạt động hợp tác quốc tế hằng năm (2022, 2023, 2024)
184		6.4.04		Hồ sơ minh chứng tiếp nhận chuyên gia, giảng viên, tình nguyện viên quốc tế đến giảng dạy, trao đổi
185		6.4.05		Hồ sơ minh chứng HSSV, cán bộ, nhà giáo tham gia học tập, thực tập, bồi dưỡng ở nước ngoài trong khuôn khổ hợp tác
186		6.4.06		Báo cáo tổng kết hoạt động hợp tác quốc tế, thể hiện tác động đến chất lượng đào tạo
187	7	7.1	2.3.01	Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng và trung cấp.
188		7.1.01		Quy chế công tác học sinh, sinh viên.
189		7.1.02		Danh mục ngành, nghề, chương trình đào tạo được phê duyệt, công khai trên website
190		7.1.03		Thông báo về việc hoàn thiện hồ sơ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và chính sách nội trú các năm học.

191			7.1.04		Quyết định về việc miễn giảm học phí cho học sinh thuộc đối tượng tốt nghiệp THCS học tiếp lên trình độ Trung cấp các năm học.
192			7.1.05		Kế hoạch tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân - HSSV” đầu khóa.
193			7.1.06		website chính thức của trường (www.coit.edu.vn)
194		7.2		7.1.01	Quy chế công tác học sinh, sinh viên.
195				7.1.03	Thông báo về việc hoàn thiện hồ sơ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và chính sách nội trú các năm học.
196				7.1.04	Quyết định về việc miễn giảm học phí cho học sinh thuộc đối tượng tốt nghiệp THCS học tiếp lên trình độ Trung cấp các năm học.
197				7.1.05	Kế hoạch tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân - HSSV” đầu khóa (phổ biến chế độ, chính sách, quyền lợi, nghĩa vụ của người học)
198			7.2.01		Danh sách HSSV thuộc diện chính sách được hưởng chế độ ưu tiên, miễn giảm học phí, hỗ trợ học tập
199			7.2.02		Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện chế độ, chính sách đối với người học hằng năm
200			7.2.03		Quyết định về việc cấp học bổng chính sách và các khoản hỗ trợ khác đối với HSSV.
201		7.3	7.3.01		Quy chế xét cấp học bổng khuyến khích học tập cho học sinh, sinh viên.
202			7.3.02		Hồ sơ khen thưởng HSSV (Quyết định thành lập Hội đồng, Quyết định và danh sách khen thưởng...).
203			7.3.03		Hồ sơ miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, chính sách nội trú... dành cho HSSV có hoàn cảnh khó khăn
204			7.3.04		Công khai thông tin về khen thưởng, học bổng, chính sách hỗ trợ trên website trường
205			7.3.05		Quy định về công tác giáo viên chủ nhiệm tại trường.
206		7.4	7.4.01		Kế hoạch tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao các năm
207			7.4.02		Hồ sơ hoạt động văn hóa, văn nghệ của HSSV
208			7.4.03		Hồ sơ hoạt động thể dục, thể thao của HSSV
209			7.4.04		Hồ sơ tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, hội thi sáng tạo, khởi nghiệp của HSSV

210			7.4.05		Hồ sơ hoạt động tình nguyện, xã hội, phục vụ cộng đồng của HSSV
211			7.4.06		Minh chứng khen thưởng, giấy chứng nhận, giải thưởng của HSSV trong các hoạt động văn hóa, TDTT, NCKH, xã hội
212			7.4.07		Công khai thông tin, tin bài hoạt động HSSV trên website, bản tin trường
213			7.4.08		Báo cáo tổng kết công tác đoàn các năm
214		7.5		7.1.01	Quy chế công tác học sinh, sinh viên.
215			7.5.01		Kế hoạch tổ chức các hoạt động hướng nghiệp và giới thiệu việc làm các năm.
216			7.5.02		Quy định về quản lý HSSV nội trú.
217			7.5.03		Hồ sơ y tế, Hợp đồng Canteen, Giấy chứng nhận Vệ sinh an toàn thực phẩm.
218			7.5.04		Phiếu khảo sát ý kiến người học và các bên liên quan về công tác quản lý, hỗ trợ HSSV
219			7.5.05		Báo cáo kết quả khảo sát HSSV về hiệu quả các hình thức đào tạo, CSVC, chất lượng dịch vụ...
220	8	8.1		2.8.05	Quyết định công nhận tốt nghiệp các năm học
221				1.1.11	Báo cáo tổng kết năm học 2022, 2023, 2024
222			8.1.01		Biên bản họp/ Báo cáo phân tích nguyên nhân bỏ học và giải pháp cải tiến
223			8.1.02		Mục tiêu chất lượng trường các năm học 2022–2025
224			8.1.03		Hồ sơ ĐBCL nội bộ: Quy trình, Báo cáo đánh giá, kế hoạch cải tiến liên quan đến tỷ lệ bỏ học/tốt nghiệp
225			8.1.04		Quy chế, chính sách hỗ trợ HSSV (miễn giảm, học phí, nội trú, hỗ trợ học tập)
226			8.1.05		Hình ảnh công khai Tuần sinh hoạt công dân – HSSV, website trường
227		8.2	8.2.01		Kế hoạch thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động năm 2022, 2023, 2024
228			8.2.02		Phiếu thu thập ý kiến Doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024
229			8.2.03		Danh sách Doanh nghiệp khảo sát năm 2022, 2023, 2024
230			8.2.04		Phiếu thu thập ý kiến cựu HSSV năm 2022, 2023, 2024
231		8.3	8.3.01		Kế hoạch thu thập ý kiến về các chính sách năm 2022, 2023, 2024

232			8.3.02		Danh sách cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động được thu thập ý kiến các năm 2022, 2023, 2024
233			8.3.03		Phiếu khảo sát về các chính sách năm 2022, 2023, 2024.
234			8.3.04		Bảng tổng hợp kết quả khảo sát các năm 2022, 2023, 2024
235		8.4	8.4.01		Phiếu khảo sát các hoạt động đảm bảo chất lượng trong Nhà trường
236			8.4.02		Kế hoạch Khảo sát HSSV, Doanh nghiệp/đơn vị sử dụng lao động và cán bộ - viên chức - người lao động, phục vụ công tác đảm bảo chất lượng các năm học
237			8.4.03		Danh sách HSSV tham gia khảo sát về hiệu quả các hình thức, phương thức đào tạo; cơ sở vật chất; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và thực hiện chính sách liên quan đến người học, các năm học
238			8.4.04		Báo cáo kết quả khảo sát HSSV về hiệu quả các hình thức, phương thức đào tạo; cơ sở vật chất; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và thực hiện chính sách liên quan đến người học các năm học
239		8.5	8.5.01		Kế hoạch tự đánh giá chất lượng Cơ sở giáo dục các năm 2022, 2023, 2024
240			8.5.02		Quyết định Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng các năm 2022, 2023, 2024
241			8.5.03		Biên bản họp Hội đồng Tự đánh giá các năm 2022, 2023, 2024
242			8.5.04		Báo cáo tự đánh giá các năm 2022, 2023, 2024
243			8.5.05		https://coit.edu.vn/bao-cao-tu-danh-gia.html
244			8.5.06		Kế hoạch số 429/KH-CĐCN&TM, ngày 06/9/2023 kế hoạch cải tiến chất lượng năm 2023
245			8.5.07		Kế hoạch số 614/KH-CĐCN&TM, ngày 20/12/2023 kế hoạch cải tiến chất lượng năm 2024
246		8.6	8.6.01		Kế hoạch điều tra lần vết các năm 2022, 2023, 2024
247			8.6.02		Danh sách HSSV được thu thập ý kiến theo từng nghề
248				2.8.03	Quyết định công nhận tốt nghiệp các năm học.
249			8.6.03		Phiếu khảo sát tình hình việc làm của người học sau khi tốt nghiệp và Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của người học

					sau khi tốt nghiệp
--	--	--	--	--	--------------------